



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**  
юридический университет при  
университете хюэ



**ĐẠI HỌC TỔNG HỢP QUỐC GIA TULA**  
тульский государственный  
университет

\* \* \* \* \*

**BÁO CÁO THAM LUẬN**  
**HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ**  
Выступление с докладом на конференции

**“HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH  
VỰC TƯ PHÁP HÌNH SỰ HIỆN NAY –  
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN”**

«Совершенствование законодательной и  
правоприменительной практики в сфере уголовно-  
правовых наук в современных условиях:  
дискуссионные вопросы»

**THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022**  
**9, 10 июня 2022 года**

**CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO QUỐC TẾ**  
**“HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC**  
**TƯ PHÁP HÌNH SỰ HIỆN NAY - LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN”**

-----

Trực tiếp:

- Điểm cầu Việt Nam: Phòng Hội thảo Nhà A1, Trường Đại học Luật, Đại học Huế
- Điểm cầu Liên bang Nga: Trung tâm sáng kiến công nghệ, Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Tula, Liên bang Nga

Trực tuyến (nền tảng Zoom): Meeting ID: 851 8869 1277 - Passcode: 686868

<b>NGÀY THỨ 1:</b> Thứ Năm, ngày 09/06/2022 - Việt Nam: 14h00 - Liên bang Nga: 10h00	
13:30 – 14:00	Đón tiếp và đăng ký đại biểu
14:00 – 14:20	Phát biểu khai mạc Hội thảo: - PGS.TS. Đoàn Đức Lương - Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế - GS.TS. Kravchenko Oleg Alexandrovich - Hiệu trưởng Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Tula - Gritsaenko Alexander Alexandrovich - Công tố viên Trưởng tỉnh Tula, cố vấn tư pháp cấp cao
<b>PHIÊN THỨ NHẤT</b>	<b>CÁC VẤN ĐỀ CẤP THIẾT HIỆN NAY CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ</b> Chủ tọa phía Việt Nam: <b>PGS. TS. Nguyễn Duy Phương, PGS. TS. Trần Văn Độ, TS. Nguyễn Ngọc Kiện</b> Chủ tọa phía Liên bang Nga: <b>GS. TSKH. Tolstukhina Tatyana Viktorovna, PGS.TS. Svetlichny Alexander Alekseevich, TS. Chu Văn Hùng</b>
14:20 – 14:30	Tham luận 1: Sử dụng công nghệ thông tin hiện đại trong tố tụng hình sự  Trình bày: PGS.TS. Bessonov Alexey Alexandrovich, quyền Hiệu trưởng Học viện Mátxcova của Ủy ban điều tra Liên bang Nga
14:30 – 14:40	Tham luận 2: Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân trong bảo đảm xét xử công bằng trong tố tụng hình sự ở Việt Nam  Trình bày: TS. Nguyễn Ngọc Kiện, Trưởng khoa Luật Hình sự, Trường Đại học Luật, Đại học Huế
14:40 – 14:50	Tham luận 3: Một số luận điểm về vấn đề hình thức điều tra tập thể hoạt động tội phạm xuyên quốc gia có tính chất cực đoan

	<p>Trình bày: PGS.TS. Davydov Vladimir Olegovich, Phó giám đốc Công an tỉnh Tula, Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Tula, Liên bang Nga</p>
14:50 – 15:00	<p>Tham luận 4: Khung lý thuyết về nguyên tắc của tố tụng hình sự nhìn từ nguyên tắc suy đoán vô tội</p> <p>Trình bày: TS Đinh Thế Hưng, Trưởng phòng Pháp luật hình sự, Viện Nhà nước và Pháp luật - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam</p>
15:00 – 15:30	Thảo luận
15:30 – 15:45	Giải lao – Chụp ảnh lưu niệm
<b>PHIÊN THỨ HAI</b>	<p><b>XU HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ, ĐIỀU TRA HÌNH SỰ VÀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP</b></p> <p>Chủ tọa phía Việt Nam: <b>PGS. TS. Trần Văn Độ, LS. Nguyễn Thị Huyền Trang, TS. Nguyễn Ngọc Kiên</b></p> <p>Chủ tọa phía Liên bang Nga: <b>GS. TSKH. Tolstukhina Tatyana Viktorovna, PGS.TS. Svetlichny Alexander Alekseevich, TS. Chu Văn Hùng</b></p>
15:40 - 15:50	<p>Tham luận 5: Về xu hướng hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự: quan điểm của nhà khoa học và thực tiễn</p> <p>Trình bày: GS.TS. Gavrilov Boris Yakovlevich, Bộ môn quản lý các cơ quan điều tra tội, Học viện quản lý Bộ Nội vụ Liên bang Nga</p>
15:50 – 16:00	<p>Tham luận 6: Bàn về những khó khăn đối với hoạt động bào chữa của luật sư trong các vụ án hình sự về tham nhũng từ thực tiễn Việt Nam hiện nay</p> <p>Trình bày: LS. Nguyễn Thị Huyền Trang, Chủ tịch công ty luật Viên An</p>
16:00- 17:00	Thảo luận
17:00	Kết thúc ngày thứ 1 Hội thảo

<p style="text-align: center;"><b>Thứ Sáu, ngày 10/06/2022</b></p> <p><b>NGÀY THỨ 2:</b> - Việt Nam: 14h00 - Liên bang Nga: 10h00</p>	
<b>PHIÊN THỨ NHẤT</b>	<p style="text-align: center;"><b>HỢP TÁC QUỐC TẾ NHƯ MỘT CÔNG CỤ HỮU HIỆU ĐỂ CHỐNG TỘI PHẠM</b></p> <p>Chủ tọa phía diễn cầu Việt Nam: <b>PGS.TS. Trần Văn Độ, TS. Nguyễn Ngọc Kiện, TS. Cao Đình Lành</b></p> <p>Chủ tọa phía diễn cầu Liên bang Nga: <b>GS. TSKH. Tolstukhina Tatyana Viktorovna, PGS.TS. Svetlichny Alexander Alekseevich, TS. Chu Văn Hùng</b></p>
<b>14:00 – 14:10</b>	<p><b>Tham luận 1: Tình hình hiện nay và triển vọng phát triển của trường phái khoa học của trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga</b></p> <p>Trình bày: <b>GS.TS. Smirnova Svetlana Arkadievna</b>, trưởng Bộ môn Giám định tư pháp của trường Đại học hữu nghị các dân tộc Liên bang Nga</p>
<b>14:10 – 14:20</b>	<p><b>Tham luận 2: Hợp tác quốc tế như một nhân tố trong sự phát triển hiện nay của khoa học điều tra tội phạm</b></p> <p>Trình bày: <b>GS.TS. Volchetskaya Tatyana Stanislavovna</b>, Đại học Liên bang Baltic mang tên Immanuel Kant</p>
<b>14:20 – 14:30</b>	<p><b>Tham luận 3: Bảo vệ thông tin cá nhân trong các giao dịch điện tử bằng pháp luật hình sự - Kinh nghiệm của các nước và gợi mở cho Việt Nam</b></p> <p>Trình bày: <b>TS. Nguyễn Thị Bình</b>, GV Khoa Luật hình sự, Trường Đại học Luật, Đại học Huế</p>
<b>14:30 – 15:30</b>	Thảo luận
<b>15:30 – 15:50</b>	Giải lao – Chụp ảnh lưu niệm

<p style="text-align: center;"><b>PHIÊN THỨ HAI</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>TRIỂN VỌNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH TÓ TỤNG HÌNH SỰ, TỘI PHẠM HỌC, ĐIỀU TRA TỘI PHẠM, GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP VÀ HOẠT ĐỘNG TRÌNH SÁT</b></p> <p>Chủ tọa phía Việt Nam: <b>PGS.TS. Trần Văn Độ, TS. Nguyễn Ngọc Kiện, LS. Nguyễn Thị Huyền Trang</b></p> <p>Chủ tọa phía Liên bang Nga: <b>GS. TSKH. Tolstukhina Tatyana Viktorovna, PGS.TS. Svetlichny Alexander Alekseevich, TS. Chu Văn Hùng</b></p>
<p style="text-align: center;"><b>15:50 – 16:00</b></p>	<p><b>Tham luận 4: Tội phạm học trong lĩnh vực quân sự và ảnh hưởng đối với pháp luật hình sự</b></p> <p><b>Trình bày: GS.TS. Milyukov Sergei Fyodorovich, Đại học Sư phạm Quốc gia Liên bang Nga mang tên A.I. Herzen</b></p>
<p style="text-align: center;"><b>16:00 – 16:10</b></p>	<p><b>Tham luận 5: Việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số trong khám nghiệm hiện trường</b></p> <p><b>Trình bày: GS.TS. Kustov Anatoly Mikhailovich, bộ môn luật hình sự và điều tra tội phạm, cán bộ khoa học chính, Học viện quản lý Bộ Nội vụ Liên bang Nga</b></p>
<p style="text-align: center;"><b>16:10 - 16:50</b></p>	<p><b>Thảo luận</b></p>
<p style="text-align: center;"><b>16:50</b></p>	<p><b>Bế mạc – Tổng kết Hội thảo</b></p>

## MỤC LỤC

**Ngày 09/06/2022**

**Tham luận 1**

**SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HIỆN ĐẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ..... 1**

Bessonov Alexey Alexandrovich

**Tham luận 2**

**CƠ QUAN ĐIỀU TRA, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG BẢO ĐẢM XÉT XỬ CÔNG BẰNG TỔ TỤNG HÌNH SỰ Ở VIỆT NAM..... 10**

Nguyễn Ngọc Kiện; Nguyễn Thị Huyền Trang; Chu Văn Hùng

**Tham luận 3**

**MỘT VÀI LUẬN ĐIỂM VỀ VẤN ĐỀ HÌNH THỨC ĐIỀU TRA TẬP THỂ HOẠT ĐỘNG TỘI PHẠM XUYÊN QUỐC GIA CÓ TÍNH CHẤT CỤC ĐOAN ..... 37**

Davydov Vladimir Olegovich

**Tham luận 4**

**KHUNG LÝ THUYẾT VỀ NGUYÊN TẮC CỦA TỔ TỤNG HÌNH SỰ NHÌN TỪ NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI ..... 44**

Đình Thế Hưng

**Tham luận 5**

**VỀ XU HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ: QUAN ĐIỂM CỦA NHÀ KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN..... 51**

Gavrilov Boris Yakovlevich

**Tham luận 6**

**BÀN VỀ NHỮNG KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG BẢO CHỮA CỦA LUẬT SƯ TRONG CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ VỀ THAM NHỮNG TỪ THỰC TIỄN VIỆT NAM HIỆN NAY ..... 61**

Nguyễn Thị Huyền Trang

**Ngày 10/06/2022**

**Tham luận 1**

**TÌNH HÌNH HIỆN NAY VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG PHÁI KHOA HỌC CỦA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP LIÊN BANG NGA THUỘC BỘ TƯ PHÁP NGA..... 69**

Smirnova Svetlana Arkadievna

**Tham luận 2**

**HỢP TÁC QUỐC TẾ LÀ NHÂN TỐ CỦA SỰ PHÁT TRIỂN HIỆN NAY CỦA KHOA HỌC ĐIỀU TRA HÌNH SỰ..... 75**

Volchetskaya Tatyana Stanislavovna

**Tham luận 3**

**BẢO VỆ THÔNG TIN CÁ NHÂN TRONG CÁC GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ BẰNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ - KINH NGHIỆM CỦA CÁC NƯỚC VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM<sup>81</sup>**

Nguyễn Thị Bình

**Tham luận 4**

**TỘI PHẠM HỌC TRONG LĨNH VỰC QUÂN SỰ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI PHÁP LUẬT HÌNH SỰ..... 104**

Milyukov Sergei Fyodorovich.

**Tham luận 5**

**VIỆC SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT SỐ TRONG KHÁM NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG ..... 111**

Kustov Anatoly Mikhailovich

## **Tham luận 1:**

# **SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HIỆN ĐẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ**

**Bessonov Alexey Alexandrovich\***

*Bản dịch của TS. Chu Văn Hùng*

**Tóm tắt:** Các công nghệ thông tin hiện đại, chủ yếu là trí tuệ nhân tạo, đang bắt đầu trở nên vững chắc trong việc thực thi pháp luật. Tổ tụng hình sự là lĩnh vực mà trong đó các vấn đề bảo vệ quyền và tự do của con người xác định sự cần thiết phải có một cách tiếp cận cực kỳ cân bằng để đưa các công nghệ này vào đó. Về vấn đề này, bài viết thảo luận về những ưu điểm và hạn chế của công nghệ trí tuệ nhân tạo, cũng như các lĩnh vực có thể áp dụng chúng trong tổ tụng hình sự.

**Từ khóa:** công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, tổ tụng hình sự.

Trong vài năm trở lại đây, các công bố khoa học lần lượt xuất hiện về việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong tổ tụng hình sự. Hơn nữa, các quan điểm khác nhau, thường bị phản đối hoàn toàn, được thể hiện về vấn đề này, có thể được chia thành hai nhóm chính. Theo quan điểm thứ nhất, trước những thành tựu của tiến bộ khoa học và công nghệ, người thực thi pháp luật là con người (ví dụ, điều tra viên hoặc thẩm phán) có thể được thay thế bằng các tác nhân thông minh [1]. Thứ hai là chỉ coi trí tuệ nhân tạo là cơ sở của các hệ thống hỗ trợ quyết định trong việc thực thi pháp luật mà không loại trừ một người nào trong đó [2; 3; 4; 5].

Ở đây, theo chúng tôi, nguyên tắc được thể hiện trong khái niệm về sự phát triển điều chỉnh các mối quan hệ trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo và công nghệ người máy [6] về cơ bản là có ý nghĩa, theo đó chỉ “ủy quyền” các quyết định nhất định đối với các hệ thống trí tuệ nhân tạo cần được luật pháp cho phép, khi điều này được thực hiện một cách khách quan và không gây ra mối đe dọa các quyền và tự do cơ bản của con người, phòng thủ đất nước và an ninh quốc gia.

Hơn nữa, khi giải quyết vấn đề về các lĩnh vực thực thi pháp luật cụ thể nơi các công nghệ trí tuệ nhân tạo sẽ được triển khai khi đưa ra các quyết định quan trọng về mặt pháp lý, điều quan trọng là phải tính đến không chỉ các đặc tính và khả năng tích

---

\* PGS.TS., Quyền Hiệu trưởng Học viện Mátxcova của Ủy ban Điều tr Liên Bang Nga; Email:bestallv@mail.ru.



cực rõ ràng của các công nghệ này mà còn cả thực tế là một số hạn chế của chúng có thể bù đắp trực tiếp hoặc gián tiếp, thậm chí dẫn đến tiêu cực trong lĩnh vực đang xem xét.

Trước hết, chúng ta hãy chỉ ra những ưu điểm của các thuật toán và hệ thống trí tuệ nhân tạo mà chúng được tích hợp: a) khả năng xử lý một lượng lớn thông tin (dữ liệu lớn); b) tốc độ tính toán cao kết hợp với tốc độ của máy tính hiện đại; c) khả năng xác định cả các mẫu rõ ràng và các quy luật không hiển nhiên trong dữ liệu đại diện cho các hiện tượng khác nhau của thế giới xung quanh [7, trang 27–37; 8, trang 1–31]. Tất cả những điều trên cho phép các hệ thống như vậy cung cấp cho một người những lựa chọn thích hợp nhất để hành động trong một tình huống nhất định trong các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống, kể cả trong tổ tụng hình sự.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét các hạn chế. Do đó, khi các hệ thống dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo trở nên phức tạp hơn, do lỗi hoặc do tác động bên ngoài có chủ ý, sẽ có nguy cơ biểu hiện hiện tượng “trí thông minh mới nổi”, bao gồm sự xuất hiện của các đặc tính mới không lường trước được của bất kỳ hệ thống sao cho không có yếu tố cấu thành nào có [9, trang 12].

Vấn đề này được thực tế hóa bởi các sự cố xảy ra trong những năm gần đây liên quan đến việc không đảm bảo an toàn cho dữ liệu cá nhân của một số lượng lớn người, do đó, đây là bằng chứng cho thấy mức độ an toàn của thông tin và hệ thống phân tích không đầy đủ trên trí tuệ nhân tạo.

Một hạn chế khác của việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong thực thi pháp luật hình sự là một số lượng lớn các tình huống bất thường không thể lường trước và mô tả trước bằng các thuật toán. Trong những tình huống như vậy, thành phần sáng tạo được đặt lên hàng đầu, mà như bạn biết, trí tuệ nhân tạo vẫn chưa được sở hữu.

Ở một mức độ nhất định, ý kiến về tính khách quan tuyệt đối của các hệ thống dựa trên công nghệ như vậy trong việc đánh giá chứng cứ và áp dụng quy phạm cả luật nội dung là sai lệch. Trước hết, các hệ thống như vậy là một tập hợp các thuật toán được thiết kế dựa trên các tiền lệ (án lệ) liên quan, và hệ thống thứ hai, là sản phẩm của hoạt động của con người, thường không phải là không có một số tính chủ quan và không đầy đủ nhất định. Ngoài ra, mô hình được sử dụng để thiết kế các hệ thống này có thể không chứa nhiều thông tin hơn đối tượng và hoạt động thực được phản ánh

trong các tài liệu về thực tiễn điều tra và xét xử. Hơn nữa, các chuyên gia tạo ra các hệ thống dựa trên các phương pháp trí tuệ nhân tạo cũng đưa vào chúng một yếu tố chủ quan, đưa ra lựa chọn ban đầu về các biến đầu vào và dữ liệu để đào tạo, từ đó xác định kiến trúc của hệ thống và theo đó, tạo ra kết quả đầu ra.

Như một ví dụ sinh động, chúng ta có thể trích dẫn thực tiễn sử dụng hệ thống giám định COMPAS (2014-2016) trong hệ thống tư pháp của một số bang của Hoa Kỳ, được thiết kế để đưa ra quyết định lựa chọn biện pháp ngăn chặn dưới hình thức giam giữ hoặc bảo lãnh trong quá trình xem xét một vụ án hình sự, cũng như trả tự do sớm. Bất chấp kiến trúc hoàn hảo và bộ máy toán học của hệ thống, nhược điểm chính của nó là thiên về các dân tộc thiểu số, điều này đã khiến việc khai thác thêm của nó bị đình chỉ. Lý do nằm ở dữ liệu thực nghiệm mà hệ thống này được đào tạo, vì theo truyền thống, các thẩm phán đưa ra quyết định không chỉ dựa trên cơ sở thống kê, mà còn được hướng dẫn bởi các tiêu chí giá trị, khi họ hiểu chúng [10, trang 70–72].

Về phần này, rất đáng đồng tình với ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Thẩm phán Liên bang Nga V.V. Momotov, người, trong mối quan hệ với thẩm phán với tư cách là một quan chức thực thi pháp luật, không phủ nhận nhu cầu sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong công việc của mình, lưu ý rằng "ít nhất là quá sớm để nói về việc thay thế thẩm phán bằng trí tuệ nhân tạo, nhưng rất có thể là không thể". Ông cũng chỉ ra rằng quá trình đưa ra các quyết định tư pháp bao gồm: lòng tin bên trong được hình thành dưới ảnh hưởng của các đặc điểm cá nhân của vụ án đang được xem xét; có tính đến một số tiêu chí và nguyên tắc đánh giá và giá trị được quy định trong luật; áp dụng sự tương tự của luật và pháp luật khi có những lỗ hổng trong lập pháp. Tất cả những điều trên đều nằm ngoài hiệu lực của trí tuệ nhân tạo [11]. Chúng ta hãy lưu ý rằng một người thực thi pháp luật tương tự, nhưng ở giai đoạn trước khi xét xử tố tụng và với quyền hạn cụ thể của riêng mình, là điều tra viên (điều tra viên sơ bộ).

Những điều trên cũng bổ sung cho lập luận về việc không thể phát hiện và thu giữ các dấu vết vật chất tại hiện trường vụ án (dấu vết tay, chân, dịch tiết sinh học, v.v.) bằng các hệ thống dựa trên trí tuệ nhân tạo.

Tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề liên quan đến các chi tiết cụ thể của việc sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong tố tụng tư pháp được khẳng định bởi Hiến

chương đạo đức châu Âu về việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong các hệ thống tư pháp và thực tế xung quanh chúng [12].

Đáng chú ý là văn bản quốc tế này không chỉ xác định các nguyên tắc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong tố tụng mà còn mô tả các kết quả nghiên cứu khoa học chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của nó liên quan đến lĩnh vực cụ thể này.

Trong bối cảnh của vấn đề đang được xem xét, có vẻ thích hợp tập trung vào các điều kiện chính xác định khả năng chấp nhận của các hệ thống trí tuệ nhân tạo trong khu vực được chỉ định và được ghi trong Điều lệ này: 1) nguyên tắc tôn trọng các quyền cơ bản, có nghĩa là đảm bảo phát triển và triển khai các công cụ và dịch vụ dựa trên trí tuệ nhân tạo, ưu tiên các quyền và tự do cơ bản của con người; 2) nguyên tắc không phân biệt đối xử, bao gồm việc không thể chấp nhận bất kỳ thái độ tiêu cực hoặc thiên vị nào đối với cả cá nhân và một số nhóm nhất định của họ; 3) nguyên tắc về chất lượng và an toàn, trong đó chỉ sử dụng các nguồn dữ liệu đã được xác minh và các hệ thống công nghệ đã được chứng nhận đáp ứng các yêu cầu an toàn cho như vậy; 4) nguyên tắc minh bạch, không thiên vị và đáng tin cậy, liên quan đến việc sử dụng các phương pháp xử lý dữ liệu mà người dùng có thể tiếp cận được với nhận thức và hiểu biết, cũng như đảm bảo khả năng kiểm soát bên ngoài (đánh giá) đối với công nghệ để thu được kết quả; 5) nguyên tắc kiểm soát của người dùng, theo đó người sử dụng phải được thông báo về phương pháp thu được kết quả và chịu trách nhiệm về việc áp dụng nó [12].

Việc giải thích các nguyên tắc này và nội dung của Hiến chương cho phép chúng tôi kết luận rằng các nước châu Âu cũng tuân thủ quan điểm rằng không thể thay thế hoàn toàn thẩm phán trong bất kỳ loại thủ tục pháp lý nào bằng trí tuệ nhân tạo, ít nhất là ở mức độ phát triển hiện tại của xã hội.

Tuy nhiên, nguyên tắc thứ ba cho phép chúng ta quay trở lại vấn đề về tính khách quan và "độ tinh khiết" của dữ liệu, trên đó không chỉ trí tuệ nhân tạo được thiết kế mà còn phát triển các giải pháp cụ thể. Ví dụ, chúng ta hãy xem xét các dữ liệu lớn được sử dụng trên Internet. Ngày nay, ngay cả các chuyên gia cũng không thể xác định được đâu là lượng thông tin giả mạo và đơn giản là không đáng tin cậy trong những dữ liệu này, và nó đang tăng lên theo cấp số nhân. Câu hỏi đặt ra: giá trị của các giải pháp được đề xuất bởi một hệ thống trí tuệ nhân tạo được thiết kế dựa trên thông tin sai lệch

hoặc đưa ra kết luận cụ thể dựa trên kết quả phân tích dữ liệu không đáng tin cậy sẽ như thế nào? Và đây hoàn toàn không phải là một câu hỏi vu vơ!

Một sự kiện mang tính bước ngoặt là việc các công ty công nghệ lớn nhất ở Nga thông qua Bộ Quy tắc Đạo đức trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo lần thứ nhất vào ngày 26 tháng 10 năm 2021 tại Moscow, nhằm mục đích tạo ra các điều kiện tiên quyết cho sự tin tưởng giữa một người và công nghệ tiên tiến này [13]. Bộ quy tắc được phát triển bởi Liên minh trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo và cùng với những thứ khác, đã phê duyệt các nguyên tắc cơ bản để đưa trí tuệ nhân tạo vào cuộc sống của chúng ta. Bản chất của những nguyên tắc này như sau:

- Ưu tiên chính của sự phát triển của công nghệ trí tuệ nhân tạo là bảo vệ lợi ích và quyền của con người và cá nhân cụ thể;
- Nhu cầu nhận thức về trách nhiệm trong việc tạo ra và sử dụng trí tuệ nhân tạo;
- Trách nhiệm về hậu quả của việc sử dụng các hệ thống trí tuệ nhân tạo luôn do một người gánh chịu;
- Các công nghệ trí tuệ nhân tạo nên được sử dụng cho mục đích đã định của chúng và chỉ khi nó mang lại lợi ích cho con người;
- Lợi ích của sự phát triển của công nghệ trí tuệ nhân tạo phải cao hơn lợi ích của cạnh tranh;
- Tính minh bạch và trung thực tối đa của việc thông tin về mức độ phát triển của các công nghệ trí tuệ nhân tạo, các cơ hội và rủi ro của chúng [13].

Có vẻ như những nguyên tắc này cần được lưu ý khi nghiên cứu vấn đề sử dụng trí tuệ nhân tạo trong việc thực hiện quyền tư pháp. Các nhà nghiên cứu khác nhau đề xuất các hình thức sử dụng nó trong lĩnh vực này như sau: như một hệ thống thông tin và phân tích hỗ trợ cho các hoạt động của thẩm phán (ví dụ, tính toán loại và số lượng hình phạt hình sự, chuẩn bị dự thảo các hành vi xét xử, lựa chọn và phân tích các quyết định của tòa án trong các trường hợp tương tự); khi xem xét các yêu cầu không thể chối cãi, ví dụ, trong quá trình tố tụng bằng văn bản; như hệ thống phiên âm giọng nói trong các phiên tòa; để xác định các quyết định cố ý không công bằng [14, trang 151–203; 15, trang 91–107].

Như một ví dụ rất gần đây, tin tức cho rằng các chuyên gia Trung Quốc đã tạo ra "công tố viên có trí tuệ nhân tạo" đầu tiên trên thế giới, được gọi là "Hệ thống 206",

dựa trên đánh giá chứng cứ trong vụ án, có thể đưa ra cáo buộc chính xác trên 97% đối với 8 loại tội phạm. Sản phẩm phần mềm này được thiết kế để đánh giá tầm quan trọng của chứng cứ và sự tồn tại của các cơ sở để bắt giữ [16].

Là một trong những lĩnh vực quan trọng của việc sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo liên quan đến tranh tụng, các nhà khoa học và các nhà thực tiễn chỉ định tư vấn và hỗ trợ pháp lý trong việc chuẩn bị các tài liệu cần thiết để ra tòa trong một loại thủ tục pháp lý cụ thể và trong quá trình tham gia phiên tòa.

Những công nghệ này có thể không ít nhu cầu ở giai đoạn trước khi xét xử tố tụng hình sự. Tóm tắt các đề xuất được đưa ra liên quan đến việc hiện thực hóa tiềm năng của chúng, ở đây chúng tôi chỉ định các hệ thống sau: hỗ trợ quyết định cho người tiến hành điều tra: trước hết, đưa ra các hướng dẫn điều tra; đánh giá mức độ đầy đủ của chứng cứ để ra các quyết định tố tụng; tìm kiếm và thu thập chứng cứ trong các mảng thông tin kỹ thuật số có trong mạng xã hội, chi tiết kết nối điện thoại, mảng hình ảnh video của các hệ thống khác nhau, cơ sở dữ liệu thông tin quan trọng về mặt y học, v.v.; phân tích thông tin về một số loại tội phạm, ví dụ, những loại tội phạm có tính chất nội tiếp; đánh giá mức độ tin cậy của thông tin bằng lời nói do những người tham gia điều tra báo cáo; nơi làm việc tự động của điều tra viên (điều tra viên sơ bộ) [14, trang 65–150; 17, trang 137–141].

Vì các thuật toán tạo nên nội dung của trí tuệ nhân tạo, phần lớn, thuộc về các lĩnh vực thực tế, trong đó các ý tưởng thường được chứng minh theo kinh nghiệm hơn là về mặt lý thuyết [7, trang 29], có vẻ như các nghiên cứu về khả năng ứng dụng của chúng trong lĩnh vực này của tố tụng hình sự nên được tiến hành chủ yếu ở khía cạnh ứng dụng, dưới sự cho phép của pháp luật và quy định sau đó.

Về vấn đề này, ví dụ như bước đầu tiên, chúng tôi đã thực hiện một nghiên cứu về triển vọng của việc sử dụng các thuật toán trí tuệ nhân tạo và thống kê toán học trong điều tra tội phạm hàng loạt. Do đó, bằng cách sử dụng mô hình điều tra tội phạm kỹ thuật số về tội phạm hàng loạt được thực hiện vì động cơ tình dục, chúng tôi đã tạo ra hai sản phẩm phần mềm dựa trên phương pháp trí tuệ nhân tạo: 1) phần mềm phát hiện tội phạm hàng loạt và tội phạm "liên kết tội phạm" 17/06/2021); 2) chương trình máy tính "Chân dung tên tội phạm hàng loạt" "PorSerO" (Giấy chứng nhận đăng ký nhà nước về chương trình máy tính số 2022610749 ngày 14.01.2022).

Tóm lại, chúng tôi lưu ý rằng việc sử dụng các công nghệ thông tin hiện đại, chủ yếu là các phương pháp trí tuệ nhân tạo, trong tổ tụng hình sự là hoàn toàn có thể và cần thiết.

- như một cách để giải phóng những người thực thi pháp luật khỏi công việc thường ngày và đẩy nhanh quá trình thu được kết quả bằng cách sử dụng nó trong phần mềm chuyên dụng - tự động hóa quá trình phân tích thực tiễn xét xử và pháp luật liên quan đến một vụ việc cụ thể, các thủ tục nghiên cứu giám định, phiên âm của hành động điều tra và tư pháp bằng lời nói, v.v.;

- tìm kiếm chứng cứ về hoạt động tội phạm để phát hiện, điều tra và phòng ngừa (ví dụ, phân tích các mạng xã hội trên Internet);

- như một hệ thống hỗ trợ quyết định trong việc thực hiện các chức năng tổ tụng hình sự cụ thể trong quá trình tổ tụng hình sự.

Điều quan trọng là phải hiểu các khả năng và hạn chế của công nghệ thông tin hiện đại để tránh lạm dụng và mất niềm tin vào những công nghệ hiện đại và mới nổi này.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Власова С.В. К вопросу о приспособливании уголовно-процессуального механизма к цифровой реальности // Библиотека криминалиста. Научный журнал. – 2018. – № 1. – С. 9–18.
2. Афанасьев А.Ю. Искусственный интеллект или интеллект субъектов выявления, раскрытия и расследования преступлений: что победит? // Библиотека криминалиста. Научный журнал. – 2018. – № 3(38). – С. 28–34.
3. Бахтеев Д.В. Искусственный интеллект в криминалистике: состояние и перспективы использования // Российское право: образование, практика, наука. – 2018. – № 2 (104). – С. 43–49.
4. Себякин А.Г. Искусственный интеллект в криминалистике: система поддержки принятия решений // Baikal Research Journal. – 2019. – Т. 10. – № 4. – С. 21.

5. Сибилькова А.В. Искусственный интеллект на службе следователя // Российский следователь. – 2019. – № 3. – С. 68–70.
6. Концепция развития регулирования отношений в сфере технологий искусственного интеллекта и робототехники до 2024 года, утверждённая распоряжением Правительства Российской Федерации от 19 августа 2020 года № 2129-р // Собрание законодательства РФ. 31.08.2020. № 35. Ст. 5593.
7. Шолле Ф. Глубокое обучение на R. – СПб.: Издательство «Питер», 2018. – 400 с.
8. Russell, S.J., Norvig, P. (2020). Artificial Intelligence: A Modern Approach. 3th Edition. Pearson, 1151 p.
9. Каляев И.А. Искусственный интеллект: камо грядеши? // Экономические стратегии. – 2019. – № 5. – С. 6–15.
10. Ларина Е.С., Овчинский В.С. Искусственный интеллект. Большие данные. Преступность. («Коллекция Изборского клуба»). – М.: Книжный мир, 2018. – 416 с.
11. Выступление председателя Совета судей РФ В.В. Момотова на пленарном заседании VI Московского юридического форума по теме «Судебная власть в условиях современных цифровых технологий» (МГЮА(У), 4 апреля 2019 г.). URL: <http://www.ssrf.ru/news/vystupleniia-intierv-iu-publikatsii/32548> (дата обращения 01.05.2022).
12. Европейская этическая хартия об использовании искусственного интеллекта в судебных системах и окружающих их реалиях, принятая на 31-м пленарном заседании Европейской комиссии по эффективности правосудия, состоявшемся 3–4 декабря 2018 года в Страсбурге // <https://rm.coe.int/ru-ethical-charter-en-version-17-12-2018-mdl-06092019-2-/16809860f4> (дата обращения 01.05.2022).
13. В России подписан «Кодекс этики искусственного интеллекта» // Российская газета. 27.10.2021. №. 245 (8596). С. 2.
14. Использование искусственного интеллекта при выявлении, раскрытии, расследовании преступлений и рассмотрении уголовных дел в суде:

- монография / под ред. докт. юрид. наук С.В. Зуева, канд. юрид. наук Д.В. Бахтеева. – М.: Юрлитинформ, 2022. – 216 с.
15. Цветков Ю.А. Искусственный интеллект в правосудии // Закон. – 2021. – № 4. – С. 91–107.
16. Chinese scientists develop AI ‘prosecutor’ that can press its own charges // South China Morning Post. URL: [https://www.scmp.com/news/china/science/article/3160997/chinese-scientists-develop-ai-prosecutor-can-press-its-own?module=perpetual\\_scroll\\_0&pgtype=article&campaign=3160997](https://www.scmp.com/news/china/science/article/3160997/chinese-scientists-develop-ai-prosecutor-can-press-its-own?module=perpetual_scroll_0&pgtype=article&campaign=3160997) (дата обращения 01.05.2022).
17. Бахтеев Д.В. Искусственный интеллект: этико-правовые основы: монография. – Москва: Проспект, 2021. – С. 176 с.



## **Tham luận 2:**

# **CƠ QUAN ĐIỀU TRA, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG BẢO ĐẢM XÉT XỬ CÔNG BẰNG TỔ TỤNG HÌNH SỰ Ở VIỆT NAM**

**Nguyễn Ngọc Kiện\***

**Nguyễn Thị Huyền Trang\*\***

**Chu Văn Hùng\*\*\***

**Tóm tắt:** Các nội dung cơ bản được phân tích, làm rõ trong bài viết: *một là*, những bình luận về chủ thể được áp dụng quyền được xét xử công bằng trong tố tụng hình sự Việt Nam, trong đó nhấn mạnh đến vai trò của người bị tình nghi tham gia tố tụng; *hai là*, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam có nhiều nguyên tắc định hướng bảo đảm xét xử công bằng ở các mức độ khác nhau, nhưng thể hiện khá đầy đủ các chuẩn mực chung của quốc tế về bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp hình sự; *ba là*, phân tích, làm rõ sự ảnh hưởng của hoạt động điều tra đến xét xử công bằng trong tố tụng hình sự Việt Nam. Trong đó chứng minh vai trò rất lớn của Cơ quan điều tra trong việc thu thập chứng cứ buộc tội cả trên phương diện lập pháp và thực tiễn. Kết quả điều tra quyết định đến quá trình xét xử của Tòa án; *bốn là*, chứng minh sự ảnh hưởng của vị trí, vai trò và thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân đến bảo đảm xét xử công bằng trong tố tụng hình sự cả ở phương diện thủ tục tố tụng và thực tiễn thực hiện: với những kết quả đạt được, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân của nó; *cuối cùng là* phân tích những vấn đề đặt ra liên quan đến giới hạn xét xử, hoạt động kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát nhân dân.

**Từ khóa:** xét xử công bằng tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân.

### **1. Giới hạn áp dụng quyền xét xử công bằng trong tố tụng hình sự Việt Nam**

Quyền được xét xử công bằng là quyền con người của người bị buộc tội, mà ở đó nhà nước phải bảo đảm về các quyền tố tụng và các quyền căn bản khác cho họ xuyên suốt quá trình điều tra cho đến xét xử.

---

\* TS., Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: kiennn@hul.edu.vn.

\*\* ThS., Giám đốc Công ty Luật Viên An – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

\*\*\* TS., Học viện An ninh nhân dân.

Trong TTHS Việt Nam, bị can, bị cáo được nhà nước bảo đảm xét xử công bằng trong phạm vi luật định và với sự hợp tác của chính họ. Giới hạn áp dụng quyền được xét xử công bằng khá rộng, không chỉ ở phiên tòa, mà còn ở giai đoạn tiền xét xử. Tác giả Nguyễn Ngọc Chí đã khái quát rằng “Căn cứ vào các qui định trong các văn bản pháp luật quốc tế về quyền con người, thì quyền được xét xử công bằng không chỉ là quyền có được phiên tòa công bằng mà còn quyền liên quan để bảo đảm cho quá trình tố tụng xử lý tội phạm và người phạm tội ở các giai đoạn tố tụng tiền xét xử”<sup>1</sup>. Bình luận rõ hơn về chủ thể được áp dụng quyền xét xử công bằng trong giai đoạn điều tra. Chúng tôi cho rằng người bị tạm giam, bị can, bị cáo được bảo đảm quyền xét xử công bằng, chứ không phải là người phạm tội nói chung, bao gồm cả người bị tình nghi<sup>2</sup>. Theo pháp luật TTHS<sup>3</sup> Việt Nam thì người bị bắt, người bị tạm giữ chưa hẳn bị khởi tố bị can, do đó có thể không xảy ra việc xét xử đối với họ tại phiên tòa; do vậy, quyền được xét xử công bằng nên chỉ áp dụng cho người bị tạm giam, bị can, bị cáo, chứ không phải là người bị bắt, người bị tạm giữ. Lí do là pháp luật TTHS Việt Nam chưa xác định chính thức người tham gia tố tụng đối với người bị tình nghi (còn được gọi là nghi can). Pháp luật TTHS chưa quy định khái niệm Người bị tình nghi và chưa xác lập vai trò tố tụng của họ, mà gọi chung là người phạm tội, là một hạn chế lớn, làm suy yếu nguyên tắc suy đoán vô tội. Bởi vì: *một là*, người bị tình nghi khác với bị can, bị cáo về hậu quả pháp lí. Cơ quan điều tra có nhiều biện pháp bảo vệ người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, nhưng lại chưa quan tâm đến người mới chỉ mời làm việc trong quá trình xác minh. Ví dụ, khi có nghi ngờ một người phạm pháp, cần lấy lời khai, thì CQĐT mời người này làm việc<sup>4</sup>, kể cả việc triệu tập và áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để họ có mặt, nhưng lại không xác định tư cách tham gia tố tụng của họ. Sự có mặt của người bị tình nghi một cách tự nguyện sẽ khác với sự bắt buộc như

---

<sup>1</sup>Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên), (2015), *Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr.132.

<sup>2</sup>Hiến pháp Việt Nam năm 2013 và BLTTHS Việt Nam năm 2015 lần đầu nêu khái niệm “Người bị buộc tội” để nhằm tương thích với các văn kiện quốc tế về tư pháp hình sự. Theo đó người bị buộc tội gồm có 4 đối tượng: người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo.

<sup>3</sup>Trong bài viết này qui ước viết tắt các thuật ngữ: “Bộ luật tố tụng hình sự” là “BLTTHS”, “tố tụng hình sự” là “TTHS”, “Cơ quan điều tra” là “CQĐT”, “Viện kiểm sát nhân dân” là “VKSND”.

<sup>4</sup>Từ trước đến nay, một thực tế ở nước ta là Công an cấp xã không phải là CQĐT nhưng lại có quyền triệu tập, lấy lời khai như là CQĐT. Thậm chí là thụ lý luôn cả tin báo, tố giác tội phạm, hòa giải, chậm chuyển tin báo đến CQĐT để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, hoặc ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Công an cấp xã chỉ nên làm nhiệm vụ giúp chủ tịch xã quản lý an ninh trật tự, phối hợp với CQĐT. Vẫn có trường hợp CQĐT không chịu thụ lý tin báo, tố giác tội phạm mà yêu cầu người trình báo phải nộp đơn ở Công an cấp xã để giải quyết trước.

trong trường hợp một người bị bắt, bị tạm giữ hoặc đã bị khởi tố bị can; *hai là*, nếu như không xác định tư cách tố tụng và địa vị pháp lý của “Người bị tình nghi” sẽ làm nảy sinh tâm lý định kiến có tội của người có thẩm quyền tố tụng, đặc biệt là cán bộ trong CQĐT. Chúng tôi cho rằng, khái niệm người bị tình nghi trong vụ án hình sự cần được hiểu là người bị buộc tội trong trường hợp CQĐT tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu, bao gồm người có hành động phạm pháp bị mời làm việc, người bị bắt, hoặc bị tạm giữ, nhưng chưa bị khởi tố bị can. Pháp luật TTHS nhiều nước trên thế giới, như ở Mỹ, Anh, Đức, Trung Quốc ... xác lập vai trò người bị tình nghi trong vụ án hình sự tồn tại từ giai đoạn điều tra ban đầu cho đến khi xét xử và bản án có hiệu lực pháp luật. Chúng tôi cho rằng khái niệm người bị tình nghi trong TTHS Việt Nam chỉ nên với đối tượng và phạm vi tố tụng hẹp để phù hợp với đặc điểm của mô hình tố tụng thẩm vấn đang vận dụng có hiệu quả.

## **2. Các nguyên tắc tố tụng hình sự Việt Nam ở khía cạnh định hướng bảo đảm quyền xét xử công bằng**

Pháp luật TTHS Việt Nam có nhiều nguyên tắc định hướng bảo đảm xét xử công bằng ở các mức độ khác nhau, nhưng thể hiện khá đầy đủ các chuẩn mực chung của quốc tế về bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp hình sự. Gồm có các nguyên tắc: bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật; tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai; suy đoán vô tội; bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội. Được làm rõ như sau:

### ***2.1. Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật và Nguyên tắc Tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai***

Thực hiện nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật là một nội dung lớn của xét xử công bằng trong TTHS. Bởi vì xét xử công bằng tức là không thiên vị bất kì ai trong quá trình áp dụng các thủ tục điều tra và xét xử. Quá trình chứng minh trong TTHS với mục tiêu coi trọng sự thật và bảo đảm công lí. Như vậy ở đó đã đúng nghĩa là bảo vệ quyền con người một cách đích thực. Như vậy sự không thiên vị trong xét xử đã hỗ trợ đắc lực cho việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật. Về nội hàm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật rộng lớn hơn quyền xét xử công bằng. Khi cả hai quyền ấy được khái quát thành nguyên tắc trong TTHS Việt Nam, thì nó đã hỗ trợ cho nhau rất hữu hiệu. Các nội dung về quyền bình đẳng trong TTHS Việt Nam

rất rộng, bởi vì nó đã cụ thể hóa triết đề Hiến pháp Việt Nam. Theo đó, mọi công dân nói chung, người bị buộc tội nói riêng không phân biệt giai cấp, địa vị, tôn giáo, giới tính, được Nhà nước bảo đảm bình đẳng trước pháp luật, trong đó có quyền được xét xử công bằng. Tố tụng hình sự Việt Nam quy định người tham gia tố tụng có quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình, và Nhà nước cử phiên dịch giúp đỡ họ. Người bị buộc tội có quyền và nghĩa vụ như nhau, không thiên vị bất cứ ai cả về áp dụng các biện pháp tố tụng, cả về áp dụng tội danh và hình phạt.

Điều 25 BLTTHS Việt Nam năm 2015 thiết lập mới nguyên tắc Tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai như sau: “Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, bảo đảm công bằng. Tòa án xét xử công khai, mọi người đều có quyền tham dự phiên tòa...”. Nguyên tắc này xuất phát từ cơ sở của Hiến pháp năm 2013, đó là: “Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai. Trường hợp xét xử kín thì việc tuyên án phải được công khai”<sup>5</sup>; nguyên tắc Tòa án xét xử công khai<sup>6</sup> còn được cụ thể hóa trong Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014<sup>7</sup>. Tòa án xét xử kịp thời sẽ đảm bảo cho việc xét xử không bị quá hạn hoặc trì hoãn không cần thiết; trường hợp Tòa án đã chuẩn bị xét xử xong thì sớm đưa vụ án ra xét xử. Xét xử kịp thời còn có ý nghĩa tránh cho việc tạm giam kéo dài, không cần thiết, làm ảnh hưởng đến quyền con người. Đó là quyền tự do cá nhân và một số quyền căn bản của bị cáo và người tham gia tố tụng khác bị ảnh hưởng. Thực hiện xét xử công bằng trong TTHS, trước hết, người tiến hành tố tụng phải tuân thủ nghiêm ngặt thủ tục xét xử; thành phần HĐXX phải bảo đảm tính khách quan. Xét xử công khai tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo và người tham gia tố tụng khác trình bày hết ý kiến, quan điểm của mình và đưa ra chứng cứ, yêu cầu tại phiên tòa. Việc xét xử công khai giúp cho người dân giám sát công tác xét xử của Tòa án, là cơ sở để bảo đảm công lý được thực thi. Về phía Hội đồng xét xử phải cân nhắc, toàn diện, khách quan hơn trong việc điều khiển phiên tòa và áp dụng các thủ tục tố tụng.

Hạn chế ở nguyên tắc Tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai trong TTHS Việt Nam, biểu hiện: *một là*, phạm vi và chủ thể của quyền xét xử công bằng hẹp, chỉ được nhấn mạnh trong giai đoạn xét xử; *hai là*, nhà làm luật coi việc xét xử công bằng

<sup>5</sup> Khoản 2 Điều 31 Hiến pháp năm 2013.

<sup>6</sup> Khoản 3 Điều 103 Hiến pháp năm 2013.

<sup>7</sup> Điều 11 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.

là công việc của Tòa án, diễn ra trong giai đoạn xét xử; *ba là*, chưa giải thích khái niệm bảo đảm xét xử công bằng trong TTHS, nó bao gồm những nội dung gì? Tuy nhiên BLTTHS Việt Nam năm 2015 đã nội luật hóa khá đầy đủ về bảo đảm xét xử công bằng trong các giai đoạn điều tra và truy tố vụ án hình sự, với những chuẩn mực chung được thừa nhận<sup>8</sup>. Do vậy mở rộng phạm vi và chủ thể được áp dụng quyền xét xử công bằng bao gồm cả trong các giai đoạn tiền xét xử; đồng thời cần phải xây dựng khái niệm xét xử công bằng và giải thích nội dung của nó trong TTHS.

Bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật và quyền xét xử công bằng trong TTHS Việt Nam trên các bình diện:

*a) Sự bảo đảm về các quyền tố tụng.* Cơ quan điều tra, VKSND có trách nhiệm bảo đảm các quyền tố tụng của bị can, người bị bắt, người bị tạm giam bằng các nội dung cụ thể như sau:

+ Bị can, người bị bắt, người bị tạm giam được nhận các quyết định tố tụng và được biết lý do mình bị khởi tố, bị bắt và bị tạm giam;

+ Cơ quan điều tra, VKSND phải có trách nhiệm thông báo cho gia đình và chính quyền địa phương nơi người bị buộc tội sinh sống về việc bị khởi tố, bị bắt, bị tạm giam;

+ Việc bắt và tạm giam bị can phải được VKSND phê chuẩn;

+ Khi áp dụng các biện pháp điều tra, bị can, người bị bắt và người bị tạm giam được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ theo quy định BLTTHS;

+ Bị can, người bị bắt, người bị tạm giam được trình bày lời khai, trình bày ý kiến, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội;

+ Bị can, người bị bắt, người bị tạm giam đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu; trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;

---

<sup>8</sup>Xem các văn kiện quốc tế: Hiến chương Liên Hợp Quốc về quyền con người năm 1945; Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế năm 1948; Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966; Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào năm 1988; Nghị định thư không bắt buộc thứ hai của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 về huỷ bỏ án tử hình, 1989; Các Quy tắc chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc về các biện pháp không giam giữ (Các Quy tắc Tô-ki-ô) năm 1990 .v.v.

+ Theo quy định của luật TTHS Việt Nam thì người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người phiên dịch, người dịch thuật, người giám định, người định giá tài sản, người chứng kiến không được tham tố tụng, nếu có lí do để cho rằng họ có thể không vô tư trong khi thực hiện nhiệm vụ. Thủ tục điều tra, truy tố và xét xử cũng đã đặt ra quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng cho người bị buộc tội trong trường hợp này. Hoạt động chứng minh sẽ được khánh quan, công bằng hơn.

+ Bị can, bị cáo, người bị bắt, người bị tạm giam được bảo đảm có người bào chữa, tự bào chữa, nhờ người bào chữa cho mình hoặc người khác đại diện pháp lí cho mình;

+ Bị can, người bị tạm giam được đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra hoặc khi có yêu cầu;

+ Bị can, người bị bắt, người bị tạm giam có quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong tất cả các giai đoạn tố tụng.

+ Bị can, bị cáo, người bị tạm giam có quyền yêu cầu CQĐT, VKSND triệu tập người làm chứng, có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án.

*b) Sự bảo đảm về các quyền căn bản về chính trị, dân sự, quyền tự do, bí mật cá nhân của người bị buộc tội.* Gồm các nội dung như sau:

+ Người bị buộc tội được bảo đảm, bảo vệ tính mạng, thân thể, uy tín, danh dự, nhân phẩm. Đây là quyền con người rất được coi trọng theo Hiến pháp Việt Nam, được cụ thể hóa đầy đủ trong pháp luật TTHS, và được đặc biệt quan tâm về mặt lập pháp trong những năm gần đây. Để phòng tránh tra tấn và oan sai, từ trước đến nay, pháp luật TTHS Việt Nam cấm sử dụng các hình thức tra tấn vô nhân đạo. Bộ luật TTHS Việt Nam năm 2015 lần đầu quy định khi hỏi cung bị can bắt buộc phải ghi âm, hoặc ghi hình có âm thanh. Đây là một biện pháp hữu hiệu để bảo đảm quyền con người của người bị tạm giam trong giai đoạn cải cách tư pháp hiện nay. Về mặt chính sách hình sự, nó khắc phục đáng kể những hạn chế của mô hình TTHS thâm vấn đậm nét ở Việt Nam.

+ Người bị tạm giam được CQĐT, VKSND phổ biến các quyền và nghĩa vụ của họ do pháp luật TTHS quy định, được học nội quy của cơ sở giam giữ;

+ Bị can, bị cáo, người bị bắt, người bị tạm giam được thực hiện quyền bầu cử theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, quyền bỏ phiếu trưng cầu ý dân theo quy định của Luật Trưng cầu ý dân;

+ Người bị tạm giam được bảo đảm chế độ ăn, ở, mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân, chăm sóc y tế, sinh hoạt tinh thần, gửi, nhận thư, nhận quà, nhận sách, báo, tài liệu; được gặp thân nhân, người bào chữa, tiếp xúc lãnh sự; được hướng dẫn, giải thích và bảo đảm thực hiện quyền tự bào chữa, nhờ người bào chữa, trợ giúp pháp lý; được gặp người đại diện hợp pháp để thực hiện giao dịch dân sự; được yêu cầu trả tự do khi hết thời hạn tạm giam; được khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật;

+ Người bị tạm giam được bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nếu bị giam trái pháp luật; được hưởng các quyền khác của công dân nếu không bị hạn chế bởi Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và luật khác có liên quan, trừ trường hợp các quyền đó không thể thực hiện được do họ đang bị tạm giam. Nếu người bị tạm giam có người thân thích là người tàn tật, già yếu, có nhược điểm về tâm thần mà không có người chăm sóc thì cơ quan ra quyết định tạm giam giao người đó cho người thân thích khác chăm nom. Trường hợp không có người thân thích thì giao người bị tạm giam cho chính quyền địa phương nơi người đó đã cư trú chăm nom. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là con của người bị tạm giam thực hiện theo quy định của Luật thi hành tạm giữ, tạm giam. Trường hợp người bị tạm giam có nhà ở hoặc tài sản khác mà không có người bảo quản thì cơ quan ra quyết định tạm giam phải áp dụng những biện pháp bảo quản.

Tuy nhiên, trên thực tế việc tiếp cận các quyền nêu trên của người bị tạm giam còn gặp khó khăn, vướng mắc, vì nhiều lí do khác nhau. Đó là những vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng, gây ra oan sai, lạm dụng tạm giam .v.v. Mặt khác, một số thủ tục TTHS còn bất cập cản trở việc tiếp cận quyền xét xử công bằng. Đơn cử như người bị tạm giam khó có thể đọc, ghi chép tài liệu hồ sơ vụ án sau khi kết thúc điều tra. Đây là một quy định mang tính hình thức. Bên cạnh đó, thực trạng lạm dụng tạm giam làm hạn chế khả năng thu thập thông tin, thu thập chứng cứ để chứng minh của người bị buộc tội. Do không được tiếp cận hồ sơ vụ án, nên người bị tạm giam không thể nắm bắt hết các chứng cứ để bào chữa cho xác thực, kịp thời. Người bị tạm giam bị hạn chế

tự do, nên khó có thể thực hiện quyền khiếu nại người tiến hành tố tụng, và nếu có thì chứng cứ không vững chắc. Do đó họ gặp bất lợi trong khi bảo vệ sự vô tội.

## ***2.2. Nguyên tắc suy đoán vô tội***

Nguyên tắc suy đoán vô tội lần đầu quy định mang tính đột phá trong bản Hiến pháp Việt Nam năm 2013 và được cụ thể hóa trong BLTTHS năm 2015. Nó tác động sâu rộng đến quyền xét xử công bằng, bởi vì giá trị tiến bộ của nó có thể làm thay đổi tư duy và hành động của cán bộ thực thi nhiệm vụ ở CQĐT, VKSND và Tòa án nhân dân. Quyền suy đoán vô tội ở trên các bình diện:

(i) người bị buộc tội có quyền, nhưng không có nghĩa vụ phải chứng minh mình vô tội, mà trách nhiệm đó thuộc về nhà nước. Nội dung này nhằm tránh sự áp đặt từ phía chủ thể cơ quan có thẩm quyền trong TTHS, đặc biệt là CQĐT chỉ thu thập chứng cứ buộc tội mà thường ít khi thu thập chứng cứ vô tội. Yêu cầu người thực thi nhiệm vụ phải có thái độ và hành động tôn trọng người bị buộc tội, vì phẩm giá của họ và sự văn minh của cộng đồng xã hội.

(ii) cơ quan tiến hành tố tụng và không ai được coi một người là có tội khi chưa có bản án kết tội có hiệu lực của Tòa án. Nghĩa là cơ quan tiến hành tố tụng không được định kiến một người có tội cho đến khi sự thật được chứng minh một cách toàn diện. Nếu sẵn có định kiến có tội sẽ dẫn hoạt động TTHS thiếu khách quan, thiên vị và có thể dẫn đến lạm quyền, gây ra oan sai; xâm phạm đến các quyền căn bản của con người.

(iii) bị can, bị cáo có quyền im lặng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa. Nếu chứng cứ không rõ thì không được buộc tội. Theo pháp luật TTHS Việt Nam, CQĐT, VKSND không dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để kết tội. Nó chỉ được coi là chứng cứ buộc tội khi đã đối chiếu phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Ngoài ra, nguyên tắc suy đoán vô tội còn đòi hỏi người tiến hành tố tụng phải giải thích theo hướng có lợi cho bị cáo khi có sự hoài nghi về lỗi của họ. Giải thích theo hướng có lợi nên được hiểu là nếu phải lựa chọn quy phạm và tình tiết vụ án nhưng vẫn hoài nghi (không chắc chắn) thì phải lựa chọn theo hướng có lợi cho bị cáo, không làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Chứng cứ không vững chắc thì không được truy cứu trách nhiệm hình sự; chứng cứ chứng tỏ giữa tội nặng và tội nhẹ nếu phải lựa chọn thì phải lựa chọn tội danh nhẹ hơn hoặc khung hình phạt nhẹ hơn. Như



vậy, nguyên tắc suy đoán vô tội đã định hướng cho quá trình chứng minh hành vi phạm tội của một người phải khách quan, không được áp đặt ý chí, và phải tôn trọng cao nhất các quyền căn bản của con người. Sự chuẩn bị chứng cứ để buộc tội trong quá trình điều tra trên cơ sở không làm xấu hơn tình trạng của người bị buộc tội, là cơ sở để thực hiện xét xử công bằng trong TTTHS.

Nhìn nhận một cách toàn diện thì nguyên tắc suy đoán vô tội theo quy định của BLTTTHS năm 2015 vẫn mang tính hình thức, không đạt được đầy đủ ý nghĩa, hàm ý của nó. Bởi vì ở đó đã không quy định chính thức quyền được im lặng (quyền không khai báo) của người bị buộc tội.

### ***2.3. Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội***

Quyền bào chữa của người bị buộc tội được quy định trang trọng trong nhiều văn kiện quốc tế, cũng như Hiệp pháp của nhiều nước trên thế giới. Coi đó là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động tư pháp hình sự. Quyền bào chữa giúp cho người bị buộc tội chống lại sự buộc tội và làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Có thể nói quyền bào chữa là một phương tiện hữu hiệu nhất để thực hiện xét xử công bằng trong TTTHS. Vì phạm vi về thời gian của quyền bào chữa xuyên suốt trong mọi giai đoạn tố tụng. Tuy nhiên tùy thuộc vào mô hình TTTHS của quốc gia áp dụng khác nhau, thì chức năng cơ bản của tố tụng theo đó mà có đặc điểm riêng. Ở đây muốn nhấn mạnh rằng, trong từng giai đoạn tố tụng, quyền bào chữa có thể được coi trọng hoặc bị lu mờ. Chẳng hạn trong TTTHS Việt Nam quyền bào chữa trong giai đoạn tiền xét xử còn hạn chế. Vai trò của người bào chữa yếu thế tại phiên tòa. Bởi vì sự tham gia của người bào chữa trong giai đoạn điều tra rất hạn chế. Việc lập hồ sơ vụ án và các biện pháp điều tra do CQĐT tiến hành mà ít khi có sự tham gia của người bào chữa. Một mặt do CQĐT không mời người bào chữa hoặc tìm cách lẫn tránh vì lo sợ lộ bí mật điều tra, mặt khác do người bào chữa không nắm được lịch trình tiến hành các biện pháp điều tra và thiếu chủ động. Người bào chữa thông thường nghiên cứu tài liệu trong hồ sơ do CQĐT, VKSND lập mà ít khi trực tiếp chứng kiến hoạt động điều tra và tự mình thu thập các chứng cứ có tính xác thực cao. Nguyên nhân là thủ tục TTTHS Việt Nam quy định người bào chữa chỉ có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án, nhưng lại không có tính bắt buộc như quyền yêu cầu của CQĐT, VKSND. Như vậy, trong TTTHS

Việt Nam, hoạt động thu thập chứng cứ của người bào chữa vẫn mang tính hình thức nhiều hơn. Lý do là thủ tục TTHS giao cho CQĐT, VKSND đầy đủ thẩm quyền, mọi nguồn lực để thu thập chứng cứ và lập hồ sơ vụ án; người bào chữa không được lập hồ sơ vụ án riêng và bị hạn chế rất nhiều trong hoạt động thu thập chứng cứ, do phải phụ thuộc vào CQĐT, thậm chí người bào chữa có thể bị cản trở. Vấn đề đã đề cập rõ ràng đã ảnh hưởng lớn đến xét xử công bằng đối với vụ án hình sự trong giai đoạn điều tra.

Trong TTHS Việt Nam, các hình thức bào chữa và người bào chữa rất phong phú. Người bào chữa không chỉ có luật sư (người bào chữa chuyên nghiệp), mà còn có Người đại diện hợp pháp của người bị buộc tội, Bào chữa viên nhân dân (đại diện cho tổ chức đoàn thể xã hội), Trợ giúp viên pháp lý. Ý nghĩa tích cực của nó là tiết kiệm chi phí tố tụng và sự tham gia giám sát của nhân dân vào hoạt động tư pháp hình sự. Giúp cho hoạt động TTHS dân chủ, minh bạch hơn và nhằm thực hiện chủ trương cải cách tư pháp từ năm 2005 đến nay ở Việt Nam là, cải cách thủ tục TTHS theo hướng dân chủ, gần dân, bảo đảm quyền con người. Bên cạnh đó, Nhà nước còn quan tâm cử luật sư bào chữa miễn phí cho người phạm tội có khung hình phạt mức án từ 15 năm trở lên, tù chung thân, tử hình; trường hợp người phạm tội là người bị hạn chế về thể chất nhưng không có khả năng bào chữa và người bị hạn chế tâm thần; người phạm tội là người dưới 18 tuổi. Chế định bào chữa trong TTHS Việt Nam thể hiện tính nhân đạo, bản chất ưu việt của Nhà nước; tạo ra những điều kiện cần thiết, quan trọng nhất để giảm nhẹ hình phạt, khắc phục và phòng ngừa oan sai. Đó cũng là cơ sở, công cụ để bảo vệ các quyền và lợi ích của người phạm tội, đặc biệt là người đang bị tạm giam.

Ngoài ra theo quy định tại khoản 1 Điều 73 BLTTHS năm 2015, người bào chữa còn có quyền gặp và làm việc với người tiến hành tố tụng để nắm bắt thông tin, trao đổi về nội dung vụ án nếu cần thiết; gặp mặt và tham gia lấy lời khai của người bị tạm giữ, bị can, người bị tạm giam, qua đó còn có mục đích định hướng việc bào chữa cho bị can. Hoạt động của người bào chữa đã đề cập, làm cho bảo đảm tính khách quan hơn trong quá trình điều tra vụ án hình sự và có thể hạn chế được các vi phạm pháp luật có thể xảy ra như ép cung, mớm cung, bức cung, làm sai lệch hồ sơ vụ án. Người bào chữa có thể phát hiện được những tình tiết mới của vụ án hoặc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết có ý nghĩa minh oan cho bị can, người bị tạm giam, làm hạn chế tình trạng oan sai. Các hoạt động của người bào chữa còn giúp

tăng cường pháp chế, làm cho các hoạt động TTTH ngày càng chuyên nghiệp hơn, tránh tùy tiện, lạm quyền. Đó cũng là nội dung bảo đảm xét xử công bằng trong TTTH Việt Nam.

### **3. Ảnh hưởng của hoạt động điều tra đến xét xử công bằng trong tố tụng hình sự Việt Nam**

#### ***3.1. Trong tố tụng hình sự Việt Nam, vai trò rất lớn của Cơ quan điều tra trong việc thu thập chứng cứ buộc tội; kết quả điều tra có ý nghĩa quyết định đến kết quả xét xử***

Trong TTTH Việt Nam, chỉ có CQĐT có đầy đủ nguồn lực về công cụ, phương tiện, công nghệ và con người để tìm kiếm chứng cứ, làm rõ sự thật vụ án. Vì thế sự bảo đảm xét xử công bằng ngay trong giai đoạn điều tra là vô cùng cần thiết.

Bởi vì:

- Cơ quan điều tra thay mặt Nhà nước thụ lý vụ án hình sự và áp dụng mọi biện pháp điều tra để buộc tội. Bản kết luận điều tra của CQĐT là cơ sở để VKS truy tố, buộc tội ra trước Tòa án.

- Cơ quan điều tra có nhiều quyền hạn để áp dụng các biện pháp ngăn chặn như bắt người, tạm giữ, tạm giam. Do thời hạn tạm giam kéo dài, số người bị tạm giam chiếm tỉ lệ cao (khoảng 80%/năm/trên tổng số người bị khởi tố bị can)<sup>9</sup>. Do vậy việc áp dụng quyền xét xử công bằng cho người bị tạm giam có tính cấp bách, nhằm khắc phục thực trạng bị lạm dụng.

- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân phải có trách nhiệm hợp tác, cung cấp vật chứng, tài liệu liên quan đến vụ án cho CQĐT.

- Chứng cứ, tài liệu được thu thập, phản ánh, mô tả trong hồ sơ vụ án, là cơ sở để VKSND truy tố và Tòa án xét xử. Cơ quan VKSND và Tòa án nhân dân luôn đòi hỏi hồ sơ vụ án phải trọn vẹn cả về chứng cứ và thủ tục tố tụng thì mới bảo đảm truy tố và xét xử. Nếu không VKSND và Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung, hoặc hủy án để điều tra lại.

- Hoạt động điều tra của CQĐT chịu sự giám sát chặt chẽ của VKSND về thủ tục tố tụng và định tội danh.

---

<sup>9</sup> Trong những năm gần đây áp dụng BLTTTH mới, số người bị tạm giam trong vụ án đã giảm xuống còn khoảng 80% .

### **3.2. Một số vấn đề đặt ra trong việc bảo đảm xét xử công bằng trong tố tụng hình sự Việt Nam ở giai đoạn điều tra**

#### **3.2.1. Một số kết quả đạt được và hạn chế, vướng mắc về bảo đảm xét xử công bằng trong tố tụng hình sự ở giai đoạn điều tra**

- *Về mặt lập pháp:* trong lịch sử lập pháp của mình, pháp luật TTHS Việt Nam luôn coi trọng tìm kiếm sự thật khách quan của vụ án. Coi sự thật vụ án là chân lí hàng đầu trong các hoạt động tố tụng. Vì vậy pháp luật TTHS Việt Nam quy định nhiều biện pháp đấu tranh xử lí tội phạm đều hướng đến tôn trọng sự thật khách quan của vụ án. Đó là một đặc điểm xuyên suốt trong quá trình lập pháp TTHS Việt Nam. Trong những năm gần đây, việc hoàn thiện pháp luật TTHS được quan tâm, chú trọng hơn đến việc xác định nhiệm vụ bảo vệ quyền con người trong hoạt động tư pháp hình sự. Do vậy mà các biện pháp điều tra không chỉ làm rõ sự thật mà còn được quy định theo hướng mở rộng và bảo đảm quyền con người ở các lĩnh vực khác nhau. Trong đó đặc biệt là người bị buộc tội được bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân; danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân. Minh chứng rõ ràng nhất là có tới 19/27 nguyên tắc cơ bản của TTHS Việt Nam với nội dung bảo đảm, bảo vệ quyền con người của người bị buộc tội và người tham gia tố tụng; ngày càng mở rộng và coi trọng hơn quyền bào chữa, quyền suy đoán vô tội, quyền xét xử công bằng và bảo đảm tranh tụng bằng việc đổi mới thủ tục xét xử theo hướng dân chủ, gần dân, thân thiện với người chưa thành niên .v.v. Kể từ bản Hiến pháp Việt Nam năm 2013 được ban hành đến nay có nhiều văn bản luật ra đời theo tinh thần tôn trọng, bảo vệ quyền con người. Có nhiều biện pháp khác nhau được BLTTHS Việt Nam năm 2015 thiết lập mới để giúp cho cơ quan quan có thẩm quyền tố tụng đổi mới tư duy và hành động thực tiễn về bảo vệ quyền con người, nhằm phòng chống oan sai. Cụ thể như quy định biện pháp ghi âm, hoặc ghi hình có âm thanh khi tiến hành hỏi cung bị can. Đây là một biện pháp hữu hiệu để phòng ngừa tra tấn.

- *Về mặt thực tiễn:* đa số các vụ án hình sự đã được CQĐT tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, bảo đảm sự vô tư, khách quan trong quá trình điều tra. Báo cáo của VKSND tối cao đã đánh giá chất lượng điều

tra như sau<sup>10</sup>: *một là*, chất lượng công tác điều tra, xử lý các loại tội phạm có chuyên biến tốt hơn, nhiều vụ án đặc biệt nghiêm trọng, dư luận quan tâm được phát hiện, điều tra và xử lý kịp thời; tỷ lệ án kết thúc điều tra tăng lên rõ rệt, đạt trên 80%; *hai là*, việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam được tiến hành thận trọng, khắc phục một bước quan trọng việc lạm dụng bắt khẩn cấp, tạm giam không cần thiết; *ba là*, việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng được chú trọng; bảo đảm quyền có người bào chữa của những người thuộc diện bắt buộc phải có người bào chữa<sup>11</sup>, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người bào chữa tham gia tố tụng. Các luật sư tham gia bào chữa cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật; *bốn là*, bảo đảm thời hạn giải quyết vụ án được chú trọng, hạn chế tối đa số vụ án quá thời hạn; tình trạng quá hạn tạm giữ, tạm giam được khắc phục. Tình trạng tồn đọng án trong các giai đoạn tố tụng về cơ bản đã được giải quyết.

Như vậy, các nội dung cơ bản nêu trên thể hiện sự tiến bộ, tích cực của CQĐT trong việc bảo đảm xét xử công bằng: đó là tính kịp thời, công bằng trong việc giải quyết vụ án về thời hạn, về việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam người; đồng thời CQĐT đã chú trọng hơn quyền bào chữa và tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho người tham gia tố tụng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội trong TTHS Việt Nam.

Tuy nhiên, hạn chế cơ bản nhất trong việc vận dụng mô hình TTHS thâm vấn ở Việt Nam trên phương diện thực tiễn ở 03 vấn, gồm:

(i) hoạt động TTHS vẫn dễ xảy ra oan sai, Tòa án tuyên không phạm tội: từ năm 2005 đến 2015 có 350 bị cáo<sup>12</sup>; năm 2016 có 10 bị cáo (giảm 17 bị cáo so với năm 2015)<sup>13</sup>; năm 2017 có 09 bị cáo (giảm 01 bị cáo so với năm 2016)<sup>14</sup>; năm 2018 có 8 bị cáo (giảm 01 bị cáo so với năm 2017). Ngoài ra, trong năm 2018 có 08 bị can được CQĐT đình chỉ điều tra bị can do hành vi không cấu thành tội phạm (giảm 42,9% so với năm 2017) và 17 bị can đình chỉ do hết thời hạn điều tra nhưng không

---

<sup>10</sup> Nguồn: Báo cáo số 11/BC-VKSTC ngày 19/11/2015 của VKSND tối cao về tổng kết 10 năm thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2013.

<sup>11</sup> Đối với các vụ án bắt buộc phải có người bào chữa quy định tại khoản 2 Điều 57 BLTTHS năm 2015, các cơ quan tiến hành tố tụng đã đảm bảo 100% các vụ án này đều có Luật sư chỉ định (hoặc luật sư mời) tham gia tố tụng.

<sup>12</sup> Nguồn: Cục thống kê tội phạm VKSNDTC; Báo cáo tổng kết công tác ngành Tòa án năm 2015 của TANDTC.

<sup>13</sup> Nguồn: Báo cáo số 152/BC-VKSTC ngày 27/12/2016 của VKSND tối cao về “Tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2016”.

<sup>14</sup> Báo cáo số 139/BC-VKSTC ngày 26/12/2017 của VKSND tối cao về “Tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2017”.

chứng minh được tội phạm<sup>15</sup>; năm 2019 có 4 bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không phạm tội<sup>16</sup>; năm 2020: CQĐT đình chỉ 13 bị can do hành vi không cấu thành tội phạm, VKS đình chỉ 03 bị can do hành vi không cấu thành tội phạm, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tuyên 03 bị cáo không phạm tội<sup>17</sup>. Hậu quả oan sai là rất lớn cho xã hội, có trách nhiệm của CQĐT và VKSND trong việc thu thập và đánh giá chứng cứ còn mắc sai lầm. Bên cạnh đó, tình trạng lạm dụng biện pháp tạm giam<sup>18</sup> và vi phạm pháp luật khác trong hoạt động điều tra vẫn còn. Kết quả kiến nghị, kháng nghị của VKSND yêu cầu CQĐT khắc phục, sửa chữa vi phạm đã cho thấy điều đó. Đơn cử như từ năm 2011 đến 2016 VKSND các cấp ban hành 2000 bản kiến nghị với CQĐT và cơ quan nhà nước trong việc khắc phục vi phạm pháp luật, phòng ngừa tội phạm<sup>19</sup>. Tỷ lệ bản án bị hủy bình quân hàng năm (từ năm 2007 đến 2014) là 0,6%, bị sửa là 5,17%, riêng năm 2015 tỷ lệ hủy là 0,84%, sửa là 5,07%<sup>20</sup>. Lỗi dẫn đến vụ án phải hủy, sửa không tránh khỏi trách nhiệm của CQĐT, hậu quả của nó là vụ án phải kéo dài ảnh hưởng đến quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Án oan sai ở Việt Nam trong những năm gần đây giảm mạnh, việc hoàn thiện các quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017 còn giúp công tác bồi thường cho người bị oan, sai trong hoạt động TTHS được thuận lợi. Các cơ quan có thẩm quyền đã khẩn trương đẩy nhanh tiến độ xem xét, giải quyết các yêu cầu bồi thường cho người bị thiệt hại cho người bị oan, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch. Công tác tổ chức công khai xin lỗi người bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động TTHS, công tác thương lượng và việc chi trả tiền bồi thường cho người bị oan sai được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Trên thực tế áp dụng nguyên tắc: “Đảm bảo quyền được bồi thường của người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự” (quy định tại Điều 31 BLTTHS Việt Nam

---

<sup>15</sup> Báo cáo số 208/BC-VKSTC ngày 28/12/2018 của VKSND tối cao về “Tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2018”

<sup>16</sup> Nguồn: Báo cáo tổng kết năm 2019 và nhiệm vụ trọng tâm công tác 2020 của các Tòa án.

<sup>17</sup> Nguồn: Báo cáo số 253/BC-VKSTC ngày 31/12/2020 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân”.

<sup>18</sup> Có khoảng 80% người bị áp dụng biện pháp tạm giam trong tổng số người bị khởi tố bị can. Có nhiều trường hợp tạm giam kéo dài và không cần thiết phải tạm giam.

<sup>19</sup> Nguồn: <http://baochinhpvu.vn/> (Báo cáo của Viện trưởng VKSNDTC trình bày trước Quốc hội ngày 22/3/2016).

<sup>20</sup> Nguồn: Báo cáo số 03/BC-TA ngày 15/1/2015 của TANDTC “tổng kết công tác năm 2014 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2015 của các tòa án”, Tài liệu Hội nghị triển khai công tác Tòa án năm 2015, Hà Nội tháng 1/2015).

năm 2015), số lượng đơn yêu cầu bồi thường có hiệu dấu hiệu tăng lên trong những năm gần đây. Điều này chứng tỏ nhân dân đã có niềm tin tưởng vào Nhà nước và pháp luật, nhân dân nhận thức được quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong vấn đề bồi thường Nhà nước. Theo Dự thảo báo cáo tổng kết công tác năm 2020 và nhiệm kỳ 2016 – 2020, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2021 của các Tòa án, trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 có tổng có 42 vụ yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự.

(ii) bên cạnh thực trạng oan sai của vụ án hình sự, thì thực trạng lạm dụng tạm giam cũng là hạn chế lớn của mô hình TTTHS thẩm vấn của Việt Nam đang áp dụng. Theo nghiên cứu giai đoạn từ trước khi BLTTHS năm 2015 ban hành tỷ lệ tạm giam ở mức trung bình trên 90% mỗi năm trên phạm vi toàn quốc; sau thời điểm ngày 1/1/2018 (thời điểm BLTTHS năm 2018 phát sinh hiệu lực) cho đến nay tỷ lệ tạm giam giảm xuống trung bình khoảng 80% mỗi năm<sup>21</sup>. Tỷ lệ tạm giam tuy giảm nhưng còn ở mức rất cao so với người bị khởi tố bị can. Tỷ lệ tạm giam rất cao, việc tạm giam kéo dài đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền của người bị tạm giam. Đó là một hạn chế lớn nhất của mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn.

(iii) hệ thống hình phạt trong Bộ luật hình sự ở Việt Nam nghiêng về trừng trị nhiều hơn giáo dục (nghiêng về phạt tù giam<sup>22</sup>), trong khi một số loại hình phạt thay thế hình phạt tù quy định mang tính hình thức, kém hiệu quả giáo dục như hình phạt cảnh cáo (áp dụng ngay tại phiên tòa), hình phạt cải tạo không giam giữ (giao cho địa phương quản lý và thực hiện một số nghĩa vụ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20%) để sung quỹ nhà nước; kể cả biện pháp án treo. Thế nhưng lại thiếu hình phạt “Lao động công ích dưới sự giám sát của cán bộ tư pháp” để người chấp hành án hòa nhập cộng đồng, cải tạo mình bằng cách cho họ tham gia vệ sinh môi trường công cộng, đô thị, làm vệ sinh bệnh viện, trường học, trụ sở cơ quan, tổ chức. Nếu áp dụng nhiều loại hình phạt có tính tự do (không phải hình phạt tù) có thể cắt giảm cho ngân sách hàng trăm tỷ đồng mỗi năm do phải chi trả cho các hoạt động lao động nêu trên

---

<sup>21</sup>Nguồn: Đề tài cấp Bộ “Bảo đảm quyền con người khi áp dụng biện pháp tạm giam theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015”, Mã số B2019-DHH-15, Chủ nhiệm Đề tài TS. Nguyễn Ngọc Kiên, tr.94.

<sup>22</sup> Cần phải đổi mới tư duy coi nặng hình phạt tù trong khung hình phạt, cho theo kịp với trình độ phát triển của xã hội. Đã từ lâu và hiện nay ở nhiều nước trên thế giới có rất nhiều loại hình phạt thay cho hình phạt tù rất có hiệu quả, vừa bảo đảm quyền con người, vừa giảm gánh nặng chi phí từ ngân sách. Về chính sách hình phạt ở nước ta vẫn chậm được đổi mới, nguyên nhân là chậm đổi mới tư duy trong việc soạn thảo luật.

và chi phí cải tạo, giáo dục và xây buồng giam nếu phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn. Nguyên nhân của hạn chế nêu trên là về mặt lập pháp, Bộ luật hình sự duy trì quá lâu kết cấu khung hình phạt giãn rộng, vô hình trung tạo ra sự tùy tiện, lạm quyền cho tòa án trong việc áp dụng và làm nảy sinh hiện tượng “chạy án”. Ví dụ, khung hình phạt tù có thời hạn từ 01 năm đến 05 năm, 02 đến 07 năm, 05 năm đến 10 năm, 07 năm đến 15 năm .v.v., hoặc có nhiều loại hình phạt trong một khung, ví dụ như tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình. Như vậy làm cho hiệu quả, mục đích áp dụng chính sách hình phạt của nhà nước bị giảm sút.

### *3.2.2. Nguyên nhân của những bất cập về mặt lập pháp*

*Một là*, quyết định truy tố của VKSND và xét xử của Tòa án nhân dân phụ thuộc lớn vào chất lượng hoạt động điều tra. Cơ quan điều tra có nhiều nguồn lực, quyền hạn để buộc tội, quan tâm tìm kiếm chứng cứ buộc tội hơn là tìm kiếm chứng cứ vô tội. Điều đó vô hình trung làm hạn chế và suy yếu quyền bào chữa. Có thể nói trong TTHS Việt Nam trách nhiệm tìm kiếm chứng cứ vô tội chủ yếu được giao cho VKSND và người bào chữa.

*Hai là*, Nhà nước quan tâm tăng quyền hạn cho người tiến hành tố tụng và đưa ra giải pháp phân định hợp lý thẩm quyền đó, và mong đợi CQĐT, VKSND, Tòa án nhân dân thực thi công vụ bảo đảm xét xử công bằng; mà không phải là xu thế rõ ràng cho việc mở rộng các quyền cho người bị buộc tội để họ tự bảo vệ mình.

*Ba là*, nhiều hoạt động TTHS của CQĐT, VKSND trong TTHS vẫn mang tính mệnh lệnh, áp đặt nhiều hơn; nhiều quy định của BLTTHS năm 2015 được xác lập nhằm mục đích thuận tiện cho hoạt động điều tra. Ví dụ, đó là lạm dụng biện pháp tạm giam trong quá trình điều tra, vô hình trung đẩy người buộc tội vào bất lợi trong việc chứng minh và ảnh hưởng đến quyền tự do cá nhân của người bị tạm giam.

*Bốn là*, những hạn chế của đặc điểm mô hình TTHS ở Việt Nam chưa được khắc phục triệt để về mặt lập pháp, đó là, các chức năng cơ bản của TTHS chưa được phân biệt rõ ràng; nguyên tắc suy đoán vô tội và nguyên tắc tranh tụng dù được BLTTHS năm 2015 quy định mang tính đột phá, thế nhưng nó vẫn mang tính hình thức cả ở khía cạnh quy phạm, cả về thực tiễn.

- Chưa thiết lập và bảo đảm thủ tục thẩm vấn chéo của các bên tranh tụng tại phiên tòa, lí do là thủ tục thẩm vấn và thủ tục tranh luận (2 giai đoạn tách rời) được gọi



là thủ tục tranh tụng, chưa được gộp làm một, làm cho hoạt động tranh tụng không thuận lợi và phiên tòa thiếu tính hấp dẫn.

- Chưa bổ sung đầy đủ các quyền của người bị buộc tội, gồm: quyền được im lặng, quyền được tư vấn pháp luật, quyền bào chữa, quyền bí mật về đời tư, quyền tự do cá nhân của người bị buộc tội, quyền lựa chọn Thẩm phán xét xử cho bị cáo (chỉ xét xử bởi Thẩm phán hoặc xét xử có Hội thẩm); chưa mở rộng quyền được vắng mặt của bị cáo tại phiên tòa; chưa mở rộng quyền khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại, để họ có quyền tự định đoạt trong nhiều loại tội phạm đơn giản, ít nghiêm trọng, để giảm gánh nặng về chuyên môn và chi phí tố tụng. Trong các quyền con người của người bị buộc đã đề cập có tác động sâu rộng đến xét xử công bằng trong TTHS. Pháp luật TTHS nhiều quốc gia coi đó là phương tiện bảo đảm quyền con người một cách tối cần thiết. Ví dụ như luật TTHS Mỹ thiết lập thủ tục điều tra dựa trên nền tảng quyền suy đoán vô tội và quyền được im lặng. Ở Mỹ một người phạm tội ở nước ngoài được Nhà nước bảo hộ về quyền tham gia tố tụng, đó là cơ quan đại diện ở nước ngoài sẽ cử người đại diện đến gặp CQĐT và bị can để trao đổi, tiếp thu những đề nghị của bị can. Trong cuộc gặp, cơ quan đại diện ngoại giao của Mỹ có thể yêu cầu không được quay phim, chụp ảnh; có thể đưa ra yêu cầu không có mặt của cán bộ CQĐT; phải có luật sư ở nước sở tại tham gia. Bị can có thể yêu cầu giữ bí mật thông tin cá nhân, như yêu cầu chỉ thông báo việc bị bắt cho một trong số người thân, bạn bè, mà không được thông báo cho gia đình hoặc ai đó. Như vậy việc bị bắt, bị xử lý hình sự của bị can có thể được bí mật. Kể cả trường hợp Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đồng ý cung cấp tiền sử bệnh án của bị can theo ủy thác điều tra của CQĐT nơi công dân Hoa Kỳ bị bắt, khởi tố bị can, nhưng nơi lưu trữ bệnh án là bệnh viện vẫn có quyền từ chối cung cấp tài liệu phục vụ điều tra, vì lo ngại ảnh hưởng đến quyền bí mật cá nhân của bị can.

- Quyền bào chữa trong giai đoạn tiền xét xử còn mờ nhạt, bị hạn chế; pháp luật TTHS chưa mở rộng quyền bào chữa theo hướng thực chất và phát huy quyền chủ động của luật sư.

- Quy định thẩm quyền khởi tố vụ án và thẩm quyền trả hồ sơ điều tra bổ sung của Hội đồng xét xử là chưa phù hợp với chức năng xét xử; cũng như quy định giới hạn của việc xét xử theo hướng Tòa án được xét xử tội nặng hơn tội Viện kiểm sát truy

tổ không phù hợp với vai trò công tố của Viện kiểm sát và vi phạm nguyên tắc suy đoán vô tội.

- Tại phiên tòa, VKSND rút toàn bộ quyết định truy tố nhưng Tòa án vẫn xét xử là không phù hợp, mà lẽ Hội đồng xét xử phải đình chỉ vụ án hoặc tuyên không phạm tội.

- Giao quyền xét hỏi chính tại phiên tòa thuộc về Hội đồng xét xử, mà không phải là Kiểm sát viên và luật sư là không phù hợp với chức năng xét xử và ảnh hưởng xấu đến nguyên tắc suy đoán vô tội.

- Cho phép Tòa án nắm giữ hồ sơ vụ án để chuẩn bị cho phiên tranh tụng sẽ không tránh khỏi định kiến buộc tội, ảnh hưởng đến nguyên tắc suy đoán vô tội, mà lẽ ra Tòa án chỉ nên biết thông tin tóm tắt về vụ án hoặc chỉ được nhận bản cáo trạng.

- Chưa có luật riêng về bảo vệ nhân chứng, cũng như bảo vệ người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp, nhằm giúp cho hoạt động giải quyết vụ án được thuận lợi và an toàn.

#### **4. Ảnh hưởng của vị trí, vai trò và thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân đến xét xử công bằng trong tố tụng hình sự**

Ở Việt Nam, chức năng và vai trò của VKSND có tính đặc biệt, vì VKSND không chỉ có chức năng thực hành quyền công tố Nhà nước, mà còn kiểm sát hoạt động tư pháp. Chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của CQĐT và bảo vệ quyền con người trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Hoạt động của VKSND ở Việt Nam ngăn ngừa sự tùy tiện trong hệ thống tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân có nhiều biện pháp tố tụng để bảo đảm hoạt động điều tra tránh oan sai và khắc phục kịp thời vi phạm pháp luật. Chúng ta làm rõ một số vấn đề cơ bản liên quan đến vai trò, thẩm quyền của VKSND đối với xét xử công bằng như sau:

##### ***4.1. Giới hạn của việc xét xử ràng buộc đáng kể đến xét xử công bằng trong tố tụng hình sự ở Việt Nam***

Giới hạn của xét xử nghĩa là Tòa án chỉ được xét xử trong phạm vi, giới hạn người, tội danh và khung hình phạt do VKSND truy tố, hoặc Tòa án có quyền xét xử cả trường hợp tội danh và khung hình phạt khác so với cáo trạng VKSND đã truy tố, nhưng phải đáp ứng đầy đủ điều kiện do luật định, mà không được tùy tiện. Thủ tục TTHS Việt Nam đặt ra giới hạn xét xử cho Tòa án ở các trường hợp: một là, Tòa án

không được xét xử người mà không được VKSND truy tố; hai là, Tòa án có quyền xét xử tội nhẹ hoặc bằng hơn tội danh VKSND đã truy tố; ba là, Tòa án có quyền xét xử khung hình phạt nặng hơn hoặc nhẹ hơn khung hình phạt VKSND đã truy tố; bốn là, Tòa án vẫn có thể xét tội nặng hơn tội VKSND đã truy tố, nhưng phải trao đổi và đề nghị VKSND xem xét lại hồ sơ để truy tố lại theo hướng tội danh nặng hơn, sau đó Tòa án mới quyết định xét xử.

Đặt ra giới hạn của việc xét xử là nhằm bảo đảm cho chức năng truy tố của VKSND, và yêu cầu Tòa án phải tuân thủ những giới hạn, phạm vi trong việc xác định tội danh, khung hình phạt áp dụng, tránh lạm quyền, tùy tiện. Hơn thế nữa, mục đích bao trùm của giới hạn xét xử, đó là bảo đảm xét xử công bằng trong TTTHS. Tòa án không thể xét xử tùy tiện một người nếu như người này không bị truy tố, và không được làm xấu hơn tình trạng bị cáo.

Điều 221, Điều 217 của BLTTHS năm 2015 quy định: cùng với việc luận tội nếu Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn thì Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án. Nếu Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố thì trước khi nghị án Hội đồng xét xử yêu cầu những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến về việc rút đó. Đây là một thủ tục bảo đảm tính dân chủ của phiên tòa. Tuy nhiên, điểm bất cập là, khi Kiểm sát viên rút quyết định truy tố, nhưng Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án hoặc kiến nghị lên VKSND cấp trên xem xét lại. Lẽ ra Kiểm sát viên rút quyết định truy tố phần nào, thì Hội đồng xét xử chỉ được xét xử phần còn lại chứ không phải xét xử cả phần do Kiểm sát viên đã rút quyết định truy tố; nếu Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố thì vụ án phải được đình chỉ hoặc tuyên bố bị cáo vô tội, chứ không phải Hội đồng xét xử lựa chọn là tiếp tục xét xử. Vì giới hạn việc xét xử là nhằm làm cho cho quyền truy tố được bảo đảm, không có buộc tội thì không phát sinh việc xét xử và tránh cho Tòa án có thể lạm dụng trong việc định tội danh và có thể sa đà vào việc buộc tội.

Thủ tục rút quyết định truy tố của VKSND một mặt đã mở ra khả năng tạo lợi thế cho người bị buộc tội, nghĩa là không có buộc tội thì không được xét xử. Đó chính là một nội dung của xét xử công bằng. Tuy nhiên nó hạn chế đáng kể, khi thủ tục xét xử cho phép Tòa án vượt quá giới hạn của thẩm quyền truy tố. Điều đó không có lợi cho người bị buộc tội. Bản chất của vấn đề là, thủ tục rút quyết định truy tố thực chất

đó là giới hạn của việc xét xử, thế nhưng vấn đề này lại được quy định riêng rẽ là không phù hợp.

#### ***4.2. Phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn điều tra có ý nghĩa tích cực bảo đảm quyền xét xử công bằng***

Thủ tục TTHS quy định nhiều biện pháp cho VKSND để thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động điều tra, bảo đảm sự tuân thủ pháp luật trong quá trình điều tra, tránh bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội. Kiểm sát viên có quyền ra bản “Yêu cầu điều tra” với những nội dung được xác định trước để CQĐT thực hiện. Viện kiểm sát ban hành các kiến nghị, kháng nghị yêu cầu CQĐT khắc phục, sửa chữa vi phạm pháp luật. Có những quyền hạn của VKSND, dù CQĐT không đồng ý vẫn phải chấp hành, đó là việc phê chuẩn khởi tố bị can, việc áp dụng, thay thế hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, quyết định truy tố, quyết định thay đổi Điều tra viên, Thủ trưởng và Phó Thủ trưởng CQĐT.v.v. Những quyền hạn đó của VKSND không những bảo đảm pháp chế, mà còn bảo vệ kịp thời quyền và lợi ích của người tham gia tố tụng.

Ví dụ về VKSND các cấp hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can, hủy bỏ quyết định tạm giữ, tạm giam do CQĐT ban hành nhưng trái pháp luật, trên phạm vi toàn quốc (trong 5 năm- từ năm 2016 đến năm 2020), như sau:

- Năm 2016 hủy bỏ 105 quyết định khởi tố vụ án (tăng 33 quyết định so với năm 2015), hủy bỏ 358 quyết định khởi tố bị can không có căn cứ, trái pháp luật (tăng 95 quyết định so với năm 2015); hủy bỏ quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can 08 vụ/14 bị can.

- Năm 2017 hủy bỏ 89 quyết định khởi tố vụ án; hủy bỏ 271 quyết định khởi tố bị can không có căn cứ trái pháp luật.

- Năm 2018 hủy bỏ 66 quyết định khởi tố vụ án; hủy bỏ 233 quyết định khởi tố bị can không có căn cứ, trái pháp luật.

- Năm 2019 hủy bỏ 86 quyết định không khởi tố vụ án, hủy bỏ 153 quyết định khởi tố bị can không có căn cứ, trái pháp luật.

- Năm 2020 hủy bỏ 94 quyết định khởi tố vụ án, hủy bỏ 58 quyết định không khởi tố vụ án, hủy bỏ 121 quyết định khởi tố bị can không có căn cứ trái pháp luật.

Ví dụ về công tác phê chuẩn bắt, tạm giữ, tạm giam của VKSND các cấp (số liệu từ năm 2016 đến năm 2020), như sau:

- Năm 2016 không phê chuẩn 74 trường hợp bắt khẩn cấp; hủy quyết định tạm giữ và không phê chuẩn gia hạn tạm giữ đối với 472 người; không phê chuẩn lệnh tạm giam và lệnh bắt tạm giam 468 bị can; không gia hạn tạm giam 63 bị can.

- Năm 2017 không phê chuẩn 91 lệnh bắt khẩn cấp, 165 lệnh bắt tạm giam bị can và 227 lệnh tạm giam bị can; không phê chuẩn gia hạn tạm giữ 159 người, không gia hạn tạm giam 30 bị can.

- Năm 2018 không phê chuẩn 130 lệnh bắt khẩn cấp, 175 lệnh bắt bị can để tạm giam và 321 lệnh tạm giam bị can; không phê chuẩn gia hạn tạm giữ 158 người, không gia hạn tạm giam 13 bị can.

- Năm 2019 đã không phê chuẩn 126 trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, 185 trường hợp bắt tạm giam và 262 lệnh tạm giam bị can; hủy quyết định tạm giữ và không phê chuẩn gia hạn tạm giữ 609 người.

- Năm 2020 đã không phê chuẩn 88 trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, 146 trường hợp bắt tạm giam và 239 lệnh tạm giam bị can; hủy quyết định tạm giữ và không phê chuẩn gia hạn tạm giữ 805 người.

Các số liệu nêu trên<sup>23</sup> chỉ dừng lại ở một số nội dung do VKSND thực hiện, trong phạm vi bài viết này không có điều kiện để chúng tôi phân tích đầy đủ. Qua đó chứng tỏ vai trò rất quan trọng của VKSND trong việc bảo đảm quyền xét xử công bằng. Công tác của VKSND đã hạn chế lạm dụng bắt, tạm giữ, tạm giam của CQĐT, chính là đã góp phần bảo vệ quyền con người một cách kịp thời, hiệu quả. Vai trò của VKSND có tính đặc biệt, phù hợp với hệ thống pháp luật và hoàn cảnh kinh tế, xã hội ở Việt Nam. Đó cũng là xu thế tiến bộ của các nhà nước văn minh trên thế giới, trong quá trình cải cách tư pháp được chú trọng mở rộng quyền xét xử công bằng trong TTHS cho bị can, bị cáo. Ví dụ như thủ tục xét xử của Ai Cập đã mở rộng quyền tư vấn trước và trong giai đoạn xét xử tại phiên tòa, bao gồm cả giảm thiểu tạm giam trước khi xét xử. Pháp luật TTHS Việt Nam cần thiết phải xây dựng nguyên tắc giảm thiểu tạm giam trước khi xét xử để tăng cường bảo đảm các biện pháp thực tiễn đối với

---

<sup>23</sup> Nguồn số liệu ở các ví dụ nêu trên từ các báo cáo: Báo cáo số 152/BC-VKSTC ngày 27/12/2016 của VKSND tối cao về “Tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2016”; Báo cáo số 139/BC-VKSTC ngày 26/12/2017 của VKSND tối cao về “Tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2017”; Báo cáo số 208/BC-VKSTC ngày 28/12/2018 của VKSND tối cao về “Tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2018”; Báo cáo số 238/BC-VKSTC ngày 20/12/2019 “Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2019”; Báo cáo số 253/BC-VKSTC ngày 31/12/2020 “Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 của ngành Kiểm sát nhân dân”.

người bị tạm giam. Ở Đức trong những năm gần đây đã mở rộng quyền kiểm soát tư pháp và quyền thỏa thuận nhận tội đã phổ biến hơn. Trong khi ở Ý đã lựa chọn mở rộng thêm quyền cho bị cáo để họ chống lại lời khai bắt lợi từ phía người làm chứng<sup>24</sup>. Phiên tòa xét xử hình sự ở Mỹ ngày càng được vận dụng linh hoạt hơn các quyền cho bị can, đó là quyền tư vấn pháp luật, quyền bào chữa, quyền được im lặng gắn với qui tắc Miranda (còn gọi là cảnh báo Miranda), quyền không phải buộc tội mình, quyền được cung cấp thông tin trước (thông tin buộc tội), và quyền lựa chọn Bồi Thẩm đoàn xét xử hoặc chỉ do Thẩm phán xét xử<sup>25</sup>.

#### ***4.3. Ảnh hưởng của bản Luận tội và tranh tụng của Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa đến xét xử công bằng trong tố tụng hình sự***

Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa hình sự ở Việt Nam quy định ngày càng tiến bộ, thể hiện dân chủ, bình đẳng rõ rệt giữa bên buộc tội và bên bào chữa. Đó là Kiểm sát viên phải thực hiện việc đối đáp hết ý kiến tranh luận của người bào chữa và bị cáo. Chủ tọa phiên tòa có quyền yêu cầu Kiểm sát viên phải đối đáp, và việc tranh luận không được hạn chế thời gian. Quá trình tranh tụng, bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu để chứng minh; có quyền yêu cầu triệu tập người làm chứng, quyền yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, quyền yêu cầu được kiểm tra chứng cứ, vật chứng, tài liệu; được đến hiện trường vụ án để xem xét; được đối chất và đưa các yêu cầu, đề xuất khác và Hội đồng xét xử phải bảo đảm. Bên cạnh đó còn có thủ tục thân thiện đối với người dưới 18 tuổi; về thành phần Hội đồng xét xử, đối với Hội thẩm phải có người là nhà giáo hoặc cán bộ đoàn thành niên, am hiểu tâm sinh lí của bị cáo; ngoài ra còn có người đại diện hợp pháp của họ và luật sư được Nhà nước cử, trả chi phí bào chữa cho họ. Còn có các trường hợp đặc biệt khác của bị cáo được Nhà nước quan tâm cử luật sư bào chữa giúp đỡ họ.

Sự bảo đảm tranh luận giữa các bên tại phiên tòa trong TTTHS là một thành công về mặt lập pháp trong quá trình cải cách tư pháp ở Việt Nam. Sự bảo đảm ở đây là về các quyền tố tụng một cách dân chủ, bình đẳng, coi trọng quyền con người của người tham gia tố tụng. Song cũng cần thiết đặt ra một số vấn đề:

---

<sup>24</sup>Craig M. Bradley (2007), *Criminal Procedure A Worldwide Study*, Carolina Academic Press, Durham- North Carolina.

<sup>25</sup>Russell L. Weaver, Leslie W. Abramson, John M. Burkoff & Catherine Hancock (2007), *Principles of Criminal Procedure*, (second edition), Thomson/West, Printed in the USA.

*Thứ nhất*, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa hình sự ở Việt Nam coi trọng bản luận tội của Kiểm sát viên. Bản luận tội của Kiểm sát viên được xem là cơ sở cho các bên dựa vào đó tranh biện. Ngay cả trong thủ tục đối đáp- bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác khi trình bày ý kiến được luật đặt ra là xoay quanh bản luận tội. Làm cho bản luận tội theo đó mà phải tổng hợp đầy đủ chứng cứ buộc tội, và các tình tiết khác của vụ án. Điều đó chưa hẳn đã tích cực, vì nếu như người tham gia tố tụng đưa ra ý kiến tranh luận mà phụ thuộc, xoay quanh lời luận tội thì họ bị bó hẹp trong vấn đề đánh giá chứng cứ và bị giảm đi lợi thế. Bên cạnh đó, Điều 217 BLTTHS năm 2015 không quy định hình thức luận tội phải bằng văn bản, mà có thể bằng lời nói, song trên thực tế xét xử không ít trường hợp Kiểm sát viên đọc bản luận tội đã chuẩn bị sẵn, chưa phản ánh đầy đủ diễn biến của phiên tòa.

Trên thực tế bản luận tội của Kiểm sát viên đề xuất tội danh, khung hình phạt, mức án, trách nhiệm bồi thường dân sự và những vấn đề cần phải giải quyết khác trong vụ án, là chưa hợp lí. Vì trong khi chưa xảy ra đối đáp, tranh luận, chứng cứ, tình tiết vụ án có thể còn mâu thuẫn nhưng Kiểm sát viên đã đề xuất cụ thể, chi tiết về mức án và các vấn đề khác vô hình trung ảnh hưởng đến tâm lý của bị cáo tại phiên tòa. Hơn nữa nó còn tạo lợi thế cho Kiểm sát viên (bên buộc tội) so với bên bào chữa. Nó còn gây áp lực cho việc thực hiện quyền bào chữa. Như vậy phần nào ảnh hưởng đến bảo đảm xét xử công bằng trong TTHS.

*Thứ hai*, hoạt động kiểm sát xét xử của VKSND tại phiên tòa có ảnh hưởng đến bảo đảm xét xử công bằng trong TTHS không? Ngoài chức năng thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa, VKSND còn thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án nói chung, Hội đồng xét xử nói riêng, nhằm bảo đảm sự tuân thủ pháp luật- cơ bản là về thủ tục tố tụng. Cần khẳng định đây là một khâu công tác Kiểm sát nhằm thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp. Vai trò của VKSND là bảo đảm áp dụng thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử đầy đủ, đúng đắn, tránh sai sót ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của người tham gia tố tụng. Đó cũng chính là một nội dung nhằm bảo đảm xét xử công bằng trong TTHS. Ví dụ như Hội đồng xét xử bỏ sót không phổ biến quyền và nghĩa vụ cho một trong số người tham gia tố tụng, hoặc bỏ sót người và vấn đề cần xét hỏi, lúc này Kiểm sát viên yêu cầu phải thực hiện; Kiểm sát viên có quyền yêu cầu thay đổi thành viên Hội đồng xét xử và người tiến

hành tố tụng khác, có quyền yêu cầu tạm hoãn phiên tòa .v.v. Song, hoạt động kiểm sát xét xử của VKSND có thể gây áp lực đến Hội đồng xét xử, chi phối đến phiên tranh tụng, vì Hội đồng xét xử thường có tâm lý là thiên vị Kiểm sát viên; do vai trò và mối quan hệ vừa phối hợp vừa kiểm soát lẫn nhau giữa Tòa án và VKSND. Điều đó làm phương hại đáng kể đến bảo đảm quyền bào chữa và tất nhiên là ảnh hưởng đến quyền xét xử công bằng.

## **5. Kết luận**

*Một là*, các nguyên tắc trong TTHS Việt Nam có ý nghĩa tích cực trong việc bảo đảm quyền xét xử công bằng trong TTHS, đặc biệt là nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa và nguyên tắc tòa án xét xử kịp thời, công bằng, công khai. Trong TTHS các quyền con người của người tham gia tố tụng nói chung, quyền của người bị bắt, tạm giữ, tạm giam nói riêng được nhà nước tôn trọng, bảo vệ khá toàn diện. Cụ thể gồm các quyền trong các lĩnh vực tố tụng, các quyền căn bản về chính trị, dân sự, văn hóa xã hội .v.v. được luật TTHS bảo đảm.

*Hai là*, nghiên cứu đã chỉ rằng: vai trò rất lớn của CQĐT ở Việt Nam trong việc thu thập chứng cứ. Bằng mọi nguồn lực có thể, CQĐT ở Việt Nam thu thập chứng cứ để chứng minh. Việc thu thập chứng cứ của CQĐT theo chiều hướng buộc tội, hơn là chú trọng chứng cứ gỡ tội, do đó tính khách quan bị ảnh hưởng, nghĩa là có xu hướng ảnh hưởng đến các quyền của người bị buộc tội, ảnh hưởng đến quyền xét xử công bằng. Cơ quan điều tra quyết định việc thu thập chứng cứ, Tòa án, VKSND và Tòa án tham gia vào thu thập chứng cứ chỉ mang tính bổ sung. Quyền hạn rất lớn trong việc thu thập chứng cứ của CQĐT quyết định thành công hay không đến quá trình xét xử.

*Ba là*, vai trò mờ nhạt của luật sư trong việc thu thập chứng cứ. Luật sư phụ thuộc rất lớn vào CQĐT trong quá trình tham gia tố tụng để tìm kiếm chứng cứ. Khi vụ án ở giai đoạn xét xử- mở phiên tòa, luật sư tìm kiếm sự thật chủ yếu là nghiên cứu hồ sơ tìm ra sai sót trong đó. Sự chủ động của luật sư trong thu thập chứng cứ vô cùng hạn chế. Đây là đặc điểm cho thấy sự khác biệt với vai trò luật sư của nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng mô hình TTHS tranh tụng. Và sự yếu thế của luật sư trong quá trình thu thập chứng cứ ở giai đoạn điều tra và giai đoạn xét xử, ảnh hưởng rất lớn đến quyền xét xử công bằng trong TTHS ở Việt Nam.



*Bốn là*, ở Việt Nam, VKSND có vai trò rất lớn trong việc định hướng điều tra, hạn chế lạm quyền, tùy tiện của CQĐT. Đặc biệt là chức năng hiến định của VKSND là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp là một cơ chế pháp lý và thực tiễn hữu hiệu nhất trong việc bảo đảm quyền con người của người tham gia tố tụng. Thẩm quyền phê chuẩn các quyết định do CQĐT ban hành (VKSND phê chuẩn mới có hiệu lực thi hành) và luận tội tại phiên tòa của VKSND, đây là hai trong rất nhiều quyền hạn của VKSND bảo đảm cho CQĐT tuân thủ pháp luật trong quá trình thu thập chứng cứ. Điều đó quyết định luận đến sự công bằng trong hoạt động TTTHS ở Việt Nam, và không thể thiếu được

*Cuối cùng là*, ở Việt Nam Tòa án vẫn tham gia tích cực vào các hoạt động thu thập chứng cứ, như trả hồ sơ điều tra bổ sung cho VKSND để thu thập chứng cứ; tòa án có quyền yêu cầu giám định, giám định lại, có quyền khởi tố vụ án .v.v. Trong đó đáng chú ý là Tòa án có quyền xét tội nặng hơn tội VKSND đã truy tố, so với trước đây phạm vi xét xử Tòa án được mở rộng hơn<sup>26</sup>, nhưng phải trao đổi và đề nghị VKSND xem xét lại hồ sơ để truy tố lại theo hướng tội danh nặng hơn, sau đó Tòa án mới quyết định xét xử. Như vậy, ở Việt Nam tòa án được xét xử tội nặng hơn so với tội VKSND đã truy tố, đã ảnh hưởng đến chức năng truy tố của VKSND. Chúng tôi cho rằng, tòa án xét xử tội nặng hơn ở Việt Nam còn làm phương hại đến quyền bào chữa và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền của bị can, bị cáo. Có thể nói thẩm quyền mới này được xác định trong BLTTHS mới là một bước thụt lùi. Bên cạnh đó, theo TTTHS Việt Nam, thì VKSND có quyền rút quyết định truy tố tại phiên tòa, nhưng Tòa án có quyền xét xử tiếp hoặc đình chỉ vụ án, mà lẽ ra phải đình chỉ vụ án ngay. Đây là những thẩm quyền được luật TTTHS trao cho Tòa án, làm cho Tòa án làm trái chức năng xét xử, ảnh hưởng đến quyền xét xử công bằng. Vì quyền hạn của VKSND rất đầy đủ, khả thi, là cơ chế hữu hiệu nhất trong việc giám sát sự tuân thủ pháp luật trong giai đoạn điều tra và giai đoạn xét xử, do đó các thẩm quyền của Tòa án đã đề cập được xác lập trong BLTTHS mới là không phù hợp, làm mâu thuẫn với quyền xét xử công bằng trong TTTHS ở Việt Nam.

---

<sup>26</sup> Sau nhiều năm tranh luận, đến BLTTHS năm 2015 ở Việt Nam, Tòa án được quyền xét xử tội nặng hơn tội VKSND truy tố.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo số 11/BC-VKSTC ngày 19/11/2015 của VKSND tối cao về tổng kết 10 năm thi hành BLTTHS năm 2013.
2. Báo cáo số 03/BC-TA ngày 15/1/2015 của TANDTC “*tổng kết công tác năm 2014 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2015 của các tòa án*”, Tài liệu Hội nghị triển khai công tác Tòa án năm 2015, Hà Nội tháng 1/2015).
3. Báo cáo số 152/BC-VKSTC ngày 27/12/2016 của VKSND tối cao về “*Tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2016*”;
4. Báo cáo số 139/BC-VKSTC ngày 26/12/2017 của VKSND tối cao về “*Tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2017*”;
5. Báo cáo số 208/BC-VKSTC ngày 28/12/2018 của VKSND tối cao về “*Tổng kết công tác ngành Kiểm sát nhân dân năm 2018*”;
6. Báo cáo số 238/BC-VKSTC ngày 20/12/2019 “*Báo cáo tổng kết công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2019*”;
7. Báo cáo số 253/BC-VKSTC ngày 31/12/2020 “*Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 của ngành Kiểm sát nhân dân*”.
8. Các Quy tắc chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc về các biện pháp không giam giữ (Các Quy tắc Tô-ki-ô) năm 1990 .v.v.
9. Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966;
10. Craig M. Bradley (2007), *Criminal Procedure A Worldwide Study*, Carolina Academic Press, Durham- North Carolina.
11. Đề tài “*Bảo đảm quyền con người khi áp dụng biện pháp tạm giam theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015*”, Đề tài cấp Bộ (do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đặt hàng nhà khoa học), Mã số B2019-DHH-15, Chủ nhiệm Đề tài TS. Nguyễn Ngọc Kiện.
12. Hiến pháp Việt Nam năm 2013 và BLTTHS Việt Nam năm 2015
13. Hiến chương Liên Hợp Quốc về quyền con người năm 1945;
14. Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên), (2015), *Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
15. Nghị định thư không bắt buộc thứ hai của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 về huỷ bỏ án tử hình, 1989;

16. Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế năm 1948;
17. Tập hợp các nguyên tắc về bảo vệ tất cả những người bị giam hay bị cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào năm 1988;
18. Russell L. Weaver, Leslie W. Abramson, John M. Burkoff & Catherine Hancock (2007), *Principles of Criminal Procedure*, (second edition), Thomson/West, Printed in the USA.

### **Tham luận 3:**

## **MỘT VÀI LUẬN ĐIỂM VỀ VẤN ĐỀ HÌNH THỨC ĐIỀU TRA TẬP THỂ HOẠT ĐỘNG TỘI PHẠM XUYÊN QUỐC GIA CÓ TÍNH CHẤT CỤC ĐOAN**

**Davydov Vladimir Olegovich\***

*Bản dịch của TS. Chu Văn Hùng*

**Tóm tắt:** bài báo trình bày quan điểm của tác giả về các hình thức tổ chức điều tra các hoạt động tội phạm xuyên quốc gia có tính chất cục đoan. Với tư cách là hình thức hoạt động điều tra tập thể nhằm điều tra các yếu tố chủ nghĩa cục đoan xuyên quốc gia, chế định nhóm điều tra-trình sát chung đang được nghiên cứu.

**Từ khóa:** hình thức điều tra tập thể, chủ nghĩa cục đoan xuyên quốc gia, nhóm điều tra trình sát, điều tra chung, cơ cấu tổ chức.

Ở giai đoạn phát triển hiện nay của cộng đồng thế giới, giữa muôn vàn hình thức xâm chiếm của tội phạm, chủ nghĩa cục đoan chiếm một vị trí đặc biệt do sức tàn phá và quy mô biểu hiện của nó. Từ đầu những năm 90 của thế kỷ trước, diện mạo của nó đã biến đổi mạnh mẽ trên các phương diện lãnh thổ, động lực, chính trị, tư tưởng và các mặt khác.

Trong bối cảnh quá trình toàn cầu hóa, hoạt động tội phạm có tính chất cục đoan đã có hình thức quốc tế trong chính sự phát triển của mình và trở thành một nhân tố nhiều mặt, nguy hiểm và lâu dài trong sự phát triển của xã hội hiện đại, gây mất ổn định nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho những điều kiện cần thiết nhất cho sự phát triển tiên bộ của nhân loại.

Một trong những khía cạnh quan trọng của quá trình điều tra các yếu tố của chủ nghĩa cục đoan xuyên quốc gia là việc hình thành cơ sở tổ chức của nó, bao gồm cả việc lựa chọn hình thức hoạt động điều tra.

---

\* PGS. TS., Phó Giám đốc Công an Tỉnh Tula, Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Tula, Liên Bang Nga; Email: VladDv71@yandex.ru

Theo truyền thống, trong khoa học tổ tụng hình sự và khoa học điều tra hình sự, cũng như trong thực tiễn điều tra hiện đại của các cơ quan bảo vệ pháp luật của Liên bang Nga, theo thông lệ, các cơ quan sau:

- Tổ chức công việc theo nguyên tắc lãnh thổ (gọi là “hệ thống khu vực”);
- Tổ chức công việc thông qua sự chuyên môn hóa của các điều tra viên (cái gọi là "hệ thống tuyển tính");
- Hình thức tổ chức điều tra tập thể (điều tra hoặc nhóm điều tra – trinh sát);
- Một hình thức tổ chức điều tra kết hợp (ví dụ, tổ chức công việc trên cơ sở lãnh thổ và đồng thời thông qua sự chuyên môn hoá của các điều tra viên).

Có vẻ như liên quan đến các hoạt động tội phạm xuyên quốc gia có tính chất cực đoan, hình thức tổ chức điều tra tập thể được quan tâm khoa học đáng kể do tiềm năng sử dụng tổng hợp các lực lượng và phương tiện, do đó, sẽ đảm bảo sử dụng khá hiệu quả các phương pháp và khuyến nghị điều tra hình sự, đúng về mặt chiến thuật để giải quyết các vấn đề về tổ chức pháp lý về sự tương tác giữa điều tra viên và các cơ quan điều tra, giám định viên và các chuyên gia khác.

Việc phân định hình thức tập thể với các hình thức tổ chức điều tra tội phạm khác dựa trên các nguyên tắc cơ bản sau đây làm cơ sở cho hoạt động của nó: tính hợp pháp; hợp lý của việc sử dụng hình thức tổ chức tập thể các hoạt động điều tra; kịp thời và hiệu quả của việc xây dựng; có tính đến phẩm chất cá nhân và chuyên môn của các thành viên, cũng như việc thể hiện trách nhiệm của họ; liên hệ liên tục của các thành viên trong nhóm với nhau, cũng như với các bộ phận khác của các cơ quan bảo vệ pháp luật; cơ động, khả năng cơ động và năng động.

Chúng tôi tập trung vào các loại hình thức tổ chức điều tra tập thể sau:

loại chuyên nghiệp (nhóm điều tra) - đại diện cho các hoạt động chung của một số điều tra viên dưới một chỉ huy duy nhất;

loại đa chuyên nghiệp (nhóm điều tra-trình sát) - đại diện cho các hoạt động chung của các điều tra viên và các sĩ quan hoạt động dưới một chỉ huy duy nhất.

Liên quan đến việc điều tra các yếu tố của chủ nghĩa cực đoan xuyên quốc gia, hình thức hiệu quả nhất để tổ chức điều tra một loại hình đa chuyên nghiệp được coi là một nhóm điều tra-trình sát, theo đó chúng tôi đề xuất hiểu một hình thức tổ chức liên quan và phối hợp hoạt động của các điều tra viên, cán bộ trình sát và những người khác (giám định viên, chuyên gia, v.v.) thống nhất dưới một sự lãnh đạo duy nhất và nhằm xác định và điều tra các tội phạm xuyên quốc gia có tính chất cực đoan.

Việc nghiên cứu các công trình khoa học liên quan đến các vấn đề của tội phạm xuyên quốc gia [1, 2, 3, 4] dẫn đến kết luận rằng tình hình hiện nay của hệ thống đấu tranh chống tội phạm loại này đòi hỏi phải cải tiến các hình thức tổ chức điều tra hiện có và cao hơn tất cả, xét về sự tương tác của các cơ quan bảo vệ pháp luật của Liên bang Nga với các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, cũng như các tổ chức giữa các quốc gia có tính chất tương tự.

Trong bối cảnh các quá trình toàn cầu hóa thế giới đang diễn ra, ngoài ảnh hưởng đến phạm vi lợi ích tội phạm của những kẻ cầm đầu các nhóm cực đoan, việc chỉ sử dụng các hình thức hợp tác quốc tế truyền thống trong lĩnh vực tố tụng hình sự rõ ràng là không đủ cho một cuộc điều tra hiệu quả và xét xử tiếp theo các vụ án hình sự thuộc loại này.

Trường hợp này là do sự hiện diện của một số yếu tố quyết định, trong đó chúng tôi tin rằng có thể chỉ ra:

– Quan hệ kinh tế và chính trị đối ngoại hiện nay của Liên bang Nga với một số quốc gia nước ngoài: ngày càng phức tạp, càng khó khăn hơn trong việc hợp tác giữa các quốc gia trong lĩnh vực tư pháp hình sự có hiệu quả;

– Tác động của vị trí pháp lý được thừa nhận một cách đồng đẳng rằng nhà nước có nghĩa vụ bảo vệ công dân của mình và công dân vi phạm pháp luật phải

bị truy tố bởi nhà nước của họ và ngược lại, không phải là đối tượng tài phán của nước ngoài;

- Thời hạn của thủ tục tương trợ tư pháp quốc tế truyền thống;
- Việc người thực hiện yêu cầu trợ giúp pháp lý không sử dụng kết quả của họ trong quá trình tố tụng hình sự của Liên bang Nga, cũng như sự không chắc chắn của người đó về tính bảo mật của thông tin điều tra và trinh sát;
- Sự vắng mặt ở hầu hết các đơn vị điều tra lãnh thổ của các cán bộ có trình độ chuyên môn về điều tra tội phạm xuyên quốc gia (bao gồm cả những tội phạm có tính chất cực đoan), cũng như có kinh nghiệm cần thiết trong hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hình sự;
- "Địa lý" rộng lớn của các hoạt động cực đoan của các liên kết khu vực của các đội hình cực đoan xuyên quốc gia, cả trên lãnh thổ Liên bang Nga (các nước cộng hòa Bắc Caucasus, Crimea, Tatarstan, Bashkortostan, các khu vực của khu vực liên bang trung tâm, các thành phố có ý nghĩa liên bang - Moscow, St.Petersburg, Rostov-on-Don, v.v.), và ở nước ngoài (Iraq, Afghanistan, Pakistan, Nigeria, Syria, Ai Cập, các nước thuộc Liên minh Châu Âu, v.v.) [5, tr. 45] và những nước khác.

Liên quan đến việc điều tra các yếu tố của chủ nghĩa cực đoan xuyên quốc gia, những trở ngại được lưu ý sẽ giúp cho việc lựa chọn thể chế các nhóm điều tra-trinh sát chung như một hình thức tổ chức của hoạt động điều tra có thể vượt qua một cách hiệu quả. Chúng tôi nhấn mạnh rằng thuật ngữ này được chúng tôi sử dụng tương đương với thuật ngữ tiếng Anh "Nhóm điều tra chung" (Joint (quốc tế) các đội điều tra) thường được chấp nhận trong thông lệ quốc tế về điều tra chung [6, 7].

Các nguyên tắc chính để tổ chức hoạt động của các nhóm điều tra và trinh sát nhằm điều tra các yếu tố của chủ nghĩa cực đoan xuyên quốc gia sẽ là:

- Công nhận lẫn nhau về chứng cứ và quyết định tố tụng; nguyên tắc hình sự kép, theo đó một hành vi mà quốc gia yêu cầu quy định cho một người (những người) cũng là một tội phạm tại quốc gia được yêu cầu;

- Nguyên tắc tập thể, theo đó tất cả các quyết định tổ tụng quan trọng do đại diện có thẩm quyền của cơ quan buộc tội cao nhất thực hiện;
- Nguyên tắc giám sát quốc gia và kiểm soát thủ tục tổ tụng; nguyên tắc đa nghĩa của quy phạm pháp luật;
- Nguyên tắc thẩm quyền tổ tụng hình sự đa lãnh thổ.

Trong số các yêu cầu chung về tổ chức quan trọng trong khía cạnh hỗ trợ điều tra hình sự thích hợp cho các hoạt động điều tra, chúng tôi cho rằng cần phải bao gồm những điều sau:

- Nhóm cần được thành lập để đạt được các mục tiêu điều tra các hoạt động tội phạm xuyên quốc gia có tính chất cực đoan, đòi hỏi sự phối hợp hành động chung với các quốc gia nước ngoài khác;
- Nhóm phải do một quan chức của quốc gia khởi xướng đứng đầu, trong khi người này có nghĩa vụ đưa ra các quyết định trong giới hạn thẩm quyền của mình hoặc thẩm quyền của nhóm theo luật quốc gia của lãnh thổ mà nhóm hoạt động;
- Nhóm nên bao gồm cán bộ của các đơn vị điều tra, trinh sát và giám định, và trong một số trường hợp - bao gồm các chuyên gia khác, bao gồm đại diện của các tổ chức bảo vệ pháp luật liên quốc gia (ví dụ, Văn phòng điều phối chống tội phạm có tổ chức và các tội phạm nguy hiểm khác trong Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG));
- Các thành viên của nhóm hoạt động trên lãnh thổ của quốc gia khác bị ràng buộc bởi luật của quốc gia đó, nhưng phải tính đến các điều kiện do chính quyền của nước đó đưa ra trong thỏa thuận để thành lập nhóm;
- Các thành viên nhóm có thể (và nên) yêu cầu chính quyền của họ thực hiện các bước thủ tục cần thiết trong quốc gia của họ, theo cách thức được quy định cho việc điều tra nội bộ;
- Thông tin quan trọng về mặt điều tra hình sự mà các thành viên của nhóm thu được một cách hợp pháp trên lãnh thổ của một quốc gia khác có thể và



cần được sử dụng tại quốc gia của họ theo cách thức được luật tố tụng hình sự quy định;

– Quốc gia có lãnh thổ mà nhóm hoạt động phải thực hiện các biện pháp tổ chức cần thiết để đảm bảo cung cấp toàn diện phù hợp cho các hoạt động của nhóm.

Từ quan điểm của cơ sở khái niệm của chính quá trình hoạt động của một nhóm điều tra-trình sát chung, với tư cách là một hình thức tổ chức điều tra các hoạt động tội phạm xuyên quốc gia có tính chất cực đoan, các mô hình sau đây có thể thực hiện được.

Điều tra chung phối hợp, trong đó nhóm thực sự điều tra song song hai vụ án hình sự - một vụ án phạm tội xuyên quốc gia có tính chất cực đoan trên lãnh thổ Liên bang Nga và vụ án thứ hai về thực tế hoạt động tội phạm xuyên quốc gia. hình thành chủ nghĩa cực đoan trên lãnh thổ của nước ngoài - ví dụ, tại vị trí của mô-đun tổ chức phân cấp của nó. Với mô hình tổ chức điều tra như vậy, đại diện của từng quốc gia thành viên của nhóm hành động trên lãnh thổ của quốc gia mình, kịp thời trao đổi những bằng chứng thu thập được.

Điều tra chung liên kết. Trong trường hợp sử dụng mô hình tổ chức điều tra này, nhóm phải bao gồm cả đại diện của quốc gia - nơi triển khai hiện tại của nhóm và các thành viên biệt phái - đại diện của một quốc gia nước ngoài, đảm bảo việc thu thập thông tin quan trọng không bị cản trở ở quốc gia đã cử họ và những người có mặt (tham gia) trong quá trình tiến hành các hoạt động điều tra trên lãnh thổ của quốc gia nơi nhóm đó đặt trụ sở. Đồng thời, các thành viên của nhóm điều tra và trình sát chung phải có khả năng di chuyển giữa các quốc gia, tùy thuộc vào vị trí của phần lớn thông tin quan trọng về mặt pháp lý.

Trên thực tế, việc lựa chọn một mô hình điều tra chung cụ thể nên được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận hiện có giữa các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia liên quan về việc thành lập một nhóm điều tra-trình sát chung nhằm xác định các điều kiện chính cho các hoạt động của tổ chức đó.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Годунов И.В. Транснациональная организованная преступность в России: пути и формы противодействия: Дисс. ... д-ра юрид. наук. Рязань, 2002.
2. Еркенов С.Е. Взаимодействие правоохранительных органов СНГ при раскрытии и расследовании транснациональных преступлений: Автореф. дисс. ... д-ра юрид. наук. М., 2000.
3. Хижняк Д.С. Борьба с транснациональными преступлениями и их расследование: Монография // Под ред. А.Г. Волеводза. М.: Юрлитинформ, 2015.
4. Репецкая А.Л. Понятие и признаки транснациональной организованной преступности // Транснациональная организованная преступность: дефиниции и реальность. Владивосток, 2001.
5. Давыдов В.О. Транснациональная преступная деятельность экстремистского характера: криминалистический анализ: Монография // Под науч. ред. А.Ю. Головина. М.: Юрлитинформ, 2016.
6. Нурбеков И.М. Организация и тактика взаимодействия с иностранными компетентными органами при расследовании преступлений международного характера: Монография // Под ред. А.Г. Волеводза. М.: Юрлитинформ, 2012.
7. Устинов А.В. Взаимодействие органов предварительного следствия Российской Федерации с уполномоченными субъектами иностранных государств в целях получения доказательств по уголовному делу: Монография. // Под ред. А.Г. Волеводза. М.: Юрлитинформ, 2014.

#### **Tham luận 4:**

### **KHUNG LÝ THUYẾT VỀ NGUYÊN TẮC CỦA TỔ TỤNG HÌNH SỰ NHÌN TỪ NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI**

**Đinh Thế Hưng\***

**Tóm tắt:** Bài viết đưa ra khung lý thuyết để tiếp cận và nghiên cứu hệ thống các nguyên tắc cơ bản của tổ tụng hình sự thông qua việc nghiên cứu nguyên tắc suy đoán vô tội bao gồm: tính khách quan, tính đồng bộ, tính phù hợp và bảo đảm thực hiện nguyên tắc. Bài viết cũng đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật tổ tụng hình sự Việt nam đáp ứng yêu cầu của tổ tụng hình sự trong nhà nước pháp quyền

**Từ khóa:** nguyên tắc tổ tụng, suy đoán vô tội, mô hình tổ tụng, chứng minh, chứng cứ, tổ tụng công bằng.

#### **1. Đặt vấn đề**

Suy đoán vô tội được tiếp cận ở các phương diện như: (i) là một phương pháp tư duy trong chứng minh trong tổ tụng hình sự (TTHS), (ii) là một đặc quyền của người bị tội; (iii) là nguyên tắc cơ bản của TTHS Việt Nam. Từ mỗi phương diện sẽ có các phương pháp nghiên cứu và đưa đến các kết quả nhận thức khác nhau về suy đoán vô tội đồng thời khẳng định giá trị của suy đoán vô tội đối trong TTHS. Ở đây, chúng tôi bàn đến tiếp cận suy đoán vô tội từ phương diện nguyên tắc của TTHS từ đó đề xuất khung lý thuyết để tiếp cận và nghiên cứu các nguyên tắc trong hệ thống nguyên tắc của TTHS Việt Nam nói chung và nguyên tắc suy đoán vô tội nói riêng. Khung lý thuyết đó là: luận giải được tính khách quan, tính toàn diện, tính đồng bộ, tính ổn định nội dung, bảo đảm thực hiện nguyên tắc này. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu từ phương diện này sẽ soi vào TTHS Việt Nam để đánh giá pháp luật và thực tiễn TTHS Việt Nam trong việc thể hiện của nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTHS Việt Nam.

#### **2. Tính khách quan của nguyên tắc suy đoán vô tội**

Nguyên tắc của pháp luật luôn mang tính khách quan. Nói về tính khách quan của các nguyên tắc tổ tụng hình sự, Một tư tưởng để trở thành nguyên tắc của pháp luật trong đó có nguyên tắc của TTHS đảm bảo yêu cầu đầu tiên đó là phải chuyển tải

---

\* TS., Viện Nhà nước và Pháp luật- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam; Email: hungdt@isl.gov.vn

một tư tưởng có ý nghĩa là giá trị được thừa nhận chung. Giá trị của suy đoán vô tội được xem xét ở hai phương diện: phương diện chứng minh và phương diện đối xử. Suy đoán vô tội đã được thừa nhận là giá trị của văn minh nhân loại trong việc bảo vệ quyền con người trong TTHS.

Ở phương diện chứng minh cần bắt đầu từ vấn đề cơ bản nhất là bản chất của TTHS đó là quá trình nhận thức về sự thật của vụ án. Lý thuyết về chứng minh chỉ ra nhiều phương pháp chứng minh. Bên cạnh phương pháp chứng minh trực tiếp, người ta có thể chứng minh bằng phương pháp phản chứng (*reductio ad absurdum*) - tiếng La tinh có nghĩa là “*thu giảm đến sự vô lý*”. Theo đó, người ta sẽ chứng minh nếu một phát biểu nào đó xảy ra, thì dẫn đến mâu thuẫn về lôgic, vì vậy phát biểu đó không được xảy ra<sup>1</sup>

Cội nguồn của nguyên tắc suy đoán vô tội có từ thời La-mã cổ đại khi người ta cho rằng trách nhiệm chứng minh thuộc về bên tố cáo và chỉ áp dụng trong tố tụng dân sự<sup>2</sup>. Tư tưởng này chỉ thực sự trở thành nguyên tắc pháp luật khi khi cách Cách mạng tư sản Pháp dành thắng lợi đánh một dấu mốc trong cuộc đấu tranh không ngừng nghỉ của nhân loại để bảo vệ quyền con người, cùng với đó là đòi hỏi ngày càng gay gắt của xã hội: Cần phải có biện pháp hạn chế, chống lại sự chuyên quyền, độc đoán xâm phạm thô bạo quyền con người trong TTHS từ phía nhà nước. Do đó, suy đoán vô tội không chỉ đáp ứng yêu cầu chứng minh mà còn bảo vệ được quyền của người bị tình nghi, bị can, bị cáo<sup>3</sup>. Hoạt động TTHS bao gồm hai nhiệm vụ. Trước hết, nó là hoạt động bảo vệ xã hội chống lại hành vi xâm hại từ phía tội phạm. Mặt khác không kém phần quan trọng là bảo vệ cá nhân người bị buộc tội chống lại sự xâm hại quyền con người từ phía công quyền. Luật TTHS trong nhà nước văn minh phải dung hoà được quyền lợi xã hội và tự do cá nhân. Suy đoán vô tội còn đem đến sự cân bằng trong hoạt động TTHS giữa một bên là nhà nước với bộ máy điều tra, truy tố xét xử hùng mạnh được hậu thuẫn bằng quyền lực nhà nước với một bên yếu thế hơn là người bị tình nghi, bị can, bị cáo. Do đó, “*nếu chỉ chứng minh theo hướng suy đoán có tội thì rất dễ*

---

<sup>1</sup> Đinh Thế Hưng, *Sự thể hiện của nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1 năm 2010

<sup>2</sup> Nguyễn Thái Phúc- Nguyên tắc suy đoán vô tội- Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 11/2006, trang 72.

<sup>3</sup> Lịch sử TTHS nhân loại cho thấy đã có những cách chứng minh theo hướng suy đoán có tội bằng những biện pháp phi khoa học, vô nhân đạo xâm phạm đến quyền con người đó là phương pháp chứng minh trong TTHS thời chiếm hữu nô lệ hay phong kiến.

*dẫn đến việc coi tố tụng hình sự chỉ đơn thuần là việc bắt người và ra bản án kết tội kèm theo những hình phạt cụ thể*<sup>4</sup>.

### **3. Tính đồng bộ của nguyên tắc suy đoán vô tội**

Đồng bộ là sự phù hợp của các các yếu tố trong một hệ thống để vận hành hệ thống đó đạt mục đích chung. Các nguyên tắc của TTHS nói chung và nguyên tắc suy đoán vô tội nói riêng là một bộ phận quan trọng của hệ thống tố tụng hình sự bao gồm gồm nhiều bộ cấu thành. Để hệ thống TTHS vận hành trôi chảy thì tính đồng bộ của các bộ phận cấu thành là yêu cầu quan trọng. Ở mức độ cao nhất, nguyên tắc suy đoán vô tội phải đồng bộ với các yếu cơ bản nhất cấu thành của hệ thống TTHS bao gồm: Yêu cầu của Nhà nước pháp quyền; mục đích của TTHS, mô hình TTHS, các nguyên tắc khác của TTHS.

*Ở mức độ thứ nhất*, Nguyên tắc suy đoán vô tội đồng bộ với nhà nước pháp quyền. Nó chỉ có thể tồn tại thực chất và thể hiện được giá trị của nó nếu đặt trong nhà nước pháp quyền ở đó, quyền lực nhà nước trong đó có quyền lực trong lĩnh vực TTHS phải được kiểm soát bằng các cơ chế khác nhau; quyền con người được ghi nhận và bảo vệ; trong TTHS nhà nước phải tuân thủ trình tự pháp luật công bằng (due process)... Không chỉ là đòi hỏi của nhà nước pháp quyền, suy đoán vô tội còn là sự cụ thể hóa tư tưởng, nội dung của nhà nước pháp quyền trong TTHS. Ý nghĩa của luận điểm này đòi hỏi khi tiếp cận suy đoán vô tội không thể thoát ly khỏi trạng thái pháp quyền của nhà nước bởi lẽ suy đoán vô tội là sản phẩm của nhà nước pháp quyền.

*Ở mức độ thứ hai*, suy đoán vô tội phải đồng bộ với mục đích của TTHS. Bởi vì, từ *mục đích tố tụng hình sự đi đến khẳng định mục đích nào thì mô hình tố tụng và các nguyên tắc của tố tụng hình sự sẽ được thiết kế theo cách đó*<sup>5</sup>. Theo đó, mục đích là yếu tố quan trọng nhất của TTHS. Từ mục đích sẽ điều chỉnh các yếu tố khác của TTHS như nguyên tắc, mô hình TTHS, chức năng, chứng cứ, chứng minh...Mục đích của TTHS trong nhà nước pháp quyền là xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ trên cơ sở đó áp dụng pháp luật nội dung để xử lý người phạm tội đồng thời bảo vệ quyền con người của người bị buộc tội trong TTHS, bảo vệ xã hội trước sự xâm phạm của tội phạm.

---

<sup>4</sup> Phạm Hồng Hải- Đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội, NXB Công an nhân dân, Tr. 42

<sup>5</sup> Đào Trí Úc, tldđ

*Ở cấp độ thứ ba*, nguyên tắc suy đoán vô tội phải đồng bộ mô hình tố tụng. Mô hình tố tụng là cấu trúc của hệ thống TTHS quốc gia bao gồm các yếu tố: mục đích của TTHS; các nguyên tắc cơ bản của TTHS; các chức năng chủ yếu trong TTHS; vị trí pháp lý của các chủ thể hoạt động TTHS và quan hệ giữa các chủ thể đó trong TTHS; các giai đoạn TTHS; phương thức đạt được mục đích của TTHS hay vấn đề chứng cứ và chứng minh trong TTHS.

Nhân loại đã trải qua các mô hình TTHS khác nhau trong đó có những mô hình TTHS vắng bóng nguyên tắc suy đoán vô tội hoặc có ghi nhận nhưng không có không được đảm bảo hoặc không phát huy hiệu quả (mô hình tố cáo, thẩm vấn). Mô hình nào thừa nhận suy đoán vô tội là nguyên tắc sẽ đảm bảo được các mục đích của TTHS trong Nhà nước pháp quyền như nói trên. Ngược lại, suy đoán vô tội sẽ được thể hiện cụ thể và thực chất trong mô hình mà yếu tố tranh tụng được đề cao. Từ đây cho thấy việc nghiên cứu nguyên tắc suy đoán vô tội phải gắn nó với mô hình tố tụng cụ thể để đánh giá

*Ở cấp độ thứ tư*, một trong những đòi hỏi đối với nguyên tắc cơ bản của TTHS nói chung và nguyên tắc suy đoán vô tội đó là tính đồng bộ tức nó phải phù hợp với chế độ chính trị nói chung, mô hình tố tụng và các nguyên tắc khác của tố tụng hình sự nói riêng. Nguyên tắc suy đoán vô tội chỉ được thực hiện khi nó kết hợp với các nguyên tắc khác trong hệ thống nguyên tắc tố tụng hình sự Việt nam. Bởi lẽ nguyên tắc suy đoán vô tội là một trong nhiều các nguyên tắc hợp thành hệ thống nguyên tắc của luật tố tụng hình sự. Hệ thống nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự được chia làm nhiều nguyên tắc song các nguyên tắc của luật tố tụng hình sự đều là sự cụ thể hóa các nguyên tắc chung của pháp luật và các nguyên tắc của hiến pháp. Giữa các nguyên tắc này có mối liên hệ mật thiết với nhau tác động qua lại lẫn nhau. Đó là sự thực hiện nguyên tắc này là tiền đề để thực hiện nguyên tắc kia hoặc nguyên tắc này cụ thể hóa nguyên tắc kia. Chúng tôi đồng ý với quan điểm: Không tuân thủ các yêu cầu của một nguyên tắc tố tụng hình sự chắc chắn dẫn đến vi phạm bất kỳ nguyên tắc nào khác của cùng một cơ quan pháp luật<sup>6</sup> Do đó nguyên tắc suy đoán vô tội phải được xây dựng phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự như: nguyên tắc pháp

---

<sup>6</sup> Khidoyatov Bakhtiyor Botirovich, Principle of criminal procedure in pre-trial proceeding, International Journal of Law and Legal Jurisprudence Studies : ISSN:2348-8212:Volume 4 Issue 2, p. 77

chế, nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị tình nghi, bị can, bị cáo và nguyên tắc tranh tụng, nguyên tắc đảm bảo sự vô tư của người tiến hành tố tụng hoặc tham gia tố tụng...

#### **4. Tính phù hợp của nguyên tắc suy đoán vô tội**

Nguyên tắc suy đoán vô tội là các yêu cầu đặt ra đòi hỏi cần phải có mang tính lý tưởng Trong khi đó pháp luật thực định là cái *tồn tại*. Cái *tồn tại* phải được cải biến để phù hợp với cái *cần có* đó là quy luật <sup>7</sup>. Cho nên, một trong những tiêu chí đánh giá tính hiệu quả của nguyên tắc tố tụng là tính điều chỉnh phù hợp. Nguyên tắc xác định sự thật khách quan chỉ đạt được hiệu quả pháp lý khi được điều chỉnh phù hợp với quy luật khách quan, với điều kiện kinh tế xã hội Việt Nam và quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam. Việc thừa nhận nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự là phù hợp quan điểm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang theo đuổi thể hiện rõ nhất trong Hiến pháp 2013. Hiến pháp 2013 của Việt Nam đã quy định những điểm rất mới phù hợp với tiêu chuẩn của nhà nước pháp quyền như: khẳng định nhà nước pháp quyền phải ghi nhận đầy đủ và cam kết bảo vệ quyền con người trong đó có quyền con người trong TTHS; quy định Tòa án thực hiện quyền tư pháp có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người....

#### **5. Bảo đảm thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội**

*Thứ nhất:* Tiếp thu nguyên tắc nguyên tắc trình tự, tự, thủ tục tố tụng công bằng (Due process). Các văn kiện quốc tế đã quy định về chuẩn mực cho thủ tục tố tụng được coi là công bằng ở mức độ nguyên tắc cho dù tố tụng theo mô hình nào cũng cần đáp ứng. công bằng. Điều này được chứng minh bằng một điều khoản của Hiến chương Magne Carta *Không một người tự do nào bị cầm tù hoặc tước đoạt tài sản, tự do, phong tục, hoặc bị ngăn cấm, đày ải, đối xử tàn ác, và cũng không ai bị ép buộc thực hiện những điều đó, mà không dựa trên một phán quyết hợp pháp của những thành viên cộng đồng hoặc theo luật pháp của quốc gia*. Tu chính án 5 (năm 1791) tuyên bố: *“Không ai bị... tước bỏ tính mạng, tự do và tài sản mà không dựa trên trình tự pháp luật công bằng”*<sup>8</sup>. Cả hai văn kiện này đều nhấn mạnh trình tự pháp luật công bằng (có thể gọi cách khác là thủ tục công bằng).

<sup>7</sup> Đào Trí Úc, tldd

<sup>8</sup> Bùi Tiến Đạt, Học thuyết trình tự công bằng và việc bảo vệ quyền con người- Kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam, Tạp chí NCLP số 6/2015

Nghiên cứu TTHS Việt nam, đối chiếu với lý thuyết về nguyên tắc trình tự công bằng có thể đưa ra nhận khái quát: *TTHS Việt Nam trong thời gian dài chú trọng đến Công lý nội dung mà chưa chú ý đến Công lý thủ tục*. Thể hiện ở hai phương diện (i) chú trọng quá đến luật nội dung mà bỏ qua luật thủ tục; (ii) quan tâm đến kết quả của TTHS là phát hiện xử lý tội phạm mà không chú ý đến kết quả đó có được từ thủ tục hợp pháp hay không. Bên cạnh đó, trong TTHS mãi mê chú ý đến việc quy định hệ thống quyền của người bị buộc tội mà chưa thiết kế bộ thủ tục để thực hiện quyền đó đặc biệt là chế tài nếu thủ tục bị vi phạm<sup>9</sup>. Việc không chú ý thỏa đáng vai trò của luật thủ tục tất yếu sẽ dẫn đến TTHS chẳng những không đạt mục đích của nó đồng thời cũng không bảo vệ được quyền con người xét trong quan hệ giữa thủ tục TTHS và mục đích, yêu cầu của TTHS trong Nhà nước pháp quyền đã nói ở trên<sup>10</sup>.

*Thứ hai*, tiếp tục hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự ở Việt Nam theo hướng mở rộng hơn nữa tranh tụng trong cả quá trình tố tụng. Tiếp cận tố tụng hình sự theo hướng tiếp cận quyền con người thay vì tư duy trấn áp tội phạm; phân định rành mạch các chức năng tố tụng trong đó trả Tòa án về đúng vị trí vai trò của nó là chức năng xét xử. Theo đó, cần phân định rành mạch các chức năng tố tụng và tương ứng với mỗi chức năng có một cơ quan tư pháp đảm nhiệm. Theo đó, chức năng buộc tội thuộc về Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, chức năng gỡ tội thuộc về người bào chữa, người bị buộc tội, chức năng xét xử thuộc về Tòa án; đảm bảo cho các bên gỡ tội được bình đẳng với bên buộc tội, thể hiện ở việc có các quy định nhằm đảm bảo cho bên gỡ tội thực hiện chức năng này đó là hệ thống quyền của họ cũng như cơ chế đảm bảo cho họ thực hiện quyền này

*Thứ ba*, Hoàn thiện nguyên tắc pháp chế theo hướng không chỉ nhấn mạnh tính hợp pháp của các hoạt động tố tụng của bản án quyết định mà cần khẳng định hậu quả pháp lý của việc vi phạm pháp chế bằng cách bổ sung nội dung: *Mọi hoạt động tố tụng, chứng cứ sẽ không được thừa nhận nếu không được thực hiện hiện một cách hợp pháp*.

---

<sup>9</sup> Luật TTHS Việt Nam 2015 quy định người bào chữa được thu thập chứng cứ. Nhưng quy trình thủ tục, giá trị của chứng cứ mà người bào chữa có được như thế nào thì vẫn bỏ ngỏ.

<sup>10</sup> Tờ trình Dự thảo Bộ luật TTH đặt ra yêu cầu: hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người.



*Thứ tư*, Nghiên cứu xây dựng Luật về Chứng minh và chứng cứ trong TTHS mới khắc phục được những nhược điểm đã và đang gây cản trở trong thực tiễn công tác tố tụng hình sự. Luật về Chứng cứ và chứng minh trong TTHS cần phải điều chỉnh các nội dung sau:

-Thực hiện nguyên tắc “mọi chứng cứ đều có giá trị ngang nhau”, bất kể chúng có được đưa vào hồ sơ “một cách chính thức” hay không. Bên gỡ tội được thu thập chứng cứ và xuất trình nó tại phiên tòa.

-Bị can, bị cáo, người bào chữa được quyền tìm kiếm chứng cứ bằng bất cứ phương thức hợp pháp nào; chứng cứ và chứng minh chỉ có giá trị sau khi được trình ra và lập luận tại phiên tòa. Điều đó có nghĩa là phải song song thừa nhận những chứng cứ có trong hồ sơ và ngoài hồ sơ vụ án.

-Xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa cần phải đảm bảo sự bình đẳng của các bên và khả năng của các bên trong việc trình bày quan điểm, chứng cứ của mình.

Với ý nghĩa của chứng cứ mà Luật tố tụng hình sự quy định thì những vật chứng luật sư, bị can, bị cáo, thu thập không vi phạm pháp luật có ý nghĩa cho việc Tòa án xác định sự thật vụ án trong quá trình xét xử cũng phải được coi là chứng cứ.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bùi Tiến Đạt, *Học thuyết trình tự công bằng và việc bảo vệ quyền con người-Kinh nghiệm quốc tế và Việt Nam*, Tạp chí NCLP số 6/2015.

2. Phạm Hồng Hải, *Đảm bảo quyền bào chữa của người bị buộc tội*, NXB Công an nhân dân.

3. Đinh Thế Hưng, *Sự thể hiện của nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1 năm 2010.

4. Khidoyatov Bakhtiyor Botirovich, *Principle of criminal procedure in pre-trial proceeding*, International Journal of Law and Legal Jurisprudence Studies: ISSN:2348-8212: Volume 4 Issue 2.

5. Nguyễn Thái Phúc, *Nguyên tắc suy đoán vô tội*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 11/2006.

6. Đào Trí Úc, *Mô hình tố tụng hình sự Việt Nam được hoàn thiện theo hướng nào?*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp.

7. Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, tội phạm học, Luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia 1994.

## **Tham luận 5:**

### **VỀ XU HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ: QUAN ĐIỂM CỦA NHÀ KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN**

**Gavrilov Boris Yakovlevich\***

*Bản dịch của TS. Chu Văn Hùng*

**Tóm tắt:** Bài viết đề cập đến những vấn đề hiện tại của thực trạng pháp luật tố tụng hình sự của Liên bang Nga, phân tích những thay đổi được thực hiện đối với nó, xem xét giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, các thời hạn tố tụng của điều tra, lựa chọn biện pháp ngăn chặn, buộc tội, điều tra trong thủ tục rút gọn. Từ quan điểm của nhà khoa học và nhà thực tiễn, đánh giá được thực hiện về những thay đổi của Bộ luật Tố tụng Hình sự, và tầm nhìn của tác giả về các phương hướng cải cách điều tra sơ bộ được xây dựng và các biện pháp được đề xuất để cải thiện pháp luật tố tụng hình sự.

**Từ khóa:** điều tra viên, điều tra viên sơ bộ, cơ quan điều tra, công tố viên, khởi tố vụ án hình sự, thời hạn tố tụng, buộc tội, biện pháp ngăn chặn, điều tra trong thủ tục rút gọn.

Là một nhiệm vụ ưu tiên trong việc xây dựng một mô hình hiện đại của Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga, người ta nên chỉ định việc khắc phục những phạm trù như chính thức hóa và quan liêu hóa Luật tố tụng hình sự Liên bang Nga, vốn đã được thiết lập ngay cả trong khuôn khổ của Bộ luật Tố tụng Hình sự của Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết Liên bang Nga và được Bộ luật Tố tụng Hình sự của Liên bang Nga sao chép, hậu quả của việc này là hiệu quả thấp của các thủ tục tố tụng trước khi xét xử, kể từ khi số lượng các vụ án hình sự, chẳng hạn do các điều tra viên của cơ quan nội vụ gửi đến tòa án, trong số các vụ án đã khởi tố, đã giảm đáng kể (từ 36% năm 1991 xuống còn 22% năm 2020) [5, tr. 98- 102].

Bằng chứng của việc này là bản án chống lại Zelepukhin V.V., ngày 23 tháng 8 năm 2015 lúc 15h 30 phút, trong tình trạng say rượu, bằng cách làm vỡ kính cửa sổ khi có người đi ngang qua công dân. K. đã lấy trộm ba gói giấy vệ sinh trị giá 197 rúp từ

---

\* GS.TS., Bộ môn Quản lý Cơ quan Điều tra Tội phạm, Học viện Quản lý của Bộ Nội vụ Nga (Matxcova);  
Email: profgavrilov@yandex.ru.

cửa sổ cửa hàng, mà anh ta bị kết tội theo khoản 2 điều 161 của Bộ luật Hình sự Liên bang Nga đến 2 năm 5 tháng tù. Quá trình điều tra và xét xử vụ án kéo dài gần 5 tháng, trong đó K. bị tạm giữ. Trong trường hợp này, một giám định hàng hoá đã được thực hiện để giám định số hàng hóa bị đánh cắp. Nội dung của bản án được trình bày ở trang 14 [17]. Theo ước tính tối thiểu nhất, khoảng 1 triệu rúp đã được chi cho việc điều tra vụ án hình sự này và xét xử, bao gồm việc giam giữ K., chi phí giám định, chi phí cho luật sư, điều tra viên, công tố viên và thẩm phán.

Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến hiệu quả thấp của tố tụng hình sự là do pháp luật tố tụng hình sự chưa hoàn thiện, mặc dù đã có nhiều cuộc cải cách tư pháp, thậm chí thường xuyên thay đổi cơ quan điều tra, quan hệ giữa họ với cơ quan công tố, như đã được chỉ ra bởi Giáo sư A.S. Alexandrov [1, trang 7-10].

Đồng thời, nói về sự chưa hoàn hảo của pháp luật, tác giả đề cập đến ý kiến của GS V.T. Tomin, người lưu ý rằng thế giới đã mơ ước trong nhiều kỷ nguyên về sự xuất hiện của *"một phép màu pháp lý - phiên tòa hình sự đầu tiên trong lịch sử thế giới không chỉ tuyên bố mà còn thực sự đảm bảo tính tất yếu của trách nhiệm"* [19, trang 112].

Đồng thời, tác giả dựa trên thực tế là sự hoàn thiện của pháp luật tố tụng hình sự, trong số các yếu tố khác, đến các số liệu thống kê sau đây về tình trạng hợp pháp và chất lượng điều tra trong quá trình trước khi xét xử tội phạm. Ngược lại, các trường hợp này cho phép chúng ta đặt ra câu hỏi về sự cần thiết phải cải cách các thể chế chính của nó. Yếu tố quyết định ở đây là bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng hình sự.

Trong số các lý do khác dẫn đến việc giảm hiệu quả của tố tụng hình sự, cũng nên kể đến việc đưa ra nhiều thay đổi (khoảng 300 luật liên bang) trong 20 năm của Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga. Mặc dù hầu hết chúng được xác định bởi nhu cầu của thực tiễn thi hành pháp luật, tuy nhiên, một số thay đổi này không mang tính hệ thống và một số thay đổi mâu thuẫn với cơ sở tư tưởng của Bộ luật Tố tụng Hình sự được thông qua năm 2001.

Đồng thời, nhiều thay đổi được thực hiện đối với Bộ luật Tố tụng Hình sự của Liên bang Nga, như đã nói ở trên, là do nhu cầu của thực tiễn thi hành luật. Vì thế:

- Theo Luật Liên bang số 87-FZ ngày 05.06.2007 [10, trang 28-30], các điều tra viên là thành viên của cơ quan công tố, với sự thành lập sau đó của Ủy ban Điều tra của Liên bang Nga. Đồng thời, thực hiện phân hóa quyền hạn trong quản lý tố tụng của Điều tra viên bằng cách chuyển từ Công tố viên sang Thủ trưởng Cơ quan điều tra, đồng thời duy trì chức năng kiểm sát đối của Công tố viên. Luật Liên bang số 23-FZ ngày 4 tháng 3 năm 2013 [9, trang 85] đã mở rộng đáng kể danh sách các hoạt động điều tra và thủ tục khác được thực hiện trong quá trình xác minh tin báo tội phạm; một hình thức điều tra trong thủ tục rút gọn đã được đưa vào các thủ tục trước khi xét xử, và Luật Liên bang ngày 30 tháng 4 năm 2010 số 69-FZ đã đưa vào Bộ luật Tố tụng Hình sự một quy phạm - nguyên tắc - Điều 6.1 của Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga “thời hạn hợp lý trong tố tụng hình sự”, trong những năm sau đó đã được sửa đổi bởi thêm năm luật Liên bang nhằm làm rõ thời điểm tính thời hạn hợp lý và một số thay đổi khác [13];

- Đồng thời, một số quy phạm nhất định của Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga có các quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết Liên bang Nga năm 1922 và 1960, không đáp ứng được nhu cầu hiện nay;

- đồng thời, một số quy phạm được Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga thông qua là kết quả của sự thỏa hiệp giữa đại diện của các cơ quan bảo vệ pháp luật, mặt khác là cộng đồng khoa học cùng với nhà lập pháp, bao gồm cả các điều khoản chuyển tiếp quy định quyền công tố viên được bảo lưu cho đến ngày 1 tháng 1 năm 2004 [8] quyền cho phép các hoạt động điều tra hạn chế các quyền hiến định của công dân, cũng như kéo dài thời gian tạm giam bị can, bị cáo đang bị tạm giam [12]. Điều này dẫn đến việc Tòa án Hiến pháp Liên bang Nga thông qua Nghị quyết số 6-P ngày 14 tháng 3 năm 2002 [16] về việc công nhận các quy định của luật tố tụng hình sự về việc phê chuẩn của công tố viên hành vi tạm giam bị can, bị cáo không phù hợp với Hiến pháp Liên bang Nga, dẫn đến việc được đưa vào Bộ luật Tố tụng Hình sự trước khi có hiệu lực của những thay đổi đầu tiên, quy định việc hạn chế các quyền và tự do của những người tham gia vào quá trình tố tụng hình sự chỉ bằng quyết định của tòa án, v.v. [11].

Theo quan điểm trên, quan điểm của tác giả là cần tiếp tục thảo luận khoa học với sự tham gia của các nhà thực tiễn, tiếp theo là đưa ra các đề xuất của các nhà lập

pháp về việc sửa đổi các chế định tố tụng riêng biệt. Những thay đổi này, theo quan điểm của chúng tôi, nên bao gồm:

- sửa đổi các quy định của khoản 1 điều 162 của Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga về thời hạn điều tra sơ bộ hai tháng do mâu thuẫn với các quy phạm - nguyên tắc (Điều 61 Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga) về thời hạn tố tụng hình sự hợp lý, căn cứ vào nội dung của nghị quyết của Hội nghị toàn thể Tòa án tối cao Liên bang Nga số 11-P ngày 29 tháng 3 năm 2016, không được quá 4 năm đối với các vụ án hình sự. Hơn nữa, bản thân quy phạm này “đến” từ Bộ luật Tố tụng Hình sự Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết Liên bang Nga năm 1922;

- tăng thời hạn tạm giam ban đầu (2 tháng) đối với bị can, theo nội dung của khoản 1 và 1.1 điều 221 Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga, bao gồm từ 10 lên 30 ngày để công tố viên phê chuẩn bản cáo trạng hoặc đưa ra một quyết định khác đối với trường hợp do anh ta thụ lý vụ án hình sự (thay vì 5 ngày theo Bộ luật Tố tụng Hình sự của Liên bang Nga được sửa đổi năm 2001) và 14 ngày nữa để tòa án quyết định trong thủ tục theo khoản 1 điều 227 Bộ luật Tố tụng Hình sự của Liên bang Nga;

- việc mở rộng quy chế thông báo tình nghi ngờ đối với việc điều tra dưới hình thức điều tra ban đầu, vì ngày nay chế định buộc tội không còn ý nghĩa, có nghĩa là trong nhiều thập kỷ, các quy chuẩn của nó đã đảm bảo việc thực hiện quyền bào chữa của người bị buộc tội bằng cách cho phép luật sư bào chữa tham gia vào một vụ án hình sự ngay từ thời điểm đưa ra buộc tội, và sau đó kể từ thời điểm người đó bị tạm giam với tư cách là một bị can. Ngày nay, với việc thông qua Luật Liên bang số 23-FZ ngày 04.03.2013 [9], sự tham gia của luật sư bào chữa đã được đáp ứng kể từ thời điểm xác minh tin báo về tội phạm chống lại một người, nghĩa là khi một vụ án hình sự chưa được khởi tố. Trong số các lập luận để bãi bỏ viện buộc tội, cũng nên bao gồm thực tế là sự khác biệt về địa vị pháp lý của bị can (Điều 46 Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga) và người bị buộc tội (Điều 47 của Bộ luật tố tụng hình sự của Liên bang Nga) đã thực sự được cung cấp, trừ giai đoạn hoàn thành điều tra vụ án hình sự; hơn 5 triệu vụ án hình sự đã được đưa ra tòa trong thời kỳ Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga, được điều tra theo hình thức điều tra sơ bộ mà không cần buộc tội theo hình thức “cổ điển”; đã không cung cấp cho chế định này và các quy phạm của Điều lệ Tố tụng Hình sự năm 1864 [6, trang 65-73]. Ở hầu hết các nước châu Âu, và ngày nay

ở một số quốc gia thuộc không gian hậu Xô Viết cũ, thiết chế này vắng mặt, vì từ vị trí của Tòa án Nhân quyền châu Âu, buộc tội là sự nghi ngờ hợp lý (có cơ sở) [18];

- bản chất của một vấn đề khác là cần phải thay thế điều tra sơ bộ trong thủ tục rút gọn, mà ngày nay đã chuyển thành một cuộc điều tra trong thủ tục chung, dạng giao thức của cuộc điều tra ban đầu trong vòng 48 giờ liên quan đến một người cụ thể khi người đó bị bắt quả tang và thừa nhận rằng mình đã thực hiện một hành vi tội phạm. Hình thức điều tra này không nên quy định thủ tục khởi tố vụ án hình sự; nó cũng được đề xuất hạn chế về mặt pháp lý danh sách các hoạt động điều tra bắt buộc trong quá trình điều tra bằng cách thẩm vấn người bị tình nghi phạm tội cũng như nạn nhân. Luật pháp nên quy định việc bắt buộc giam giữ một người như vậy trên cơ sở các lý do được quy định trong các điều 91-92 của Bộ luật Tố tụng Hình sự của Liên bang Nga, trong tối đa 48 giờ, trong thời gian điều tra phải được hoàn thành. Khi tòa án thụ lý vụ án hình sự, phải tuân theo các quy định tại điểm 3 khoản 7 điều 108 của Bộ luật Tố tụng Hình sự của Liên bang Nga, tòa án kéo dài thời gian tạm giam đến 72 giờ, trong đó việc xét xử được thực hiện. Ví dụ, ở Đức, thời hạn điều tra và xét xử một vụ án hình sự như vậy là 24 giờ, và ở Ý - 2 ngày với mức án có thể lên tới 5 năm tù.

Trong số những vấn đề cấp bách nhất liên quan đến việc hoàn thiện thủ tục trước khi xét xử, tác giả nhận thấy như sau:

- một mặt, không có nghi ngờ gì về tính hợp lệ của việc cải cách thủ tục trước khi xét xử theo Luật Liên bang số 87-FZ ngày 05.06.2007 [4, tr . 18-25], được chứng minh bằng dữ liệu thống kê sau đây về kết quả của công việc điều tra, cho phép chúng tôi kết luận một kết quả cao hơn:

a) Mức độ kiểm soát từ phía lãnh đạo cơ quan điều tra:

Giai đoạn	Số người được tòa án tuyên bố trắng án, bao gồm trên 1.000 bị cáo trong các vụ án bị đưa ra tòa, trong đó bị giam giữ bất hợp pháp và bất hợp lý			
	Điều tra của Bộ Nội vụ - MVD	Trong số đó đã bị giam giữ	Điều tra viên của Văn phòng Công tố và Ủy ban Điều tra của Liên bang	trong số đó đã bị giam giữ

			Nga	
2006	1372 – 2,0	524	1885 – 18,0	954
2013	509 – 1,3	250	654 – 5,8	411
2017	402 – 1,1	164	539 – 4,8	219
2018	405 – 1,2	158	591 – 5,5	271
2019	412 – 1,3	142	629 (+5,6)	303
2020	376 – 1,3	151	513 – 5,3	220
2021	376 – 1,3	101	630 – 6,5	241

b) đồng thời về việc tăng cường hoạt động giám sát của Công tố viên để nâng cao chất lượng điều tra, đảm bảo giảm nhiều vụ án do Tòa án trả lại công tố viên theo quy định tại Điều 237 của Bộ luật tố tụng hình sự của Liên bang Nga:

Giai đoạn	Công tố viên trả hồ sơ vụ án hình sự để điều tra bổ sung				Các trường hợp đã được tòa án trả lại để điều tra thêm và tòa án cho công tố viên theo quy định của điều 237 Bộ luật tố tụng hình sự Liên bang Nga	
	Điều tra viên của Bộ Nội vụ - MVD	Tỷ lệ phần trăm (B %)	Điều tra viên của Văn phòng Công tố và Ủy ban Điều tra của Liên	Tỷ lệ phần trăm (B %)	Tất cả các cơ quan điều tra	Bao gồm chênh lệch / tỷ lệ phần trăm (tính bằng%)

			bang Nga			
1999	21249	2,7	1102	1,4	41340	34209 - 4,0%
2006	18373	3,3	1286	0,8	35930	–
2018	17791	5,6	3569	3,6	6468	4668 – 1,1%
2019	18543	6,3	3374	3,6	6466	4417 – 1,0%
2020	17663	6,3	1902	2,1	6021	4166 – 1,1 %
2021	17507	6,0	1847	2,1	6315	4518 – 1,2 %

- mặt khác, sự cần thiết phải loại trừ khỏi Bộ luật Tố tụng Hình sự của Liên bang Nga giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, sự hiện diện của điều này đã làm giảm hai lần (1,45 triệu) vụ án hình sự được khởi tố trong 15 năm qua và trong giai đoạn này đã tăng thêm 2,3 triệu (năm 2015) số lượng tài liệu bị "từ chối" với thực tế không thay đổi so với số lượng các báo cáo tội phạm đã đăng ký [3, trang 74-78].

	2006	2015	2017	2019	2020	2021
Всего зарегистрировано сообщений о преступлениях (млн.) Tổng số tin báo về tội phạm được đăng ký (triệu)	10,7	12,2	10,3	9,9	9,3	9,3
Số vụ án hình sự được khởi tố (triệu)	3,3	1,89	1,78	1,7	1,7	1,68
Tỷ lệ phần trăm về tin báo tội phạm (%)	30,8	15,5	16,8	17,1	18,4	18,1
số lượng tài liệu bị "từ chối" (triệu)	4,5	6,8	6,3	6,0	5,5	5,7

Loại trừ điều 146 và 148 của Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga cũng được điều kiện hóa bởi thực tiễn điều tra xét xử và khởi tố các vụ án hình sự, có tính



đến các quyết định của Tòa án Hiến pháp Liên bang Nga [14] và vị trí của Tòa án tối cao Liên bang Nga [7, tr. Không thay đổi trong hơn 60 năm, tiêu chuẩn khởi tố vụ án hình sự.

Về việc trả lại thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự cho công tố viên, tác giả cho rằng có thể thay đổi cách diễn đạt của điểm 4 khoản 1 điều 140 Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga, xác định rằng “Theo Quyết định của Công tố viên gửi tài liệu cho Cơ quan điều tra để giải quyết vấn đề khởi tố vụ án hình sự, Điều tra viên, Điều tra viên sơ bộ ngay lập tức (trong vòng 24 giờ) khởi tố vụ án hình sự, trừ trường hợp ngăn cản việc bắt đầu tố tụng. Những trường hợp như vậy được quy định trong khoản 1 điều 24 của Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga (điểm 3, 5, 6) và khoản 1 điều 27 của Bộ luật Tố tụng Hình sự Liên bang Nga (điểm 3–6).

Các đề xuất của tác giả về việc hoàn thiện thủ tục trước khi xét xử hiện nay được ủng hộ trong cộng đồng khoa học Nga và các luật sư thực tiễn. Nhiệm vụ ngày nay là phát triển một học thuyết về thủ tục trước khi xét xử thực tế sẽ phản ánh những thay đổi đã diễn ra trong đời sống chính trị xã hội, kinh tế và luật pháp của nhà nước Liên bang Nga, mà ngày nay phần lớn bị cản trở bởi khuôn mẫu về quyền bất khả xâm phạm của các thể chế tố tụng nêu trên đã được thiết lập trong tâm trí chúng tôi.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Александров А.С. О доктринальной модели уголовно-процессуального доказательственного права России // Вестник Нижегородской правовой академии. – 2015. № 5(5). – С. 7-10.
2. Божьев В.П., Гаврилов Б.Я. Концепция совершенствования досудебного производства в XXI веке: мнение науки и практика/ Б.Я. Гаврилов, В.П. Божьев // Вестник Нижегородской академии МВД России. – 2017. – № 2 (38). – С. 74-82.
3. Божьев В.П., Гаврилов Б.Я. Соответствует ли отказ в возбуждении уголовного дела идеологии современной уголовно-правовой политики России // Вестник Санкт-Петербургского университета МВД России. – 2018. – № 2 (78). – С. 74-78.

4. Гаврилов Б.Я. Доктрина досудебного производства: настоящее и будущее // Российская юстиция. №1. 2018. С. 37-41.

5. Гаврилов Б.Я. Отвечает ли современное досудебное производство реалиям борьбы с преступностью? // Академическая мысль. – 2019. – № 3 (8). – С. 98-102.

6. Гаврилов Б.Я. Современное досудебное производство: видение ученого и практика // Актуальные вопросы производства предварительного следствия: теория и практика: сборник научных трудов Всероссийской научно-практической конференции 11 апреля 2019 г. – М.: Московский университет МВД России имени В.Я. Кикотя, 2019. – С. 65-73.

7. Кожокар В.В. Возбуждение уголовного дела: правовая позиция Конституционного Суда и Верховного Суда РФ // Труды Академии управления МВД России. – 2015. – № 1. – С. 20-22.

8. О введении в действие Уголовно-процессуального кодекса Российской Федерации: Федеральный закон от 18.12.2001 г. № 177-ФЗ // Собрание законодательств Российской Федерации. 2001. № 52. Ч. 1. Ст. 4924.

9. О внесении изменений в статьи 62 и 303 Уголовного кодекса Российской Федерации и Уголовно-процессуальный кодекс Российской Федерации: Федеральный закон от 04.03.2013 №23-ФЗ // Собрание законодательств РФ. 2013. № 9. С. 875.

10. О внесении изменений в Уголовно-процессуальный кодекс Российской Федерации и Федеральный закон «О прокуратуре Российской Федерации»: Федеральный закон от 05.06.2007г. № 87 – ФЗ // Собрание законодательства РФ. № 24. Ст. 28-30.

11. О внесении изменений и дополнений в Уголовно-процессуальный кодекс Российской Федерации: Федеральный закон от 29.05.2002 г. № 58-ФЗ // Собрание законодательства РФ. 2002. № 22. Ст. 2027.

12. О внесении изменения в статью 97 Уголовно-процессуального кодекса РСФСР: Федеральный закон от 29.12.2001 г. № 183-ФЗ // Собрание законодательства РФ. 2001. № 53. Ст. 5019.

13. О компенсации за нарушение права на разумный срок судопроизводства или права на исполнение судебного акта в разумный срок»: Федеральный закон от 30.04.2010 г. № 69-ФЗ // Собрание законодательств РФ. 2010. № 18. Ст. 2145.

14. Об отказе в принятии к рассмотрению жалобы гражданина Лазарянца Андрея Эммануиловича на нарушение его конституционных прав статьями 241 и 242 Уголовного кодекса Российской Федерации, частью первой статьи 46, статьями 57, 80, частью первой статьи 108, статьями 171, 172 и 195 Уголовно-процессуального кодекса Российской Федерации: Определение Конституционного Суда РФ от 18.07.2006 г. № 343-О // [электронный ресурс]: <http://sudbiblioteka.ru/ks>.

15. Парламентские слушания по вопросам развития уголовного законодательства [электронный ресурс] // URL: [http://council.gov.ru/events/main\\_themes/79098/](http://council.gov.ru/events/main_themes/79098/).

16. Постановление Конституционного Суда Российской Федерации от 14.03.2002 № 6-П «По делу о проверке конституционности статей 90, 96, 122 и 216 Уголовно-процессуального кодекса РСФСР в связи с жалобами граждан С.С. Мартынова и С.В. Пустовалов».

17. Приговор Богородицкого районного суда Тульской области № 1-1/2016 1-124/2015 от 18 января 2016 г. по делу № 1-1/2016 [электронный ресурс] // режим доступа: URL: <https://sudact.ru/>.

18. Решение от 15.08.1982 по делу «Экле (Eckle) против Федеративной Республики Германии» (жалоба № 8130/78) // Европейский Суд по правам человека. Избранные решения: В 2 т. М.: Норма, - 2000.

19. Уголовное судопроизводство: революция продолжается / Томин В.Т. - Горький, 1989. - 112 с.

## **Tham luận 6:**

# **BÀN VỀ NHỮNG KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG BÀO CHỮA CỦA LUẬT SƯ TRONG CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ VỀ THAM NHỮNG TỪ THỰC TIỄN VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Nguyễn Thị Huyền Trang\***

**Tóm tắt.** Bài viết thảo luận về những khó khăn trong hoạt động bào chữa của luật sư trong các vụ án hình sự liên quan đến tham nhũng từ thực tiễn Việt Nam hiện nay, đồng thời tác giả cũng đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng bào chữa đối với các vụ án thuộc loại này trong tổ tụng hình sự nói chung ở Việt Nam.

**Từ khóa:** luật sư, hoạt động bào chữa, chứng cứ, chứng minh, vụ án hình sự, tham nhũng.

Đội ngũ luật sư Việt Nam từ khi ra đời và phát triển đến nay luôn gắn liền với sự phát triển của cách mạng Việt Nam, không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và tính chuyên nghiệp trong hành nghề luật sư. Nhiều luật sư bằng tài năng, trí tuệ và phẩm chất cá nhân của mình đã đóng góp xuất sắc vào việc xây dựng nền tư pháp công bằng, dân chủ và nhà nước pháp quyền như Luật sư Phan Anh, Trần Công Tường, Nguyễn Hữu Thọ và nhiều luật sư nổi tiếng khác. Nhiều luật sư hành nghề rất nhiệt tình, tận tâm và trung thực trong công việc. Có nhiều luật sư được nhân dân công nhận là “*Luật sư của nhân dân*” đã tình nguyện bào chữa mà không nhận thù lao, thậm chí sử dụng thu nhập cá nhân của mình để hỗ trợ việc đi lại của người dân nghèo. Những đóng góp đó đã từng bước tạo nên hình ảnh, truyền thống tốt đẹp cho tập thể luật sư Việt Nam hiện nay.

Theo quy định của luật pháp quốc tế và Hiến pháp (khoản 4, Điều 31) của Việt Nam năm 2013 quy định rằng “... người bị tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, có quyền tự bào chữa hoặc nhờ sự hỗ trợ của luật sư hoặc người khác để bào chữa” Theo quy định của pháp luật Việt Nam về luật sư, sự hỗ trợ đó được thực hiện bởi các luật sư bào chữa. Đặc biệt quan trọng là sự tham gia của luật sư vào tổ tụng hình sự.

---

\* Luật sư, Chủ tịch Công ty Luật Viên An; Email: tranglawyer72@gmail.com.

Trong điều kiện hiện nay, luật sư bào chữa là người tham gia chính và trên thực tế là người tham gia tố tụng hình sự duy nhất, người mà có thể thực hiện cả vai trò của người bào chữa, người có trách nhiệm đảm bảo cho bị can và bị cáo quyền được bảo vệ, và một phần của bên buộc tội - trong trường hợp đại diện cho quyền lợi của người bị hại, nguyên đơn dân sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Trong giai đoạn phát triển hiện nay của Việt Nam, nghề luật sư không mất đi tầm quan trọng và ý nghĩa của nó. Đồng thời, nghề luật sư còn có những phẩm chất và hình thức vận động mới.

Như đã biết, trợ giúp pháp lý là đặc biệt quan trọng đối với một người đang bị tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự. Đến khi xét xử, bị cáo đã nắm rõ các quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời cũng có một số kinh nghiệm trong việc sử dụng chúng ngay từ giai đoạn điều tra sơ bộ. Hơn nữa, từ thực tiễn hoạt động luật sư cho thấy, quyền của bị can (người bị buộc tội) thường bị xâm phạm ở giai đoạn điều tra, do đó, hỗ trợ pháp lý của luật sư ngay từ giai đoạn này là không thể thiếu.

Từ đầu Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và đến nay, gần 800 vụ án hình sự về tham nhũng với gần 2 nghìn bị cáo đã được Tòa án nhân dân các cấp xét xử sơ thẩm trên cả nước, với 1011 bị cáo về tội tham nhũng và chức vụ. Trong các vụ án thuộc diện kiểm tra, chỉ đạo của Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Trung ương, từ kỳ họp thứ 19 đến nay, đã khởi tố 10 vụ án hình sự với 40 bị can; kết thúc điều tra 15 vụ án hình sự với 150 bị can; 16 vụ án hình sự với 164 bị can bị khởi tố; Xét xử phúc thẩm 21 vụ án hình sự với 179 bị cáo, xét xử phúc thẩm 13 vụ với 74 bị cáo. Trong quý I năm 2022, đã khởi tố 125 vụ án hình sự đối với 259 bị can về tội tham nhũng, tăng gấp 2 lần so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu trong các lĩnh vực quản lý kinh tế, đất đai, tài sản nhà nước và v.v.

Tuy nhiên, năm 2021 vẫn còn nhiều vụ án chưa được điều tra, đang trong giai đoạn điều tra, truy tố so với quý I năm 2022. Tỷ lệ án trong nhiệm kỳ cho thấy tình hình tội phạm ngày càng phức tạp, giá trị thiệt hại về tài sản ngày càng lớn, uy tín của Đảng, của bộ máy nhà nước bị giảm sút nghiêm trọng. Đấu tranh và phòng chống loại tội phạm ngày càng khó khăn và phức tạp, chủ thể tội phạm thực hiện hành vi phạm tội không giới hạn, đặc biệt hiện nay theo quy định của BLHS 2015 sửa đổi 2017 thì hành

vi tham nhũng ở khu vực tư tại các Doanh nghiệp ngoài nhà nước có vốn tư nhân cũng được coi là tội phạm tham nhũng.

Có thể nói rằng, trong giai đoạn hiện nay đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là cuộc đấu tranh lâu dài, đầy cam go và phức tạp. Trong quá trình đổi mới, Đảng ta luôn quan tâm đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng và coi đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Thời gian qua, nhất là trong nhiệm kỳ Đại hội XII và XIII của Đảng, *“công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng đã được lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, bài bản, đi vào chiều sâu, có bước tiến mạnh, đạt nhiều kết quả cụ thể rất quan trọng, toàn diện, rõ rệt, để lại dấu ấn tốt, tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội”*. Đóng góp to lớn vào cuộc đấu tranh trên, không thể không đề cập đến vai trò của đội ngũ luật sư trong việc thực hiện hoạt động bào chữa cho các đối tượng trong các vụ án hình sự nói trên, góp phần vào việc bảo vệ sự nghiêm minh của pháp luật, cũng như bảo vệ các quyền hiến định của con người trong tố tụng hình sự cho dù đó là ai, đúng với tinh thần của cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay *“không làm oan sai, nhưng cũng không bỏ lọt tội phạm”*.

Hoạt động bào chữa của luật sư trong các vụ án hình sự nói trên cần phải đứng trên vai trò bảo vệ quyền lợi cho bị can, bị cáo nhưng vừa đóng vai trò trong việc bảo vệ công lý được thực thi. Cần nhấn mạnh rằng, hoạt động bào chữa của luật sư trong các vụ án hình sự về tham nhũng không phải là hoạt động chống lại cơ quan buộc tội như tư duy của một số cá nhân hoạt động trong các cơ quan tố tụng.

Vì vậy, việc nghiên cứu về các quan điểm, lý luận cũng như tìm hiểu thực trạng và khó khăn hiện nay trong hoạt động bào chữa của luật sư đối với các vụ án hình sự về tham nhũng để đưa đến một cách tiếp cận thống nhất về mục đích của hoạt động của luật sư trong tố tụng hình sự ở Việt Nam là rất cần thiết cả về lý luận và thực tiễn.

Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 quy định việc luật sư bào chữa tham gia các giai đoạn trong tố tụng hình sự thể hiện nguyên tắc: *“Bảo đảm quyền bào chữa cho bị can, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, người tham gia tố tụng khác”* (Điều 16). Hoạt động bào chữa trong lĩnh vực tư pháp hình sự ngày càng hướng tới sự phát triển của nhà nước pháp quyền. Đặc biệt, trong những năm gần đây, vai trò của luật sư từng bước được củng cố trong hoạt động bảo vệ quyền của bị cáo trước tòa.

Chính vì vậy, sự nỗ lực của người bào chữa đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, góp phần ban hành bản án của Tòa án là hợp pháp, khách quan, công minh. Tuy nhiên, hoạt động của luật sư trong tố tụng hình sự vẫn còn nhiều hạn chế (khó khăn), ở mức độ này hay mức độ khác đã làm giảm hiệu quả công việc và hoạt động của luật sư trong việc bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Những khó khăn này được biểu hiện cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, để làm rõ sự thật khách quan trong vụ án hình sự, bảo vệ tối đa lợi ích hợp pháp của thân chủ, thì luật sư không thể không gặp gỡ (tiếp xúc) với thân chủ. Tuy nhiên, việc gặp gỡ, làm việc với bị can, bị cáo trong trại tạm giam cũng gặp không ít trở ngại;

*Thứ hai*, việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thân chủ cho luật sư trong hầu hết các trường hợp đều không được cơ quan tố tụng giải quyết trong thời hạn quy định. Có trường hợp Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán viện lý do để bị can, bị cáo không mời luật sư bào chữa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia tố tụng;

*Thứ ba*, trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 hiện hành đã quy định luật sư bào chữa có quyền thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, nhưng cụ thể là quy phạm pháp luật nào lại không quy định nên trong nhiều trường hợp, tổ chức và cá nhân có quyền thu thập bằng chứng, nhưng việc cung cấp nó cho luật sư hay không đều phụ thuộc vào ý chí cá nhân (hoặc sự tự nguyện của họ khi làm việc với luật sư). Ngoài ra, thực tiễn hoạt động luật sư cho thấy, mặc dù có nhiều quyền hạn được pháp luật tố tụng hình sự quy định nhưng luật sư không thể thực hiện đầy đủ quyền thu thập chứng cứ trong tố tụng hình sự (Điều 73 Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam). Ví dụ, điều tra viên và tòa án từ chối đáp ứng yêu cầu của luật sư đối với việc lấy lời khai của nhân chứng mới, đối với việc tiến hành giám định lại, đối chất, nhận dạng và các hoạt động điều tra khác được quy định bởi Bộ luật Tố tụng Hình sự Việt Nam;

*Thứ tư*, trong giai đoạn điều tra, luật sư có quyền tham gia với Điều tra viên khi hỏi cung, có quyền hỏi bị can nhưng nội dung hỏi phải được điều tra viên đồng ý. Vì vậy, hầu hết các câu hỏi luật sư đưa ra đều bị điều tra viên bác bỏ. Đây là “kẽ hở” của luật, khi không nói rõ nội dung nào mà luật sư có thể hỏi hoặc bị cấm (ví dụ, mớm

cung, thông cung...). Việc luật sư tiếp cận tài liệu có trong vụ án cũng gặp không ít khó khăn. Nếu đây là quyền của luật sư, thì tất nhiên đây cũng sẽ là nghĩa vụ tương ứng của các cơ quan tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát). Tuy nhiên, cho đến nay ở nhiều nơi, trong nhiều vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên còn gây khó khăn cho luật sư khi thực hiện việc đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu vụ án;

*Thứ năm*, ở giai đoạn truy tố, xét xử tội phạm, luật sư có quyền gặp người bị buộc tội. Tuy nhiên, pháp luật về quản lý trại giam lại quy định Luật sư không được gặp bị cáo quá 01 giờ; thậm chí khi Luật sư làm việc với bị cáo lại bị bố trí cán bộ quản lý trại giam ngồi theo dõi tại bàn Luật sư làm việc với bị cáo. Đây là quy định bất hợp lý, gây khó khăn, trở ngại cho hoạt động hành nghề của Luật sư;

*Thứ sáu*, trong một số vụ án liên quan đến tham nhũng có dấu hiệu oan, sai thì trong quá trình xét xử hoặc trong quá trình điều tra, truy tố hình sự, lập luận của luật sư có căn cứ, chứng cứ hợp pháp nhưng hầu như không được các cơ quan tố tụng lưu tâm, trong khi pháp luật chưa quy định đầy đủ, rõ ràng các cơ quan tố tụng có nghĩa vụ tôn trọng ý kiến của luật sư để không gây oan, sai, bỏ lọt tội phạm;

*Thứ bảy*, quan điểm của một bộ phận công chúng đối với hoạt động của luật sư vẫn chưa khách quan và đầy đủ. Một số ý kiến cho rằng hoạt động của luật sư đôi khi mang tính chất đối kháng trong quan hệ với các cơ quan tố tụng, hoặc cho rằng việc bào chữa chỉ mang tính hình thức và không cần thiết, nhất là trong các vụ án hình sự liên quan đến tham nhũng.

Để nâng cao hơn nữa vai trò, hiệu quả hoạt động của luật sư trong việc thực hiện bào chữa trong tố tụng hình sự, bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của con người, công dân trong các vụ án hình sự về tham nhũng, chúng tôi cho rằng các biện pháp sau đây cần được thực hiện:

*Thứ nhất*, nhà nước nên ban hành một chính sách cụ thể và có nguyên tắc hơn để đảm bảo rằng luật sư có quyền tham gia bào chữa trong tố tụng hình sự bình đẳng với bên buộc tội (Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát), tránh hình thức và đi thẳng vào nội dung, ví dụ như, “*không gây khó khăn*” cho luật sư khi gặp bị can (bị cáo), xây dựng khung thời gian và thời hạn hợp lý để luật sư gặp gỡ người bị buộc tội, trong quá trình xét xử, thẩm phán “*không ngắt lời luật sư*”, và cũng đảm bảo rằng “*Kiểm sát viên tiến hành tranh tụng một cách dân chủ với luật sư bào chữa*” theo quy định tại



Nghị quyết số 08-NK / TW của Bộ Chính trị và Bộ luật Tố tụng Hình sự Việt Nam. Ngoài ra, cần xây dựng cơ chế khen thưởng luật sư có thành tích xuất sắc trong hoạt động pháp luật và hoạt động tố tụng. Tác giả đề xuất xây dựng các quy phạm pháp luật về việc phong tặng danh hiệu “*Luật sư xuất sắc*” hoặc “*Luật sư ưu tú*” cho các luật sư có thành tích đặc biệt xuất sắc trong việc bảo vệ pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của con người và công dân theo mô hình khen thưởng của Liên bang Nga;

*Thứ hai*, cần tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân để nâng cao nhận thức pháp luật của người dân, trong đó việc thực hiện quyền bào chữa (tự bào chữa) hoặc nhờ sự trợ giúp của luật sư là một thiết chế pháp lý cần thiết và hiệu quả trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, để mọi người hiểu rõ, đúng đắn về hoạt động của đội ngũ luật sư Việt Nam hiện nay cũng như vai trò, vị trí của luật sư trong việc bảo vệ nhà nước pháp quyền, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và công dân trong mọi điều kiện và hoàn cảnh;

*Thứ ba*, đội ngũ luật sư cần nâng cao năng lực chuyên môn, có kỹ năng hành nghề, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp đối với việc thực hiện quyền bào chữa trong tố tụng hình sự theo như tinh thần: “*Thượng tôn pháp luật góp phần xây dựng nhà nước liêm chính, hành động, kỷ luật, sáng tạo và hiệu quả*”.

*Thứ tư*, cần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng luật sư hiện nay theo hướng phát triển tính chuyên nghiệp, củng cố kỹ năng tranh tụng và đạo đức hành nghề.

Chúng tôi cho rằng việc vi phạm quyền tố tụng của luật sư bào chữa đồng thời kéo theo việc vi phạm quyền bào chữa của bị can, bị cáo. Do đó, quyền và nghĩa vụ của người bào chữa cũng như quyền của những người tham gia tố tụng khác chính là đối tượng chính trong việc bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự.

Vì vậy, để nâng cao hơn nữa vai trò của luật sư và khắc phục khó khăn trong hoạt động bào chữa của luật sư đối với các vụ án hình sự liên quan đến tham nhũng, cần thực hiện các biện pháp mang tính xây dựng, kiến tạo, tuân thủ pháp luật và cũng mang tính nhân văn sâu sắc đáp ứng được yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, ban hành ngày 02/01/2002, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, ban hành ngày 24/5/2005, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, ban hành ngày 02/6/2005, Hà Nội.
4. Hội luật sư ở Liên bang Nga (2005) “Bình luận khoa học về Luật Liên bang Nga số 63-FZ ngày 31/5/2002 về hoạt động Luật sư và Hội luật sư ở Liên bang Nga”, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Quốc hội (2013), Hiến pháp năm 2013, Hà Nội.
6. Quốc hội (2015), Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Hà Nội.

**THỨ SÁU**  
**NGÀY 10/06/2022**

## **Tham luận 1:**

# **TÌNH HÌNH HIỆN NAY VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG PHÁI KHOA HỌC CỦA TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP LIÊN BANG NGA THUỘC BỘ TƯ PHÁP NGÀ**

**Smirnova Svetlana Arkadievna \***

*Bản dịch của TS. Chu Văn Hùng*

**Tóm tắt:** Mục đích của bài viết là làm nổi bật các vấn đề liên quan đến sự hình thành và phát triển của trường phái khoa học của Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga là một trong những thành tựu đáng kể của nó. Hiện được công nhận trong giới khoa học và giáo dục, dựa trên nhiều năm hoạt động thực tiễn giám định và hoạt động nghiên cứu của cán bộ thuộc Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga. Hiện tại, trường phái khoa học của thuộc Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga là sự kết hợp của hỗ trợ khoa học và phương pháp luận và các thành tựu thực tiễn quy mô lớn, dựa trên nguyên tắc liên tục và một khái niệm duy nhất, được sở hữu bởi một số nhà khoa học và nhà thực tiễn của Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga. Sở hữu tiềm năng khoa học, thực tiễn, giáo dục và con người như vậy tạo ra cơ hội thực sự để phát triển và hoàn thiện hơn nữa trong lĩnh vực hoạt động giám định tư pháp.

**Từ khóa:** trường phái khoa học của Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga, công việc nghiên cứu, cung cấp hỗ trợ khoa học và phương pháp, điều phối công việc nghiên cứu, giám định tư pháp, hoạt động xuất bản trong lĩnh vực giám định tư pháp, đào tạo nâng cao giám định viên tư pháp.

Trường phái khoa học của Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga được hình thành trên cơ sở kế thừa nhiều thế hệ các nhà khoa học và các nhà thực tiễn trong lĩnh vực khoa học điều tra hình sự và giám định tư pháp [1]. Các nhiệm vụ chính của trường phái khoa học của Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga bao gồm: thực hiện công việc nghiên cứu trong lĩnh vực giám định tư pháp y, cung cấp hỗ trợ về phương pháp và khoa học cho các cơ sở

---

\* GS.TS., Trưởng Bộ môn Giám định Tư pháp của Trường Đại học Hữu nghị các dân tộc Liên Bang Nga; Email: s.a.smirnova@yandex.ru.

giám định tư pháp và điều phối công việc nghiên cứu của họ, hỗ trợ thực hiện các giám định tư pháp phức tạp và tốn thời gian nhất, cũng như chuẩn bị và xuất bản các công trình về lý luận và thực tiễn giám định tư pháp, đào tạo cán bộ nghiên cứu trong lĩnh vực giám định tư pháp, đào tạo nâng cao giám định viên tư pháp, liên lạc với các viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm và các cơ sở giáo dục của các bộ phận khác để phối hợp hoạt động khoa học và trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực giám định tư pháp. Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga trên cơ sở thường xuyên thực hiện tương tác hiệu quả với các tổ chức giám định tư pháp hàng đầu của Liên bang Nga và nước ngoài.

Kết quả phân tích các hoạt động của trường phái khoa học của Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga cho thấy tính liên tục của các cách tiếp cận lý luận và phương pháp luận khoa học khái niệm trong việc thực hiện nghiên cứu khoa học. Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga có một chương trình khoa học và phương pháp để phát triển lý luận về giám định tư pháp. Chất lượng nghiên cứu khoa học cao của đội ngũ sáng tạo được khẳng định qua một số ấn phẩm đáng kể trên các tạp chí khoa học hàng đầu, sách chuyên khảo khoa học, sách giáo khoa, các bài báo trên tạp chí định kỳ do Ủy ban Chứng nhận cấp cao thuộc Bộ Giáo dục và Khoa học Nga khuyến nghị, các bài phát biểu tại diễn đàn khoa học, hội nghị, hội thảo. Việc đào tạo cán bộ khoa học được thực hiện trong quá trình giáo dục chuyên môn bổ sung, trong các đào tạo thạc sĩ, nghiên cứu sinh và sau tiến sĩ trên cơ sở của Đại học hữu nghị các dân tộc.

Ngoài ra, trường phái khoa học của Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga cho phép đảm bảo tính liên tục giữa phương pháp giám định tư pháp mới và cũ, đồng thời duy trì các cấu trúc lý luận chung không phụ thuộc vào các đối tượng và phương pháp nghiên cứu ứng dụng và tạo nền tảng đáng tin cậy cho lý luận chung về giám định tư pháp.

Lần đầu tiên trong khoa học giám định tư pháp của Nga, trường phái khoa học của Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga đã phát triển một mô hình sáng tạo để tăng hiệu quả sử dụng kiến thức chuyên môn trong tố tụng tư pháp. Việc chứng minh và đưa vào thực tiễn hoạt động khoa học giám định tư pháp trong nước về mặt lý luận là một giải pháp toàn diện để đảm bảo an ninh giám định tư

pháp và chống khủng bố thông qua việc tiến hành giám định tư pháp một cách khách quan và dựa trên cơ sở khoa học, đặc biệt là phương pháp giám định tư pháp tâm lý và ngôn ngữ đối với tài liệu trong các trường hợp liên quan đến chống chủ nghĩa cực đoan và khủng bố.

Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga từ năm 2005 đã xuất bản tạp chí khoa học và thực tiễn "Lý luận và Thực tiễn giám định tư pháp". Do tính liên quan và mức độ khoa học cao của các bài báo đã xuất bản, ấn phẩm đã được phổ biến rộng rãi và được đưa vào danh sách các ấn phẩm được khuyến nghị bởi Ủy ban Chứng nhận Cấp cao thuộc Bộ Giáo dục và Khoa học Liên bang Nga [2].

Trong những năm gần đây, hoạt động xuất bản tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng. Năm 2012, nhân dịp kỷ niệm 100 năm thành lập tổ chức giám định tư pháp của Bộ Tư pháp Nga, ấn phẩm đa phương thức gồm ba tuyển tập cơ bản "*Giám định tư pháp: khởi động lại*" đã được xuất bản, trở thành hướng dẫn khoa học cho các nhà khoa học và thực tiễn của Liên bang Nga và nước ngoài, giải quyết các vấn đề của khoa học giám định tư pháp ở một giai đoạn phát triển mới. Công trình tiếp tục cung cấp miễn phí tài liệu khoa học và phương pháp luận cho cơ quan giám định tư pháp của Bộ Tư pháp Nga. Trong vài năm qua, hơn 2.000 bản sao của các ấn phẩm về phương pháp của Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga đã được gửi đi.

Kể từ tháng 9 năm 2015, một dự án chung duy nhất của Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga thuộc Bộ Tư pháp Nga và Đại học hữu nghị các dân tộc đã được thực hiện, nhằm đào tạo hệ thạc sĩ theo chương trình "*Hoạt động giám định tư pháp trong thực thi pháp luật*". Việc đào tạo chính được thực hiện bởi Bộ môn hoạt động giám định tư pháp. Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ, sinh viên tốt nghiệp của bộ môn bảo vệ luận án thạc sĩ bằng tiếng Anh theo hướng đã chọn của chương trình tương ứng với một chuyên ngành cụ thể. Chương trình đào tạo bao gồm các chuyên ngành về các vấn đề cấp thiết của luật hình thức và nội dung, khoa học điều tra hình sự, hoạt động giám định tư pháp. Sự kết hợp tối ưu của các môn học cơ bản chuyên ngành luật và hoạt động giám định tư pháp, cũng như một loạt các ngành

tự chọn, giúp giải quyết tốt nhất vấn đề đào tạo có hệ thống các giám định viên tư pháp.

Ưu điểm của dự án giáo dục của Đại học hữu nghị các dân tộc - Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga là các nhà khoa học hàng đầu làm việc trong Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga mà không bị gián đoạn các hoạt động giám định thực tế đóng vai trò là giảng viên trong đó. Họ là cán bộ giảng dạy của bộ môn các hoạt động giám định tư pháp của Viện Luật của Đại học Hữu nghị các dân tộc. Chương trình này, không hề phóng đại, đã khơi dậy sự quan tâm ở cả Liên bang Nga và nước ngoài.

Thực tiễn cho thấy sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ, sinh viên tốt nghiệp Bộ môn hoạt động giám định tư pháp Trường Đại học Hữu nghị các dân tộc tiếp tục học nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Hữu nghị các dân tộc. Sau đó, sau khi hoàn thành xuất sắc khóa học nghiên cứu sinh thì bảo vệ luận án Tiến sĩ ở Hội đồng chấm luận án do tôi đứng đầu là mắt xích cuối cùng trong hệ thống đào tạo nhân lực giáo dục đại học ngành giám định tư pháp. Đã bảo vệ thành công 19 luận án tiến sĩ và 7 luận án tiến sĩ khoa học [3].

Các hoạt động quốc tế của Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga bao gồm nghiên cứu kinh nghiệm và thực tiễn giám định tư pháp của nước ngoài, tương tác với các tổ chức giám định của nước ngoài, hài hòa phương pháp giám định tư pháp của Liên bang Nga với hệ thống pháp luật nước ngoài [4]. Nó bao gồm: hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa các hoạt động giám định tư pháp, công nhận quốc tế các phòng thí nghiệm giám định tư pháp (Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga được công nhận đầu tiên ở Nga, tổ chức giám định tư pháp), kết quả của việc tổ chức và tiến hành các hội nghị khoa học và thực tiễn, cũng như hoạt động biên tập và xuất bản của Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga.

Có tính đến vị trí địa chính trị của Liên bang Nga và nhu cầu thực tiễn của nền tư pháp, ưu tiên của Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga là phát triển hợp tác quốc tế trong khuôn khổ các quốc gia thành viên SNG, Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU), Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO).

Trong điều kiện hiện đại, cần giải quyết hài hòa các quan hệ pháp luật phát sinh từ việc sử dụng kiến thức chuyên môn trong hoạt động tổ tụng ở các quốc gia thành

viên SNG, EAEU, SCO [5]; nâng cao năng lực hành nghề của giám định viên trong việc áp dụng kiến thức chuyên môn trong hoạt động điều tra và tư pháp, với sự tham gia của giám định viên hoặc chuyên gia tại các quốc gia thành viên của các hiệp hội quốc tế nói trên.

Điều này được tạo điều kiện thuận lợi bởi các hoạt động của Ủy ban Kỹ thuật Liên bang về Tiêu chuẩn hóa MTK 545 "Giám định tư pháp" (sau đây gọi là - MTK 545), được thành lập vào năm 2016.

Các thành viên đầy đủ của MTK 545 là Cộng hòa Armenia, Cộng hòa Belarus, Cộng hòa Kazakhstan, Cộng hòa Kyrgyzstan, Liên bang Nga, Cộng hòa Uzbekistan. Quan sát viên là Cộng hòa Tajikistan. Ban thư ký của MTK do Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga duy trì. Tôi rất vui mừng khi hội nghị hôm nay có sự tham gia của các nhà lãnh đạo và các giám định viên đầu ngành đến từ hầu hết các quốc gia tham gia hoạt động của MTK 545 [6].

Nền tảng truyền thống để truyền thông quốc tế rộng rãi về các vấn đề thời sự của lý luận và thực tiễn hoạt động giám định tư pháp là Diễn đàn Pháp lý Quốc tế St.Petersburg, hội nghị và bàn tròn do đại diện của Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga dẫn đầu.

Là những lĩnh vực đầy hứa hẹn cho sự phát triển của trường phái khoa học Trung tâm giám định tư pháp Liên bang Nga, những điều sau đây nên được chọn ra:

1. hình thành và phát triển các lĩnh vực mới của hoạt động khoa học giám định tư pháp, bao gồm giám định tư pháp đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ, giám định tư pháp phân tử di truyền đối với các đối tượng có nguồn gốc sinh học, giám định tư pháp giá trị;

2. tiếp tục công việc tiêu chuẩn hóa các hoạt động giám định tư pháp, bao gồm cả việc phát triển các tiêu chuẩn quốc gia cho các phương pháp giám định tư pháp phổ biến nhất;

3. phát triển các đổi mới trong hoạt động giám định tư pháp cụ thể là cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, mở rộng phạm vi công nhận, tích cực giới thiệu việc xác nhận và xác minh các tài liệu phương pháp để thực hiện giám định trong các hoạt động thực tiễn của các tổ chức giám định tư pháp của Bộ Tư pháp Nga;



4. phát triển toàn diện một hệ thống tự nguyện chứng nhận năng lực của các giám định viên tư nhân và chứng nhận hỗ trợ hệ phương pháp cho các hoạt động giám định tư pháp.

Việc thực hiện các đề xuất này sẽ tăng hiệu quả bảo đảm quyền và tự do của công dân thông qua việc tiến hành giám định tư pháp khách quan, khoa học, giảm thời gian thực hiện giám định và mở rộng phạm vi nhiệm vụ phải giải quyết.

### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Российский федеральный центр судебной экспертизы при Министерстве юстиции Российской Федерации. Из века в век: 1962-2012. М.: ФБУ РФЦСЭ при Минюсте России, - 256 с.

2. Теория и практика судебной экспертизы. Электронный ресурс: URL: <https://www.tipse.ru/jour/about> (дата обращения: 17.05.2022).

3. Официальный сайт Российский федеральный центр судебной экспертизы при Министерстве юстиции Российской Федерации. Диссертационный совет. Электронный ресурс: URL: <http://www.sudexpert.ru/diss/> (дата обращения: 17.05.2022).

4. Смирнова С.А., Усов А.И. Повышение научной обоснованности методического обеспечения судебной экспертизы – один из важных международных трендов. Теория и практика судебной экспертизы. 2017;12(2):11-17. <https://doi.org/10.30764/1819-2785-2017-12-2-11-17>

5. Смирнова С.А., Усов А.И. Судебная экспертиза как базовый механизм реализации принципа верховенства права в государствах – членах ШОС. Теория и практика судебной экспертизы. 2018;13(2):6-15. <https://doi.org/10.30764/1819-2785-2018-13-2-6-15>

6. Официальный сайт Российский федеральный центр судебной экспертизы при Министерстве юстиции Российской Федерации. Стандартизация. Электронный ресурс: URL: <http://www.sudexpert.ru/standards/> (дата обращения: 17.05.2022).

## **Tham luận 2:**

# **HỢP TÁC QUỐC TẾ LÀ NHÂN TỐ CỦA SỰ PHÁT TRIỂN HIỆN NAY CỦA KHOA HỌC ĐIỀU TRA HÌNH SỰ**

**Volchetskaya Tatyana Stanislavovna\***

*Bản dịch của TS. Chu Văn Hùng*

**Tóm tắt.** Bài viết xem xét các hướng phát triển chính của khoa học điều tra hình sự hiện đại, có tính đến các sự kiện gần đây trên thế giới. Các xu hướng mới trong sự phát triển của khoa học điều tra hình sự, cũng như các hướng chính của nghiên cứu khoa học quốc tế hiện nay, được nêu bật. Vai trò của hợp tác quốc tế trong lý luận và thực tiễn của khoa học điều tra tội phạm được thể hiện.

**Từ khóa:** khoa học điều tra tội phạm quốc tế; khoa học điều tra hình sự, cách tiếp cận tình huống; số hóa điều tra hình sự; tư duy điều tra hình sự.

Trong số tất cả các ngành khoa học pháp lý, khoa học điều tra hình sự có một vị trí đặc biệt, đó là do một số yếu tố.

*Thứ nhất*, khoa học điều tra hình sự hiện đại dựa trên nền tảng chặt chẽ của khoa học xã hội và nhân văn, chẳng hạn như đạo đức học, triết học, logic học, xã hội học và tâm lý học.

*Thứ hai*, khoa học điều tra hình sự có tính chất tổng hợp, ngoài khoa học pháp lý còn liên quan mật thiết với nhiều ngành khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và các ngành khoa học khác.

*Thứ ba*, điều tra hình sự không phải là một ngành luật, mà là một khoa học pháp lý ứng dụng phổ quát, do đó nó không chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ bất kỳ hệ thống pháp luật nào khác. Tất cả các quy định khoa học điều tra hình sự liên quan đến việc xác định và nghiên cứu dấu vết, xây dựng giả thuyết, chiến thuật và hệ phương pháp điều tra một số loại tội phạm được sử dụng tích cực để phòng, chống tội phạm ở các quốc gia khác nhau. Như vậy, có thể kết luận rằng khoa học điều tra tội phạm không có ranh giới quốc gia.

---

\* GS.TS., Đại học Liên bang Baltic mang tên I. Kant(Kaliningrad, Nga); Email: TVolchetskaya@kantiana.ru

Đồng thời, trong một thời gian dài ở Liên bang Nga, nội dung của khoa học điều tra hình sự nước ngoài thực tế không được nghiên cứu. Mặc dù trong lịch sử đất nước đã có những điển hình tích cực về hợp tác khoa học quốc tế của các nhà khoa học điều tra hình sự - đây là chuyên khảo chung của các nhà khoa học các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu [1].

Từ cuối thế kỷ trước, các nhà khoa học Liên bang Nga bắt đầu thể hiện sự quan tâm khoa học đến nghiên cứu của các đồng nghiệp nước ngoài [2; 3; 4]. Đồng thời, ngày nay, trong đại đa số các trường hợp, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học điều tra hình sự ở các quốc gia khác nhau được thực hiện riêng biệt, và sự tương tác khoa học chặt chẽ giữa các nhà khoa học điều tra hình sự mới bắt đầu được cải thiện.

Chúng tôi tin rằng sự phát triển của hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học điều tra hình sự đang phát triển theo các giai đoạn mà chúng tôi đã xác định.

*Ở giai đoạn đầu*, khi quyết định tiến hành nghiên cứu khoa học chung trong lĩnh vực khoa học điều tra hình sự của hai hay nhiều quốc gia, vấn đề xây dựng và thống nhất các thuật ngữ chung chính và định nghĩa của chúng có tầm quan trọng đặc biệt. Về vấn đề này, việc xuất bản các từ điển quốc tế về các thuật ngữ, khái niệm và danh mục điều tra hình sự, nhiều loại từ điển đồng nghĩa khác nhau có tầm quan trọng rất lớn. Và những tiền lệ như vậy đã có, ví dụ: Từ điển thuật ngữ pháp lý Nga-Việt, được xuất bản năm 2021. [5]

*Ở giai đoạn thứ hai*, xét đến thực tế là mỗi quốc gia có thành tựu riêng về khoa học điều tra hình sự, cần phải làm quen với chúng và cùng làm phong phú thêm các công trình khoa học của các quốc gia khác. Để làm được điều này, di sản khoa học quốc gia cần được dịch rộng rãi hơn sang tiếng nước ngoài của các nước khác, hoặc sử dụng các ngôn ngữ thông dụng nhất trên thế giới (tiếng Anh, tiếng Trung, v.v.). Tài liệu như vậy thỉnh thoảng xuất hiện ở Nga, mặc dù khá hiếm, nhưng hầu như luôn luôn được đánh giá cao và được giới khoa học quan tâm. [6; 7].

*Ở giai đoạn thứ ba*, sẽ rất hữu ích khi tổ chức các hội nghị khoa học và thực tiễn quốc tế chung để xem xét các vấn đề quan trọng mang tính thời sự nhằm xác định cách giải quyết chúng cùng nhau.

Và cuối cùng, *giai đoạn thứ tư* sẽ mở ra triển vọng rộng rãi để tiến hành nghiên cứu khoa học điều tra hình sự quốc tế chung liên quan đến các quốc gia khác nhau. Về vấn đề này, chúng tôi tin rằng, các trường đào tạo khoa học điều tra hình sự của Nga sẽ đóng một vai trò lớn. Trong điều kiện bùng nổ khoa học, sự phân hóa và tích hợp của tri thức khoa học, trong quá trình phát triển vấn đề, hầu như bất kỳ nhà khoa học nào cũng phải đối mặt với một lượng thông tin khổng lồ, việc nghiên cứu đòi hỏi nguồn lực tiềm năng to lớn. Đó là lý do tại sao ở giai đoạn phát triển của tri thức khoa học hiện nay, các nhóm sáng tạo đóng vai trò là chủ thể của hoạt động nhận thức - các trường phái khoa học theo hướng này hay hướng khác của khoa học, điều này có thể kết hợp các kết quả công việc của họ thành một quy mô lớn. Có vẻ như các trường phái khoa học hiện nay được thiết kế để bảo tồn tiềm năng khoa học hiện có và thu hút những người trẻ tuổi nghiên cứu thêm.

Vai trò chính để hình thành một trường phái khoa học được thực hiện bởi ý tưởng khoa học do người lãnh đạo trường phái đưa ra và được phát triển trong việc thực hiện chương trình nghiên cứu của tất cả các thành viên.

Hãy để chúng tôi phân tích các xu hướng chính trong sự phát triển của kiến thức điều tra hình sự, cũng như các vấn đề, mối quan tâm đến nghiên cứu thực sự to lớn ngày nay.

Trong số các lý thuyết, nền tảng của khoa học điều tra hình sự, cần đề cập đến các vấn đề như, ví dụ, nghiên cứu về hiện tượng tư duy điều tra hình sự. Công việc bắt đầu xuất hiện trên sự hiểu biết về khái niệm, cấu trúc, nội dung và các khía cạnh ứng dụng của nó. Việc phát triển các vấn đề của tư duy nghề nghiệp là khá quan trọng trong thực tế khi xây dựng các đầu mối điều tra, phát triển các chiến lược và chiến thuật để điều tra một loại tội phạm cụ thể, và trong quá trình đào tạo các luật sư tương lai.

Ngoài ra, các khuyến nghị điều tra hình sự được sử dụng tích cực trong thực tiễn tố tụng dân sự và trọng tài, cũng như trong tố tụng hành chính, làm tăng đáng kể hiệu quả của hoạt động này, vốn cũng không được các nhà khoa học điều tra hình sự chú ý. Đó là lý do tại sao đã có một số nghiên cứu khoa học, bao gồm cả các luận án, dành cho các vấn đề sử dụng các quy định của khoa học pháp y trong các vụ án hành chính, trọng tài và dân sự.

Chúng tôi cho rằng theo hướng phát triển này, nên xây dựng các hệ phương pháp nghiên cứu chứng cứ trong tố tụng dân sự thuộc nhiều hạng mục khác nhau, ví dụ: thừa kế, lao động, gia đình... Ngoài ra, trong một số tình huống phát sinh tố tụng dân sự và trọng tài, cần phải xem xét chứng cứ để xác định các dấu hiệu tội phạm ảnh hưởng đến chúng. Điều này có thể phát sinh, ví dụ, để phát hiện các dấu hiệu gian lận và vi phạm tín nhiệm trong quá trình mua lại quyền sở hữu; để xác định dấu hiệu giả mạo tài liệu trong một số vụ án dân sự. Trong những tình huống xét xử như vậy, các kỹ thuật và phương pháp điều tra hình sự sẽ trở nên hiện thực và hiệu quả nhất.

Một vấn đề thời sự khác là mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, hiệu quả của việc thực hiện các khuyến nghị khoa học điều tra hình sự trong thực tiễn điều tra. Và cách tiếp cận tình huống đóng một vai trò lớn trong việc này. Lý luận về khoa học tình huống điều tra hình sự tiếp tục phát triển tích cực cho đến ngày nay [8, tr. 59-64], các quy định riêng lẻ của nó được hầu hết các nhà nghiên cứu sử dụng khá rộng rãi trong việc phát triển các vấn đề nhất định của kỹ thuật, chiến thuật và phương pháp điều tra hình sự. Toàn bộ lớp nghiên cứu theo hướng này được thực hiện bởi các nhà khoa học từ trường phái khoa học tình huống điều tra hình sự của Đại học Baltic mang tên I. Kant [9, tr.24-30].

Nếu chúng ta nói về nghiên cứu quốc tế chung, thì những phát triển khoa học quốc tế chung để phòng, chống tội phạm có tổ chức sẽ rất hiệu quả. Và cơ sở cho những nghiên cứu như vậy đã có, chẳng hạn như nhà khoa học trẻ Chu Văn Hùng đã chuẩn bị và bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ tại Liên bang Nga về vấn đề điều tra tội phạm lưu thông trái phép ma túy ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam [10].

Tính phổ quát của khoa học điều tra hình sự sẽ cho phép chúng ta nói về tiềm năng và triển vọng to lớn của nghiên cứu khoa học quốc tế không chỉ trong lĩnh vực tội phạm xuyên quốc gia, mà còn trong sự phát triển của các vấn đề điều tra hình sự cụ thể. Ví dụ, trong số các vấn đề thu hút sự quan tâm của cộng đồng, người ta có thể kể tên một nghiên cứu khoa học điều tra hình sự về tội phạm mới và theo đó, các công nghệ điều tra hình sự, các tính năng điều tra tội phạm trong không gian ảo. Liên quan đến những hạn chế bắt buộc liên quan đến đại dịch Covid-19, sự ra đời của cách ly (phong tỏa y tế), làm việc từ xa và giáo dục, công nghệ kỹ thuật số bắt đầu phát triển nhanh chóng trong hầu hết các lĩnh vực hoạt động của con người. Những công nghệ

như vậy ngay lập tức bắt đầu được tội phạm sử dụng tích cực, phát triển các cách thức phạm tội mới trong không gian ảo, điều này đóng vai trò là động lực thúc đẩy sự phát triển của một chuyên ngành khoa học điều tra hình sự như kỹ thuật hình sự. Ngành "điều tra hình sự" của khoa học điều tra hình sự được bổ sung với các nghiên cứu khoa học liên quan đến nghiên cứu về bản chất, loại, sự hình thành, xác định và hợp nhất các dấu vết ảo và kỹ thuật số trong các hành động điều tra cụ thể.

Trên thực tế, nhu cầu lớn cũng là việc xác định các loại giả mạo chứng cứ trong tố tụng hình sự, chẳng hạn như các bản ghi âm và ghi hình do tội phạm thực hiện bằng công nghệ kỹ thuật số hiện đại. Nghiên cứu khoa học một cách thú vị đã được thực hiện trong lĩnh vực làm tăng giá trị chứng cứ của kết quả theo dõi đa dạng của con người: các phương pháp mới dựa trên khoa học để tiến hành nghiên cứu tâm sinh lý toàn diện về một người đang được tạo ra.

Ngoài ra, ngày nay có nhu cầu nghiên cứu khoa học quốc tế về cái gọi là "*khoa học điều tra hình sự dã chiến hay trong lĩnh vực quân sự*", phát triển các vấn đề điều tra tội phạm trong các tình huống khẩn cấp, ví dụ như trong điều kiện dịch bệnh, trong điều kiện thời chiến.

Trong điều kiện hiện nay, vấn đề bảo mật thông tin điều tra hình sự, vấn đề khắc phục ảnh hưởng của thông tin đối với người tham gia tố tụng hình sự, vấn đề phòng ngừa điều tra hình sự được đặt lên hàng đầu. Có một đề xuất khá thú vị là chỉ ra một hướng đặc biệt - giáo dục điều tra hình sự cho dân cư, tuy nhiên, nó vẫn đòi hỏi sự nghiên cứu và hiểu biết khoa học một cách thực tế hơn.

Một hướng mới khác là nghiên cứu tạo ra cái gọi là lĩnh vực điều tra hình sự của người phạm tội: chân dung khái quát trong điều tra hình sự về những người phạm các loại tội phạm cụ thể. Ý nghĩa thực tiễn của chúng nằm ở chỗ, việc lập hồ sơ giúp mô hình hóa hành vi của tội phạm trong các tình huống trước điều tra hình sự, trong và sau điều tra hình sự có xác suất cao [11; trang 5].

Do đó, sự phát triển của lĩnh vực này và nhiều lĩnh vực khác có thể đóng góp vào sự phát triển hơn nữa, cũng như hội nhập quốc tế của tri thức khoa học.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Криминалистика социалистических стран/Под ред. проф. В.Я. Колдина М, 1986
2. Гусаков А.Н Криминалистика США: теория и практика ее применения. Монография. – Екатеринбург,1993.
3. Сокол В.Ю. Криминалистика в Германии: понятие, система, перспективы: монография. Краснодар, 2010Белкин Р.С. Курс криминалистики. - 3-е издание, дополненное. - М.: ЮНИТИ-ДАНА, Закон и право, 2001. - 837 с.
4. Волчецкая Т.С. Развитие криминалистической теории в России и Соединенных Штатах Америки: сравнительный анализ // Вестник Балтийского федерального университета им. И. Канта. Серия: Гуманитарные и общественные науки. 2018. № 3. С. 5-12.
5. Динь В.Л., Динь Н.Т., Као Т.О., Куликов А.В., Лыу Х.Б., Нгуен В.Д., Нгуен Х.Ч., Панарина Д.В., Светличный А.А., Толстухина Т.В., Тью В.Х. Русско-вьетнамский словарь юридических терминов. Тула, 2021.
6. Клаус, Дитер Поль Естественно-научная криминалистика/Клаус Дитер Поль. – Москва: Гостехиздат, 1985.
7. Ю.Торвальд. Криминалистика сегодня. М., 1996
8. Волчецкая Т.С. Учение о криминалистических ситуациях: генезис, современное состояние и перспективы развития || Союз криминалистов и криминологов. 2019. № 2. С. 59-64.
9. Куркова Н.А. Научная школа криминалистической ситуалогии Балтийского федерального университета им. И. Канта: некоторые итоги // Союз криминалистов и криминологов. 2019. № 2. С. 24-30.
10. Тью Ван Хунг. Расследование преступлений, связанных с незаконным оборотом наркотиков в социалистической Республике Вьетнам (СРВ) Автореферат диссертации канд.юрид наук. Калининград, 2020.
11. Волчецкая Т.С. Абрамовский А.А. Криминалистический профайлинг в России и за рубежом // Известия Тульского государственного университета. Экономические и юридические науки.2018. № 4-2. С.3-9.

### **Tham luận 3:**

## **BẢO VỆ THÔNG TIN CÁ NHÂN TRONG CÁC GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ BẰNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ - KINH NGHIỆM CỦA CÁC NƯỚC VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM**

**Nguyễn Thị Bình\***

**Tóm tắt:** Việc thực hiện các giao dịch điện tử đang trở thành xu hướng trong các hoạt động trong những năm gần đây, nhất là trong thời gian dịch bệnh COVID-19 đang hoành hành. Mặc dù lợi phương thức giao dịch hoặc kinh doanh thương mại này nhanh chóng, thuận tiện và tiết kiệm chi phí, giúp cho việc kết nối giữa các nhà sản xuất, phân phối và khách hàng nhưng có nhiều người cũng tỏ ra băn khoăn và lo ngại về những rủi ro khi tham gia các giao dịch trực tuyến. Bởi vì, nhiều vụ lộ, lọt, đánh cắp thông tin cá nhân do các chủ thể nắm giữ và tình trạng mua bán, chuyển nhượng trái phép thông tin cá nhân đã được đề cập trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trong khi đó cơ chế điều chỉnh pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân ở nước ta hiện nay còn nhiều bất cập. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích những thực trạng về tình hình xâm phạm thông tin cá nhân và hạn chế cơ bản của pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời bài viết nêu ra những kinh nghiệm của một số quốc gia trong việc phòng ngừa và ngăn chặn việc xâm phạm thông tin cá nhân bằng pháp luật hình sự, trên cơ sở đó đề xuất phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam.

**Từ khóa:** Thông tin cá nhân; bảo vệ thông tin cá nhân; giao dịch điện tử, pháp luật hình sự

### **1. Thực trạng xâm phạm thông tin cá nhân thông qua các giao dịch điện tử**

Thông tin cá nhân ( TTCN) là “các thông tin góp phần định danh một cá nhân cụ thể, bao gồm tên, tuổi, địa chỉ nhà riêng, số điện thoại, thông tin y tế, số tài khoản, thông tin về các giao dịch thanh toán cá nhân và những thông tin khác mà cá nhân mong muốn giữ bí mật”.<sup>1</sup> Thông tin cá nhân là bí mật riêng của mỗi người được pháp

---

\* TS., Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: binhnt@hul.edu.vn.

<sup>1</sup> Khoản 3 Điều 13, Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử .



luật bảo vệ, nhưng hiện nay đang trở thành “hàng hóa” và là mục tiêu mà tội phạm hướng đến, tìm cách để chiếm đoạt và khai thác với nhiều mục đích khác nhau.

Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Bộ Công an cho biết<sup>2</sup>: các vụ việc lợi dụng không gian mạng thực hiện hành vi phạm tội ở Việt Nam, chủ yếu phổ biến là tội phạm có tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử, thanh toán thẻ, ngân hàng... Tội phạm sử dụng không gian mạng để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản diễn ra ngày càng gia tăng, phức tạp với nhiều thủ đoạn tinh vi, chiếm đoạt hàng trăm tỷ đồng của người dân. Hoạt động xâm nhập trái phép cơ sở dữ liệu, website của các cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân để trộm cắp dữ liệu, tổng tiền diễn biến hết sức nguy hiểm. Loại tội phạm này ngày càng có xu hướng gia tăng, chúng sử dụng các loại vi-rút, phần mềm gián điệp, mã độc được mã hóa tinh vi, phức tạp phát tán qua thư điện tử, website khiêu dâm, diễn đàn, mạng xã hội, ứng dụng trên điện thoại thông minh để xâm nhập, trộm cắp dữ liệu. Hiện nay, Việt Nam luôn bị xếp vào nhóm các quốc gia có nguy cơ bị tấn công mạng nhiều nhất. Hiện có khoảng 150 nhóm tin tặc thường xuyên tấn công mạng vào Việt Nam, trên 600 trang web đặt tại Việt Nam bị lợi dụng để thực hiện tấn công lừa đảo. Trong 6 tháng đầu năm 2021, Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao đã phát hiện 1.555 trang, cổng thông tin điện tử của Việt Nam bị tin tặc tấn công. Các hành vi xâm phạm trái phép các thông tin cá nhân trong giao dịch điện tử ngày càng trở nên phổ biến và tinh vi, có thể kể đến một số trường hợp sau đây:

*Thứ nhất, có ý để lộ/tiết lộ, trao đổi, buôn bán thông tin khách hàng để kiếm nguồn lợi bất chính.*

Hàng loạt vụ việc để lộ, lọt thông tin khách hàng đã xảy ra tại các doanh nghiệp dịch vụ lớn như Công ty Thế giới di động và Điện máy xanh để lộ hơn 5 triệu email và hàng chục nghìn thông tin thẻ thanh toán như Visa, thẻ tín dụng của khách hàng; tình trạng để lộ thông tin khách hàng để các công ty môi giới dịch vụ taxi của Việt Nam sử dụng mời chào khách hàng qua tin nhắn SMS; dữ liệu khách hàng của Công ty FPT bị đăng tải công khai trên mạng... Nghiêm trọng hơn là vụ việc xảy ra với trang web của Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines) tại địa

---

<sup>2</sup> Bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trên không gian mạng,

[http://www.xaydungdang.org.vn/Home/nhan\\_quyen/2021/15757/Bao-ve-thong-tin-du-lieu-ca-nhan-tren-khong-gian-mang.aspx](http://www.xaydungdang.org.vn/Home/nhan_quyen/2021/15757/Bao-ve-thong-tin-du-lieu-ca-nhan-tren-khong-gian-mang.aspx), truy cập ngày 12.1.2022

chỉ <https://www.vietnamairlines.com>. Ngày 29-7-2016, trang web này đã bị tin tặc tấn công, thay đổi giao diện, phát tán một bảng danh sách hơn 400.000 tài khoản của những hội viên Vietnam Airlines trên mạng, trong đó có đầy đủ thông tin như: họ tên, ngày sinh, địa chỉ, ngày gia nhập, điểm tích lũy, ngày hết hạn...; một số thành viên còn bị lộ cơ quan công tác, số điện thoại, thậm chí chức vụ...<sup>3</sup>

Theo thông tin công bố ngày 19/05/2021, thì Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (A05) vừa phối hợp với Văn phòng Cơ quan CSĐT (C01) Bộ Công an triệt phá nhiều đường dây mua bán, sử dụng, trái phép gần 1.300GB dữ liệu, chứa hàng tỷ thông tin về các cá nhân, tổ chức trên toàn quốc, lớn nhất từ trước tới nay xảy ra tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và một số địa phương. Dữ liệu gồm những khách hàng làm trong ngành điện lực; phụ huynh, học sinh trên cả nước; khách hàng của nhiều ngân hàng, trong đó có các ngân hàng lớn nhất Việt Nam; thông tin đăng ký kinh doanh, nhân sự cơ quan nhà nước, bảo hiểm, hộ khẩu; dữ liệu viễn thông, thuê bao điện thoại của các nhà cung cấp viễn thông lớn tại Việt Nam; thông tin khách hàng tại các dự án bất động sản<sup>4</sup>.

*Thứ hai, thu thập và sử dụng trái phép thông tin cá nhân của người tiêu dùng, đánh cắp thông tin cá nhân của người tiêu dùng.*

Với các công nghệ lớn và ngày càng phổ biến như công nghệ IoT (Internet of thing – Internet vạn vật), AI (artificial intelligence – trí tuệ nhân tạo), VR (virtual reality – thực tế ảo), AR (Augmented Reality – tương tác ảo), Cloud Computing (điện toán đám mây), big Data (dữ liệu lớn)... doanh nghiệp có thể dễ dàng thu thập, lưu trữ, phân tích và truyền tải dữ liệu của cá nhân.

Thông tin cá nhân của người tiêu dùng trong giao dịch điện tử thường được lưu trữ dưới dạng “dữ liệu điện tử”, cho nên trong trường hợp doanh nghiệp không có các biện pháp đảm bảo an toàn hiệu quả thì có thể bị tin tặc tấn công bất cứ khi nào. Các công ty cung cấp dịch vụ trực tuyến 24/7 thường gặp tấn công này như: Bán vé trực tuyến, đặt chỗ khách sạn,... Nhiều rủi ro nghiêm trọng về giao dịch điện tử tồn tại từ lâu và rất có thể đã bị kẻ xấu lợi dụng khi dữ liệu khách hàng bị đánh cắp. Nhiều tài

---

<sup>3</sup> Bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trên không gian mạng, web [http://www.xaydungdang.org.vn/Home/nhan\\_quyen/2021/15757/Bao-ve-thong-tin-du-lieu-ca-nhan-tren-khong-gian-mang.aspx](http://www.xaydungdang.org.vn/Home/nhan_quyen/2021/15757/Bao-ve-thong-tin-du-lieu-ca-nhan-tren-khong-gian-mang.aspx), truy cập ngày 12.1.2022

<sup>4</sup> Trao đổi, mua bán thông tin cá nhân sẽ chịu hình phạt nào? Nguồn <https://dangcongsan.vn/ban-doc/luat-su-cua-ban/trao-doi-mua-ban-thong-tin-ca-nhan-se-chiu-hinh-phat-nao-580917.html>, truy cập ngày 10.4.2022

khóa khách hàng được người dùng sử dụng chung với các dịch vụ khác, dẫn đến một số khách hàng bị đánh cắp thông tin liên quan đến tài khoản ngân hàng, bị hack các trang cá nhân để sử dụng lừa đảo những người khác. Có 17% website trong khảo sát mắc rủi ro nghiêm trọng A1 tức là dữ liệu của khách hàng có thể bị xem trái phép bởi người dùng khác. Một khách hàng khi sử dụng dịch vụ thương mại điện tử tại các website này có khả năng mất thông tin cá nhân của mình như tên, email, mật khẩu (dạng mã hóa) hoặc thông tin ngân hàng. Các website thương mại điện tử bán lẻ thường có số lượng lớn khách hàng nên các dữ liệu này là tài sản quý giá đối với kẻ xấu. Các thông tin này có thể được dùng để xâm nhập trái phép tài sản thông tin của khách hàng<sup>5</sup>. Vụ việc cuối tháng 4/2018, một diễn đàn nước ngoài đã rao bán gói dữ liệu lên đến 7,55 GB của hơn 163 triệu tài khoản Zing ID của Công ty Công nghệ Việt Nam (VNG) hay nghi vấn Công ty CP Thế giới di động bị hack gói dữ liệu bao gồm danh sách thông tin của khoảng 5,4 triệu khách hàng vào đầu tháng 11/2018<sup>6</sup>, là những bằng chứng có giá trị cảnh báo cho các tình trạng vi phạm pháp luật nghiêm trọng này.

Để lấy cắp thông tin, mua bán thông tin, các đối tượng bấp chập mọi biện pháp bảo vệ để thực hiện sự xâm nhập vào các dữ liệu, trong số đó có rất nhiều hành vi có dấu hiệu hình sự như hành vi cố ý xâm nhập bất hợp pháp vượt qua cảnh báo, mã truy cập, tường lửa, tường rào bảo vệ của hợp đồng thương mại điện tử để bán dữ liệu cho các bên thứ ba.

*Thứ ba, việc bảo mật bằng mật khẩu trong các ứng dụng Bank hoặc mạng xã hội hay các dịch vụ điện tử khác bị chính các nhà lập trình của các ứng dụng đó trích xuất để lấy thông tin khách hàng sau đó phục vụ cho lợi ích bản thân.*

Các dịch vụ ngân hàng số phổ biến hiện nay là: Home Banking, Internet Banking, Mobile Banking, ví điện tử, thẻ ngân hàng, Phone Banking... Dịch vụ Internet Banking với rất nhiều tính năng, tiện ích mới như chuyển tiền đến thẻ Visa, chuyển tiền bằng Mobile Banking, nạp tiền điện thoại hoặc thẻ trả trước, thanh toán

---

<sup>5</sup> Mai Hoàng Thịnh (Khoa Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp), “Giải pháp phòng tránh rủi ro đối với người mua hàng trong các giao dịch thương mại điện tử tại thị trường Việt Nam”, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/giai-phap-phong-tranh-rui-ro-doi-voi-nguoi-mua-hang-trong-cac-giao-dich-thuong-mai-dien-tu-tai-thi-truong-viet-nam-80332.htm>, truy cập ngày 20.4.2022

<sup>6</sup> Thủy Diệu, “Hơn 163 triệu tài khoản Zing ID bị rao bán ở nước ngoài”, <https://vneconomy.vn/hon-163-trieu-tai-khoan-zing-id-bi-rao-ban-o-nuoc-ngoai.htm>, truy cập ngày 10.4.2022

hóa đơn tự động bằng thẻ tín dụng hay Live Chat trên Website và Facebook... Tuy nhiên, mức độ an toàn bảo mật thông tin hiện nay tại Việt Nam chưa cao. Theo số liệu thống kê của Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam (VNISA), năm 2018, các tổ chức tín dụng và ngân hàng đạt chỉ số an toàn thông tin là 57,5% thấp so với yêu cầu về an toàn thông tin mạng đặt ra. Xếp hạng an toàn bảo mật thông tin các quốc gia trên thế giới, Việt Nam hiện xếp thứ 100, thuộc diện trung bình yếu. Mức đầu tư trung bình cho an toàn, bảo mật thông tin trong các dự án CNTT của các tổ chức trên thế giới chiếm khoảng 15 - 25% thì tại Việt Nam là 5%. Tại Việt Nam, hành lang pháp lý cho vấn đề này còn chưa hoàn thiện, khuôn khổ pháp lý còn chậm được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với bối cảnh và tình hình mới, đã và đang làm giảm cơ hội và tăng nguy cơ rủi ro<sup>7</sup>.

Tương tự như dịch vụ ngân hàng, trong các dịch vụ điện tử được cung cấp trên không gian điện tử, khách hàng cũng đối mặt với nguy cơ mất an toàn thông tin từ nhân sự quản trị hệ thống cung cấp dịch vụ. “Nhiều cá nhân, doanh nghiệp (bán hàng online, bảo hiểm, trung tâm ngoại ngữ, bất động sản...) “thỏa thuận ngầm” với nhân sự quản trị hệ thống thông tin tại một số cơ quan, doanh nghiệp trao đổi trái phép dữ liệu với số lượng lớn nhằm thu lợi bất chính. Tình trạng dữ liệu người dùng Facebook được bán công khai tại Việt Nam là một ví dụ cụ thể cho việc lạm dụng việc sở hữu các dịch vụ cung ứng để phục vụ lợi ích cá nhân bất hợp pháp cho tình trạng này. Các thông tin rao bán thường bao gồm họ tên, số điện thoại, email, nơi ở và mối quan tâm hay sở thích của người dùng Facebook. Thực trạng về việc lộ thông tin tài khoản Facebook tại Việt Nam cũng tương tự vụ 50 triệu người dùng Facebook tại Mỹ bị bán dữ liệu<sup>8</sup>.

Tóm lại, các thông tin cá nhân của cá nhân đã và đang trở thành hàng hóa và sử dụng với nhiều mục đích xấu. Nhiều vụ việc đã được lực lượng Công an điều tra, truy tố và xét xử nghiêm minh trước pháp luật; khởi tố nhiều bị can về tội “Lừa đảo chiếm

---

<sup>7</sup> Nguyễn Thị Thái Hưng, *Bảo mật thông tin khách hàng khi sử dụng dịch vụ ngân hàng số*; <https://thitruongtaichinhthiente.vn/bao-mat-thong-tin-khach-hang-khi-su-dung-dich-vu-ngan-hang-so-28428.html>, truy cập ngày 20/4/2022

<sup>8</sup> Một ứng dụng khảo sát trên Facebook đã trả tiền cho 270.000 người tham gia và yêu cầu được tiếp cận một số thông tin như tên tuổi, vị trí địa lý, giới tính, những trang họ "like" và cả danh sách bạn bè của họ. Kết quả là 50 triệu người bị thu thập thông tin mà họ không hề hay biết, thậm chí họ cũng không trực tiếp cài ứng dụng nhưng vẫn trở thành nạn nhân vì bạn bè của họ sử dụng; xem Dữ liệu người dùng Facebook được bán công khai tại Việt Nam, <https://vnexpress.net/du-lieu-nguoi-dung-facebook-duoc-ban-cong-khai-tai-viet-nam-3727817.html>, truy cập ngày 15/2/2022

đoạt tài sản”, “Mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” để điều tra vụ án chiếm đoạt tài sản liên quan đến tiết lộ thông tin cá nhân của khách hàng.

## **2.Những hạn chế bất cập trong quy định của pháp luật hình sự hiện hành về bảo vệ thông tin cá nhân**

Các quy định liên quan đến bảo vệ thông tin cá nhân trong các giao dịch điện tử đã được pháp luật thể hiện trong một số văn bản quy phạm như Bộ luật dân sự, Luật Công nghệ thông tin... Theo đó, tại khoản 4, điều 38, Bộ luật Dân sự năm 2015 “*Các bên trong hợp đồng không được tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của nhau mà mình đã biết được trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Tiếp tục, trong Khoản 2, Điều 46 Luật Giao dịch Điện tử 2005 quy định về bảo mật thông tin trong giao dịch điện tử như sau: “*Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được sử dụng, cung cấp hoặc tiết lộ thông tin về bí mật đời tư hoặc thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác mà mình tiếp cận hoặc kiểm soát được trong giao dịch điện tử nếu không được sự đồng ý của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*”. Theo quy định của Luật Công nghệ thông tin 2006 tại Khoản 1 Điều 22, cũng có quy định “*thu thập, xử lý và sử dụng TTCN của người khác trên môi trường mạng phải được người đó đồng ý trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*”. Chủ thể thông tin cũng còn có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân lưu trữ TTCN của mình trên môi trường mạng thực hiện việc kiểm tra, đính chính hoặc hủy bỏ thông tin đó. Trường hợp “*cá nhân bị thiệt hại do hành vi vi phạm trong việc cung cấp TTCN thì có quyền yêu cầu bồi thường*” - Khoản 3 Điều 22. Như vậy, có thể thấy các quy định của pháp luật đều thể hiện việc “thu thập, xử lý, sử dụng, chuyển nhượng TTCN” của bất cứ tổ chức, cá nhân nào trên môi trường mạng mà không được sự đồng ý của người bị thu thập thì đều không đảm bảo “tính hợp pháp”.

Tiếp nối quy định này, trong Luật Bảo vệ người tiêu dùng năm 2010 tại Điều 6, có quy định: người tiêu dùng được bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của mình khi tham gia giao dịch, sử dụng hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu và còn có quy định một số trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

kinh doanh hàng hóa dịch vụ trong trường hợp thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của người tiêu dùng.

Điều 17 Luật an ninh mạng 2018 quy định việc thu thập và sử dụng thông tin cá nhân như sau: “1. Tổ chức, cá nhân xử lý thông tin cá nhân có trách nhiệm:

- Tiến hành thu thập thông tin cá nhân sau khi có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân về phạm vi, mục đích của việc thu thập và sử dụng thông tin đó;

- Chỉ sử dụng thông tin cá nhân đã thu thập vào mục đích khác mục đích ban đầu sau khi có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân;

- Không được cung cấp, chia sẻ, phát tán thông tin cá nhân mà mình đã thu thập, tiếp cận, kiểm soát cho bên thứ ba, trừ trường hợp có sự đồng ý của chủ thể thông tin cá nhân đó hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm bảo mật, lưu trữ thông tin cá nhân do mình thu thập”.

Trong Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) có những quy định cốt lõi đến việc xâm phạm thông tin cá nhân với 2 tội danh đó là tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác - Điều 159 và tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông - Điều 288. Trong đó, Điều 288 quy định là tội phạm đối với hai trường hợp: *một là*, đưa lên mạng máy tính, mạng viễn thông những thông tin trái với quy định của pháp luật; *hai là*, hành vi “mua bán, trao đổi, tặng cho, sửa chữa, thay đổi hoặc công khai hóa thông tin riêng hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên mạng máy tính, mạng viễn thông mà không được phép của chủ sở hữu thông tin đó và chế tài áp dụng là phạt tiền từ 30 triệu trở lên hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù cao nhất đến 7 năm.

Trường hợp thực hiện hành vi xâm phạm thông tin về tài khoản ngân hàng, được BLHS 2015 quy định riêng tại Điều 291 - tội Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng.

Biện pháp xử lý hình sự cũng được áp dụng trong trường hợp xâm phạm bằng cách vượt qua những biện pháp phòng chống tội phạm mạng như cố ý vượt qua cảnh báo, mã truy cập, tường lửa, sử dụng quyền quản trị của người khác hoặc bằng phương thức khác xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện

điện tử của người khác chiếm quyền điều khiển; can thiệp vào chức năng hoạt động của phương tiện điện tử - tại Điều 289.

Sự biến đổi nhanh chóng của không gian mạng cũng như tình hình tội phạm mạng diễn biến ngày càng tinh vi, phức tạp. Trong khi nhận thức về an ninh mạng và kỹ năng sử dụng mạng Internet an toàn của người sử dụng còn thấp, tạo điều kiện cho các loại hình tội phạm mạng, tội phạm sử dụng công nghệ cao lợi dụng, khai thác thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc gây ra các thiệt hại vật chất/ tinh thần khác cho người sử dụng Internet. Tuy nhiên, với hệ thống pháp lý trong lĩnh vực an ninh mạng như hiện nay là còn thiếu và chưa chặt chẽ để đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn trong hiện tại và cho tương lai. Điều này thể hiện cụ thể ở một số vấn đề sau:

*Thứ nhất, khái niệm thông tin cá nhân, thông tin riêng hay dữ liệu cá nhân, chưa được pháp luật hiện hành chỉ rõ và thống nhất.*

Cụ thể hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành chưa sử dụng và chỉ ra nội hàm của cụm từ “dữ liệu cá nhân”, do đó hiện chưa có định nghĩa thế nào là dữ liệu cá nhân. Trong hệ thống pháp luật Việt Nam sử dụng một số thuật ngữ, khái niệm khác nhau (có khoảng gần 10 thuật ngữ) với những cách diễn giải khác nhau. Ví dụ, “thông tin cá nhân”; “thông tin riêng”, “thông tin riêng tư”; “thông tin cá nhân trên môi trường mạng”; “thông tin bí mật đời tư”; “thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình”; “thông tin của người tiêu dùng” .

Định nghĩa về TTCN cũng chưa thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Ví dụ, định nghĩa về “TTCN” trong Luật ATTT mạng ngắn gọn, trong khi Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ về thương mại điện tử lại quy định cụ thể, chi tiết và có những điểm khó đánh giá là có hoàn toàn tương hợp với quy định của Luật ATTT mạng không; Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 sử dụng cụm từ “thông tin của người tiêu dùng” (Điều 6) để hàm chứa “TTCN” của người tiêu dùng, trong khi đó, Luật ATTT mạng và Nghị định số 52/2013/NĐ-CP lại dùng cụm từ “TTCN”<sup>9</sup>.

*Thứ hai, quy định của pháp luật hiện hành ở Việt Nam về chế tài áp dụng của hành vi sử dụng ứng dụng Internet vạn vật (IoT), gây ảnh hưởng tiêu cực lâu dài đến*

---

<sup>9</sup> TS.Nguyễn Văn Cương (8/2020), Thực trạng pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân ở Việt Nam hiện nay và hướng hoàn thiện. Ấn phẩm Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 15 (415).

*bảo vệ quyền riêng tư hay bảo vệ dữ liệu cá nhân, còn “khá nhẹ”. Do đó, chưa đủ sức răn đe và ngăn chặn việc xâm phạm quyền riêng tư hay dữ liệu cá nhân.*

Thế giới của IoT là một thế giới kết nối không có giới hạn, con người có thể bị theo dõi, thu thập thông tin từ chiếc smartphone hay qua những chiếc Smart Tivi ở bất kỳ nơi đâu và bất kể thời gian nào. Từ những thông tin rời rạc được thu thập qua các nền tảng ứng dụng khác nhau, một cá nhân hoàn toàn có thể được định danh. Và sau đó, thông tin của cá nhân này có thể được lưu trữ mãi mãi trên môi trường mạng mà ngay cả người đó cũng có thể không biết tới điều này và hoàn toàn không nhận thức được sự can thiệp tới quyền của mình và cũng có thể bị xâm phạm quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân lúc nào mà không hề hay biết.

*Thứ ba, liên quan đến việc xâm phạm thông tin cá nhân, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với 02 tội danh đó là tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác - Điều 159 và tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông - Điều 288. Tuy nhiên, nội dung quy định các điều luật này còn một số hạn chế, cụ thể như sau:*

Một là, điều kiện truy cứu trách nhiệm hành vi chỉ thực hiện được khi thuộc một trong hai trường hợp: thu lợi bất chính từ ... hoặc gây thiệt hại từ... Điều này dẫn đến rất khó để có căn cứ ngăn chặn hoặc áp dụng chế tài hình sự hay chế tài khác khi chủ thể mới chỉ thực hiện hành vi mà chưa xác định được thêm các điều kiện trên.

Hai là, các quy định này chưa thể hiện cụ thể, trực tiếp về các hành vi vi phạm pháp luật liên quan tới TTCN đang diễn ra hiện nay như sử dụng dữ liệu về hình ảnh cá nhân (công nghệ nhận diện khuôn mặt), các dữ liệu sinh trắc (Vân tay, mống mắt...)... Do đó, có một vấn đề được đặt ra là các quy định bảo vệ TTCN hiện hành có được áp dụng với các doanh nghiệp này không và liệu có cần quy định các biện pháp mang tính chặt chẽ hơn đối với doanh nghiệp thu thập và sử dụng dữ liệu sinh trắc của người tiêu dùng không? Hay sẽ áp dụng xử lý như thế nào đối với những hành vi vi phạm này? Bởi lẽ, “địa chỉ”, “số điện thoại” của một người cũng được xếp vào TTCN thì rõ ràng, các dữ liệu về sinh trắc học, tuy cũng có thể coi là “dữ liệu” hoặc “TTCN”



nhưng độ “nhạy cảm” của các dữ liệu này lớn hơn nhiều so với thông tin về “số điện thoại” hoặc “tên”, “tuổi” của chủ thẻ TTCN.<sup>10</sup>

Trong bối cảnh không gian mạng Việt Nam chưa ổn định, một phần do nhận thức của người sử dụng mạng xã hội còn hạn chế, đã đăng tải công khai nhiều thông tin cá nhân nhạy cảm của chính mình như thông tin sinh trắc học, lý lịch cá nhân, mối quan hệ tình cảm, tình trạng sức khỏe, tài chính, từ đó gia tăng cơ hội cho các ứng dụng trên không gian mạng có hoạt động thu thập, khai thác, phân tích thông tin, dữ liệu cá nhân nhưng chưa có cơ chế quản lý dữ liệu người dùng an toàn như mạng xã hội, thanh toán trực tuyến, thương mại điện tử, trò chơi trực tuyến,... Do đó, những khoảng trống pháp lý cần được xử lý để hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng với thực tiễn công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng tại Việt Nam.

### **3. Kinh nghiệm của các nước trong việc bảo vệ thông tin cá nhân bằng pháp luật hình sự**

Trên thế giới, vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân đã được nhiều quốc gia hết sức coi trọng. Theo thống kê, hiện nay đã có hơn 80 quốc gia ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Trong đó, từ tháng 5-2017, Nhật Bản đã ban hành Luật Bảo vệ thông tin cá nhân (APPI), Israel ban hành Quy định bảo mật dữ liệu. Tháng 5-2018, Liên minh châu Âu (EU) đã ban hành Luật Bảo vệ dữ liệu chung châu Âu (GDPR). Ở Mỹ, các đạo luật của liên bang và các bang đã được ban hành để bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân được an toàn và chặt chẽ. Các quy định của pháp luật quốc gia này, khá cụ thể, chi tiết, tuy nhiên, vì phạm vi bài viết giới hạn, nên trong nội dung bài viết này, chúng tôi chỉ sử dụng một số quy định pháp luật một số nước tùy theo vấn đề cần được nghiên cứu mà liên quan đến các hạn chế, tồn tại trong pháp luật Việt Nam về bảo vệ thông tin cá nhân. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất, quy định về phạm vi thông tin cá nhân cần được bảo vệ và cơ quan có trách nhiệm giám sát việc bảo vệ*

Luật bảo vệ dữ liệu của Nhật Bản đã được sửa đổi cơ bản vào năm 2015, và sửa đổi sâu hơn vào năm 2020 với những sửa đổi đó sẽ có hiệu lực vào năm 2022<sup>11</sup>; Các

<sup>10</sup> Nguyễn Văn Cương (2020), *Thực trạng pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân ở Việt Nam hiện nay và hướng hoàn thiện*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 15 (415).

<sup>11</sup> *Japan - Data Protection Overview*, <https://www.dataguidance.com/notes/japan-data-protection-overview>, truy cập ngày 14.2.2022

luật sửa đổi đặt ra các nghĩa vụ rộng hơn đối với việc truyền dữ liệu, đặc biệt là đối với các thực thể ở nước ngoài và về việc xử lý các vi phạm dữ liệu. Điểm đặc trưng của Đạo luật trên của Nhật Bản thể hiện ở các vấn đề sau:

Một là, thành lập một cơ quan chuyên trách về giám sát việc tuân thủ việc bảo vệ thông tin cá nhân, đó là Ủy ban Bảo vệ Thông tin Cá nhân (còn gọi là PPC) - là cơ quan quản lý được thành lập theo APPI, Cơ quan này chịu trách nhiệm giám sát việc tuân thủ APPI và các bộ trưởng liên quan.

Hai là, ở mỗi lĩnh vực khác nhau sẽ có cơ quan chuyên trách ban hành các hướng dẫn về cách bảo vệ thông tin tùy theo đặc trưng của lĩnh vực đó. Vai trò của Ủy ban nhân dân tỉnh được thể hiện qua việc cung cấp hướng dẫn chi tiết về phạm vi và ý nghĩa của các điều khoản cũng như một số thuật ngữ được sử dụng trong APPI và các ví dụ về việc áp dụng chúng, mặc dù các ví dụ này không mở rộng hoặc giới hạn phạm vi của APPI. Hướng dẫn cũng nêu rõ rằng vi phạm nguyên tắc được thể hiện như một nghĩa vụ, thay vì một khuyến nghị, sẽ được coi là vi phạm APPI. Các hướng dẫn sau đây về APPI, do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, bao gồm: Hướng dẫn chung về APPI ('Hướng dẫn chung'); Hướng dẫn về APPI (về Chuyển tiền cho Bên thứ ba ở Nước ngoài); Hướng dẫn về APPI (để Kiểm tra và Ghi lại khi Chuyển cho Bên thứ Ba); Hướng dẫn về APPI (về Thông tin ẩn danh); và Nguyên tắc về APPI (đối với Rò rỉ dữ liệu) ('Nguyên tắc vi phạm dữ liệu'). Đối với các doanh nghiệp kinh doanh thẻ tín dụng và các doanh nghiệp sử dụng thông tin di truyền, Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp ('METI') ban hành hướng dẫn Hướng dẫn Bảo vệ Thông tin Cá nhân trong Ngành Tín dụng; Hướng dẫn bảo vệ thông tin cá nhân trong ngành sử dụng thông tin di truyền của cá nhân trong lĩnh vực kinh tế và công nghiệp; Đối với lĩnh vực tài chính (ngoại trừ ngành thẻ tín dụng do METI quy định), Cơ quan Dịch vụ Tài chính ('FSA') đã ban hành hướng dẫn sau: Hướng dẫn Bảo vệ Thông tin Cá nhân trong Các ngành Tài chính; và Hướng dẫn Thực hành về Chính sách Bảo mật liên quan đến Bảo vệ Thông tin Cá nhân trong Ngành Tài chính; Bộ Tư pháp đã ban hành Hướng dẫn các nguyên tắc liên quan đến Bảo vệ Thông tin Cá nhân trong Ngành Dịch vụ Thu hồi Nợ...

Ba là, trong Đạo luật định nghĩa rõ các khái niệm về Dữ liệu cá nhân, Thông tin cá nhân và Thông tin liên quan đến cá nhân. Theo đó dữ liệu cá nhân được hiểu là:

thông tin cá nhân được chứa trong cơ sở dữ liệu (dù là điện tử hay không) cho phép dễ dàng truy xuất thông tin cá nhân có trong (cơ sở dữ liệu thông tin cá nhân). Thông tin cá nhân được hiểu: thông tin về một cá nhân đang sống ở Nhật Bản mà từ đó có thể xác định danh tính của cá nhân đó (bao gồm thông tin cho phép xác định bằng cách dễ dàng tham khảo hoặc kết hợp với các thông tin khác). Kể từ bản sửa đổi năm 2017 đối với APPI, 'thông tin cá nhân' bao gồm 'mã định danh cá nhân' bao gồm các mục như ký tự, số, biểu tượng và/hoặc các mã khác để sử dụng máy tính đại diện cho một số đặc điểm thể chất cá nhân cụ thể (chẳng hạn như chuỗi DNA, khuôn mặt ngoại hình, vân tay và lòng bàn tay) và đủ để xác định một cá nhân cụ thể, cũng như một số số định danh nhất định, chẳng hạn như số nhận dạng trên hộ chiếu, giấy phép lái xe và thẻ cư dân và số ID an sinh xã hội cá nhân 'Số của tôi'. Thông tin liên quan đến cá nhân: Thông tin không phải là thông tin cá nhân của bên chuyển giao vì nó không thể xác định được chủ sở hữu từ thông tin đó (ngay cả khi dễ dàng tham khảo hoặc kết hợp với thông tin khác) nhưng có thể dành cho bên được chuyển giao vì nó có thể xác định được chủ thể dữ liệu liên quan đến thông tin khác do bên nhận nắm giữ<sup>12</sup>. Bên cạnh đó, Đạo luật cũng đưa ra khái niệm về Dữ liệu nhạy cảm - Sensitive data. Theo đó, thông tin nhạy cảm đã được thêm vào APPI trong các bản sửa đổi năm 2017 và bao gồm thông tin cá nhân liên quan đến các vấn đề như chủng tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, khuyết tật về thể chất hoặc tinh thần, hồ sơ y tế, điều trị y tế và dược lý cũng như bắt giữ, giam giữ hoặc tống hình sự (dù là người lớn hay trẻ vị thành niên), hoặc trở thành nạn nhân của tội phạm. Các hướng dẫn của ngành có thể áp dụng các danh mục thông tin nhạy cảm bổ sung. Các cụm từ Dữ liệu sức khỏe và Dữ liệu sinh trắc học,

---

<sup>12</sup> Personal data: Personal information contained in a database (whether electronic or not) that enables easy retrieval of the personal information contained in a (personal information database). Personal information: Information about a living individual in Japan from which the identity of the individual can be ascertained (including information which enables identification by easy reference to, or in combination with other information). Since the 2017 revision to the APPI, 'personal information' includes 'personal identifier codes' which include items such as characters, numbers, symbols and/or other codes for computer use which represent certain specified personal physical characteristics (such as DNA sequences, facial appearance, finger, and palm prints), and which are sufficient to identify a specific individual, as well as certain identifier numbers, such as those on passports, driver's licenses and residents cards, and the 'My Number' individual social security ID numbers. Person-related information: Information which is not personal information for the transferor as it cannot identify the principal from the information (even by easy reference to, or combination with, other information) but may be for a transferee as it may be able to identify the data subject by reference to other information held by the transferee. Xem Japan - Data Protection Overview; web <https://www.dataguidance.com/notes/japan-data-protection-overview> truy cập ngày 14.2.2022

Đạo luật không đưa ra định nghĩa nhưng nó khẳng định “có thể nằm trong phạm vi Thông tin nhạy cảm”.

Nhật Bản có các giá trị cốt lõi mạnh mẽ về bảo vệ quyền của cá nhân và nguyên tắc cơ bản của luật bảo vệ dữ liệu của Nhật Bản là bảo vệ quyền riêng tư, nhưng cũng thừa nhận phạm vi, bản chất và khối lượng dữ liệu cá nhân ngày càng tăng và mở rộng việc sử dụng thông tin cá nhân dưới nhiều hình thức của các doanh nghiệp. Các yếu tố chính của luật pháp là hạn chế việc sử dụng thông tin cá nhân cho các mục đích mà chủ thể dữ liệu thu được, để bảo vệ thông tin nhạy cảm và hạn chế việc phổ biến thông tin cá nhân mà không có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu.

*Thứ hai, quy định là tội phạm và chế tài áp dụng đối với các hành vi xâm phạm thông tin cá nhân*

Về quy định trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm thông tin cá nhân, có thể tham khảo các quy định trong Luật hình sự Cộng hòa Liên Bang Đức. Theo đó, tại chương thứ mười lăm, Xâm phạm phạm vi bí mật cuộc sống cá nhân và bí mật cá nhân, Bộ luật hình sự CHLB Đức quy định là tội phạm và chế tài xử lý đối một số hành vi nguy hiểm như sau<sup>13</sup>:

*Tại Điều 202 Xâm phạm bí mật thư tín*, quy định của BLHS CHLB Đức không chỉ điều chỉnh đối với trường hợp mở thư từ được dán kín theo hình thức truyền thống, mà hành vi phạm tội này còn được mô tả cả đối với trường hợp cố tình lấy tin tức, thông tin qua việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật. Đây là một điểm khác biệt lớn

---

<sup>13</sup> Trường Đại học Luật Hà Nội, Bộ luật hình sự Cộng hòa liên bang Đức, Nxb Công an nhân dân, Hà nội 2011; Tr 338- 350

Điều 202 Xâm phạm bí mật thư tín

(1) Người nào không được phép mà

1. Mở một bức thư kín hoặc một ấn phẩm được bao bì kín khác được xác định là thuộc phạm vi được biết của họ, hoặc
2. Lấy được cho mình tin tức về nội dung của một ấn phẩm loại này mà không có sự mở bao bì kín với sự sử dụng phương tiện kỹ thuật, thì bị xử phạt với hình phạt tự do đến một năm hoặc với hình phạt tiền nếu...

Điều 202a Xem trộm các dữ liệu

- (1) Người nào không được phép mà lấy được cho mình hoặc một người khác những dữ liệu được xác định là không cho họ và được bảo vệ đặc biệt chống sự tiếp cận trái phép bằng cách vô hiệu hóa sự bảo vệ này thì bị xử phạt với hình phạt tự do đến ba năm hoặc với hình phạt tiền.
- (2) Những dữ liệu theo nghĩa của Khoản 1 chỉ là những loại đã được lưu vào bộ nhớ điện tử, từ tính hoặc loại khác không nhận biết trực tiếp được hoặc được truyền.

Điều 202b Chặn lấy các dữ liệu

Người nào không được phép mà lấy được cho mình hoặc một người khác những dữ liệu được xác định không cho mình (Điều 202a Khoản 2) từ một sự truyền dữ liệu không công khai hoặc từ một sự truyền điện tử có từ tính của một thiết bị xử lý dữ liệu bằng cách sử dụng các phương tiện kỹ thuật thì bị xử phạt với hình phạt tự do đến ba năm hoặc với hình phạt tiền nếu hành vi không bị đe dọa với hình phạt nặng hơn trong các quy định khác.

trong quy định của BLHS Việt Nam khi PLHS Việt Nam chưa đề cập đến vấn đề này trong điều luật quy định về hành vi xâm phạm bí mật thư tín. Trong khi hành vi nguy hiểm này đang ngày càng phổ biến khi tội phạm cố tình hack các tài khoản mạng xã hội như facebook, zalo... để vào các trang riêng tư hay tin nhắn cá nhân lấy các thông tin phục vụ cho các mục đích xấu.

*Tại Điều 202a Xem trộm các dữ liệu và Điều 202b Chặn lấy các dữ liệu*, trong các điều luật này, quy định của BLHS Đức thể hiện hai vấn đề sau:

Một là, quy định là tội phạm đối với các hành vi tự ý xem trộm, chặn lấy các dữ liệu đã cài đặt thiết bị bảo vệ, mà cố tình tiếp cận trái phép bằng cách vô hiệu hóa sự bảo vệ đó.

Hai là, các dữ liệu được nói đến không chỉ là dữ liệu được lưu trong bộ nhớ điện tử mà còn là các dữ liệu được truyền qua bằng internet.

Có thể thấy, đây là các điểm khác biệt cơ bản lớn của pháp luật hình sự CHLB Đức khi mà những vấn đề này chưa được thể hiện một cách rõ ràng, tổng quát trong BLHS Việt Nam để làm căn cứ xử lý hình sự đối với các hành vi xem trộm, rao bán các thông tin cá nhân khi các thông tin này chưa được lưu riêng vào bộ dữ liệu cá nhân và cài đặt thiết bị bảo vệ trong quá trình tham gia các hoạt động điện tử như giao dịch ngân hàng ....

Ngoài ra, tại Điều 202 C, BLHS Đức cũng quy định là tội phạm và áp dụng chế tài nghiêm khắc là phạt tù do đến một năm hoặc hình phạt tiền, đối với hành vi “Chuẩn bị một tội phạm theo Điều 202a hay Điều 202b, bằng cách họ tạo ra, lấy được cho mình hoặc một người khác, bán, chuyển giao cho một người khác, phát tán hoặc bằng cách khác làm cho họ tiếp cận”.

*Tại Điều 203 Xâm phạm những bí mật riêng tư*<sup>14</sup>, quy định của Bộ luật hình sự Đức thể hiện hai vấn đề:

---

<sup>14</sup> Điều 203 Xâm phạm những bí mật riêng tư

(1) Người nào không được phép mà tiết lộ một bí mật của người khác, trước hết là một bí mật thuộc phạm vi cuộc sống cá nhân hoặc một bí mật nhà máy hoặc bí mật kinh doanh mà họ đã được tin tưởng cho biết hoặc được biết bằng cách với tư cách là

1. Bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ...
2. Các nhà tâm lý chuyên nghiệp đã qua kỳ thi tốt nghiệp khoa học được nhà nước công nhận,
3. Luật sư,... kiểm toán viên, ... công ty luật... công ty thẩm định kinh tế...
4. Tư vấn viên về hôn nhân, tư vấn viên về gia đình, tư vấn viên về dạy dỗ hoặc tư vấn viên về người chưa thành niên cũng như tư vấn viên về các vấn đề nghiện trong một cơ sở tư vấn được công nhận bởi một nhà đương cục hoặc cơ quan, bởi một trại hoặc một quỹ theo luật công,...

Một là, pháp luật hình sự quy định rõ trách nhiệm và nghiêm cấm các hành vi xâm phạm bí mật riêng tư người khác mà họ có được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chức năng nghề nghiệp của mình đối với các chủ thể nhất định là những người làm các dịch vụ tư vấn, kinh doanh hoặc làm trong các cơ quan nhà nước.

Hai là, phạm vi đối tượng tác động được điều chỉnh của điều luật hướng đến đối với các trường hợp sở hữu, nắm giữ bí mật qua các dữ liệu điện tử chứ không chỉ là các thông tin trên giấy tờ truyền thống.

Thiết nghĩ, nếu điều luật quy định rõ về trách nhiệm của người có liên quan đến việc nắm giữ dữ liệu cá nhân được thể hiện rõ trong pháp luật Việt nam thì có lẽ đã không để xảy ra các trường hợp đáng tiếc như lộ bí mật đời tư, video nhạy cảm được lưu trong điện thoại cá nhân do cơ quan chức năng nắm giữ bị tung tràn lan trên mạng như vụ nữ diễn viên V.T.A.T bị phát tán clip nóng<sup>15</sup> ở Việt Nam trong năm 2021 vừa qua.

### *Thứ ba, quy định về việc bảo vệ thông tin cá nhân dưới dạng hình ảnh*

Thông tin cá nhân được thể hiện dưới dạng hình ảnh cũng đang là đối tượng bị khai thác của nhiều loại hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng, mà pháp luật của nhiều quốc gia đã quy định và áp dụng chế tài để xử lý. Đối với hình thức vi phạm này, để phòng ngừa và tạo cơ sở pháp lý xử lý khi có sự xâm phạm các Đạo Luật của Hàn Quốc quy định khá cụ thể vấn đề này. Cụ thể là: “quy định trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng Drone để chụp ảnh chân dung, thân thể hoặc nơi cư trú của người khác mà không có sự đồng ý. Hành vi này sẽ được xem là: vi phạm Luật bảo vệ quyền

---

5. Người làm việc xã hội được nhà nước công nhận hoặc nhà sư phạm xã hội được nhà nước công nhận hoặc  
6. Nhân viên của một doanh nghiệp bảo hiểm tư nhân về y tế, về tai nạn hoặc về nhân thọ hoặc của một cơ sở hoạch toán của bác sĩ tư nhân, của tư vấn thuế hoặc luật sư,

Thì bị xử phạt với hình phạt tự do đến một năm hoặc với hình phạt tiền.

(2) Cũng bị xử phạt như vậy, người nào không được phép mà tiết lộ bí mật của người khác, trước hết là một bí mật thuộc phạm vi cuộc sống cá nhân... với tư cách là

1. Nhà chức trách

2. người có nghĩa vụ đặc biệt trong công vụ,

3. người đảm nhiệm các nhiệm vụ hoặc thẩm quyền theo pháp luật về đại diện nhân sự,

4. thành viên của một ủy ban thẩm tra hoạt động cho một cơ quan lập pháp của Liên bang...

.....

(2a) Các khoản 1 và 2 có hiệu lực tương ứng nếu một người được giao bảo vệ dữ liệu không được phép mà tiết lộ bí mật của người khác theo nghĩa của quy định này mà bí mật này đã được tin tưởng thông báo.... họ đã biết được về bí mật này khi thực hiện các nhiệm vụ của họ với tư cách là người được giao bảo vệ dữ liệu.

<sup>15</sup> Theo phản ánh của bạn trai nữ diễn viên, clip bị lộ sau khi Công an P.Trung Hòa thu điện thoại và yêu cầu cung cấp mật khẩu. Xem thêm tại *Vụ nữ diễn viên bị phát tán clip 'nóng': Cần làm rõ thủ tục khám điện thoại*, web <https://thanhnien.vn/vu-nu-dien-vien-bi-phat-tan-clip-nong-can-lam-ro-thu-tuc-kham-dien-toai-post1072683.html>, truy cập ngày 15/2/2022

riêng tư (Privacy Act - nếu chụp ảnh có thông tin vị trí như là GPS v.v thì đó là hành vi vi phạm Luật bảo vệ, sử dụng thông tin vị trí). Nếu chụp ảnh thân thể gây tổn hại tinh thần của người khác thì có thể bị xử phạt theo Luật đặc biệt về xử lý tội phạm xâm hại tình dục”<sup>16</sup>. Đây là quy định rõ ràng làm cơ sở pháp lý cho việc ngăn chặn các hình thức xâm phạm thư từ điện tín trên không gian mạng qua các dịch vụ điện tín hiện đại như gmail, facebook, zalo... Vụ kiện ông chủ Facebook liên quan đến việc rò rỉ bí mật thông tin cá nhân, cũng là một kinh nghiệm trong quy định và áp dụng pháp luật của Mỹ mà chúng ta cần học hỏi<sup>17</sup>.

#### **4. Một số đề xuất hoàn thiện pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân**

Vấn đề bảo đảm an toàn thông tin nói chung và an toàn thông tin cá nhân nói riêng đang trở thành thách thức đối với các nhà lập pháp, bởi cách mạng công nghiệp 4.0 đã làm thay đổi cơ bản các mặt của đời sống nhân loại, kể cả giao dịch điện tử. Trong đó, quyền riêng tư và yêu cầu được bảo vệ về thông tin cá nhân của con người đang được đề cao và tôn trọng với tư cách là quyền của con người. Do vậy, việc xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng đang là vấn đề trọng tâm của các quốc gia khi có mong muốn phát huy tối đa lợi thế của giao dịch điện tử.

*Thứ nhất, đưa ra định nghĩa và phân biệt một cách rõ ràng về khái niệm và phạm vi của các cụm từ dữ liệu cá nhân, thông tin cá nhân và một số khái niệm có liên quan.*

Khái niệm dữ liệu cá nhân (personal data) của châu Âu rộng hơn khái niệm thông tin cá nhân (personally identifiable information) ở Mỹ theo hướng dẫn của Viện an ninh công nghệ máy tính quốc gia là: “Bất kỳ thông tin nào về một cá nhân được lưu trữ bởi một cơ quan, bao gồm (1) bất kỳ thông tin nào có thể được sử dụng để phân biệt hoặc theo dõi danh tính của một cá nhân, chẳng hạn như tên, số an sinh xã hội, ngày và nơi sinh, tên thời con gái của mẹ hoặc sinh trắc học Hồ sơ; và (2) bất kỳ thông

---

<sup>16</sup> Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc xây dựng chính sách, pháp luật thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Kỹ yếu HT quốc gia “Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề pháp lý đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam”, Tr140

<sup>17</sup> Giữa tháng 3/2018, nhà phát triển phần mềm Dylan McKay ở New Zealand đã phát hiện Facebook ghi lại tên danh bạ, số điện thoại cùng thời gian thực hiện cuộc gọi đi và đến. Một số người dùng khác cũng phát hiện điều tương tự khi lịch sử cuộc gọi và tin nhắn của họ trên các thiết bị Android được lưu trữ trong khoảng 2015-2016, Facebook bị kiện vì thu thập dữ liệu cuộc gọi, tin nhắn, web <https://vnexpress.net/facebook-bi-kien-vi-thu-thap-du-lieu-cuoc-goi-tin-nhan-3729221.html>, truy cập ngày 15.2.2022

tin nào khác được liên kết hoặc có thể liên kết với một cá nhân, chẳng hạn như thông tin y tế, giáo dục, tài chính và việc làm”<sup>18</sup>.

Như vậy, dữ liệu cá nhân được hiểu là: thông tin cá nhân được chứa trong cơ sở dữ liệu (dù là điện tử hay không) cho phép dễ dàng truy xuất thông tin cá nhân có trong (cơ sở dữ liệu thông tin cá nhân). Thông tin cá nhân được hiểu: thông tin về một cá nhân đang sống ở Việt Nam mà từ đó có thể xác định danh tính của cá nhân đó, như chuỗi DNA, khuôn mặt ngoại hình, vân tay và lòng bàn tay; số nhận dạng trên hộ chiếu, giấy phép lái xe và thẻ cư dân và số bảo hiểm xã hội cá nhân. Bên cạnh đó, cần khẳng định thêm rằng các dữ liệu về hình ảnh cá nhân (công nghệ nhận diện khuôn mặt), các dữ liệu sinh trắc (Vân tay, móng mắt...) cũng là các thông tin cá nhân. Bởi vì các thông tin này cũng thuộc về cá nhân và giúp cho người khác nhận dạng được người đó, hơn nữa nó còn giúp nhận diện một cách chính xác và nhanh chóng. Việc bổ sung quy định này, là cơ sở để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến sử dụng dữ liệu về hình ảnh cá nhân.

Ngoài ra, pháp luật Việt Nam cũng cần đưa ra khái niệm về thông tin nhạy cảm chứa đựng trong dữ liệu cá nhân. Trong đó thông tin nhạy cảm là các thông tin cá nhân liên quan đến các vấn đề như chủng tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, khuyết tật về thể chất hoặc tinh thần, hồ sơ y tế, điều trị y tế, đặc biệt là các thông tin của cá nhân liên quan đến quản lý hành chính và tư pháp như hành vi vi phạm pháp luật, việc bắt giữ, giam giữ hoặc tố tụng hình sự (dù là người lớn hay trẻ vị thành niên), hoặc trở thành nạn nhân của tội phạm. Bởi vì, thực tiễn hiện nay và tương lai của sự phát triển công nghệ số cho thấy, việc quản lý và ngăn chặn sự xâm phạm dữ liệu cá nhân tốt không chỉ bảo vệ quyền lợi của cá nhân trước các nguy cơ của tội phạm, mà còn ngăn ngừa và tạo cơ sở pháp lý để xử lý các hành vi lợi dụng chức vụ, lợi dụng hoạt động nghề nghiệp, nghiệp vụ để xâm phạm các dữ liệu quan trọng khác, khi mà xu hướng ứng dụng điện tử vào quản lý hành chính và tư pháp ngày càng hiện hữu, như nộp đơn qua mạng, số hóa các tài liệu trong hồ sơ vụ án bằng dữ liệu... “Việc áp dụng thành công các ứng

---

<sup>18</sup> Any information about an individual maintained by an agency, including (1) any information that can be used to distinguish or trace an individual’s identity, such as name, social security number, date and place of birth, mother’s maiden name, or biometric records; and (2) any other information that is linked or linkable to an individual, such as medical, educational, financial, and employment information; xem national Insitute of Standards and Technology, U.S. Department of Commerce, nguồn web, <https://csrc.nist.gov/glossary/term/PII>, truy cập ngày 15/4/2022.



dụng: nộp đơn qua mạng, số hóa các tài liệu trong hồ sơ vụ án, hệ thống quản lý án, hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật, hệ thống tìm kiếm thông tin pháp luật, sử dụng phòng xử án công nghệ cao... trong các hoạt động các Tòa án... mang lại nhiều thuận lợi cho người dân và hoạt động quản lý của Tòa án. Với việc áp dụng hệ thống nộp đơn qua mạng, tất cả các tài liệu sẽ được nộp bằng bản mềm và được nhập vào hệ thống máy chủ của Tòa án mà không cần phải in ra giấy. Những tài liệu này sẽ được quản lý trên máy tính và sẽ được đánh mã số để phục vụ cho việc tìm kiếm”<sup>19</sup>.

*Thứ hai, bổ sung thêm các quy định về tội phạm và tăng chế tài chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm thông tin được bảo vệ trong dữ liệu cá nhân.*

Hiện nay, BLHS năm 2015 quy định 02 tội danh là: “Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác” (Điều 159); và “Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông” (Điều 288). Tuy nhiên, cả 2 tội danh này chưa quy định cụ thể, trực tiếp về các hành vi vi phạm pháp luật liên quan tới dữ liệu cá nhân đang diễn ra hiện nay. Do đó, cần bổ sung và sửa đổi BLHS như sau:

*Một là, quy định là tội phạm đối với các hành vi xâm phạm thông tin cá nhân dưới các hình thức như:*

+ *Xem trộm các dữ liệu cá nhân đã được cài đặt thiết bị bảo vệ*- Người nào không được phép mà lấy được cho mình hoặc một người khác những dữ liệu được xác định là không cho họ và được bảo vệ đặc biệt chống sự tiếp cận trái phép bằng cách vô hiệu hóa sự bảo vệ này thì bị xử phạt tù đến 2 năm hoặc với hình phạt tiền với mức tối thiểu 100 triệu đồng.

+ *Chặn lấy các dữ liệu đã cài đặt thiết bị bảo vệ* - Người nào không được phép mà lấy được cho mình hoặc một người khác những dữ liệu được xác định không cho mình từ một sự truyền dữ liệu không công khai hoặc từ một sự truyền điện tử có từ tính của một thiết bị xử lý dữ liệu bằng cách sử dụng các phương tiện kỹ thuật thì bị xử phạt tù đến ... năm hoặc với hình phạt tiền với mức tối thiểu 100 triệu đồng.

---

<sup>19</sup> Nguyễn Trí Tuệ, “Yêu cầu và triển vọng ứng dụng các công nghệ 4.0 trong thúc đẩy hiệu lực và hiệu quả của các hoạt động tố tụng tại Tòa án”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề pháp lý đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam”, Nxb Tư pháp Hà Nội 2020, tr405.

+ *Hành vi cố ý chụp ảnh/để lộ/phát tán các hình ảnh cá nhân* - Người nào cố tình chụp ảnh chân dung, ảnh thân thể hoặc ảnh nơi cư trú của người khác mà không có sự đồng ý/ cho phép của họ thì bị phạt tù lên đến ... năm hoặc phạt tù với mức tiền tối thiểu 100 triệu đồng.

Trường hợp chụp ảnh/để lộ/phát tán các hình ảnh về thân thể gây tổn hại tinh thần của người khác thì bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng lên đến ...năm tù hoặc phạt tiền với mức phạt.... Đây là quy định rõ ràng làm cơ sở pháp lý cho việc ngăn chặn và xử lý các hình thức xâm phạm thư từ điện tín trên không gian mạng qua các dịch vụ điện tín hiện đại như gmail, facebook, zalo, hoặc truy cập bất hợp pháp vào phần mềm camera riêng tư để chụp ảnh lấy các hình ảnh riêng tư, nhạy cảm.

Các dữ liệu cá nhân được nói đến không chỉ là dữ liệu được lưu trong bộ nhớ điện tử mà còn là các dữ liệu được truyền qua bằng internet. Việc quy định các hành vi này là tội phạm nhằm tạo cơ sở pháp lý để BLHS Việt Nam để làm căn cứ xử lý hình sự đối với các hành vi xem trộm, rao bán các thông tin cá nhân khi các thông tin này đã được lưu riêng vào bộ dữ liệu cá nhân và cài đặt thiết bị bảo vệ trong quá trình tham gia các hoạt động điện tử như giao dịch ngân hàng, giao dịch công vụ...

Ngoài ra, cũng quy định là tội phạm và áp dụng chế tài phạt tiền, đối với hành vi “Chuẩn bị một tội phạm bất kỳ nêu trên theo bằng cách họ tạo ra, lấy được cho mình hoặc một người khác, bán, chuyển giao cho một người khác, phát tán hoặc bằng cách khác làm cho họ tiếp cận.

*Hai là, quy định là cấu thành tội phạm hình thức đối với các tội phạm về xâm phạm thông tin cá nhân có liên quan.*

Cần thay đổi điều kiện truy cứu trách nhiệm tội phạm chỉ dựa trên tính chất nguy hiểm, nghiêm trọng của hành vi phạm tội và mục đích phạm tội, chứ không căn cứ vào hậu quả trên thực tế xảy ra.

Các trường hợp thu lợi bất chính từ ... hoặc gây thiệt hại từ... chỉ sử dụng làm căn cứ để áp dụng tình tiết định khung tăng nặng, chứ không coi là tình tiết định tội, nhằm đạt được mục đích của pháp luật hình sự về ngăn chặn tội phạm.

*Thứ ba, học tập kinh nghiệm của Pháp luật Nhật Bản về thành lập cơ quan chuyên trách và kinh nghiệm của quốc gia Đức trong việc áp dụng chế tài hình sự đối với các chủ thể có trách nhiệm bảo vệ thông tin cá nhân.*

Trước hết pháp luật Việt Nam cần thành lập một cơ quan chuyên trách về giám sát việc tuân thủ việc bảo vệ thông tin cá nhân, như Ủy ban Bảo vệ Thông tin Cá nhân. Ở mỗi lĩnh vực khác nhau sẽ có cơ quan chuyên trách ban hành các hướng dẫn về cách bảo vệ thông tin tùy theo đặc trưng của lĩnh vực đó. Các cơ quan này có nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ việc áp dụng các biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân của các tổ chức có liên quan trong việc cung ứng dịch vụ hay thực hiện các giao dịch điện tử có khai thác thông tin cá nhân. Chủ động phát hiện sự vi phạm và báo cho lực lượng tư pháp để xử lý và có biện pháp ngăn chặn kịp thời nếu có dấu hiệu vi phạm. Trong trường hợp, các cơ quan này không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao mà để xảy ra các hậu quả nghiêm trọng thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trong đó bao gồm chịu trách nhiệm hình sự. *“Sớm xây dựng và hoàn thiện hệ thống xác thực và định danh điện tử. Xây dựng cơ chế đảm bảo an toàn thông tin, trong đó có sự phối hợp cụ thể, chặt chẽ giữa các Bộ, ngành có liên quan như Bộ thông tin và Truyền thông, Bộ tư pháp, Bộ quốc phòng, Bộ công an...trong kiểm tra, giám sát, đánh giá xây dựng, thực thi các chính sách, pháp luật về an toàn thông tin... Nghiên cứu, xây dựng một cơ quan chuyên trách cho các vấn đề về công nghệ số cho người dân, trước hết cơ quan này có thể tập trung vào việc bảo đảm an toàn dữ liệu, an ninh mạng cho các giao dịch điện tử của người dân; thực hiện chức năng quản lý định danh điện tử; cung cấp hồ sơ điện tử và cho phép người dân được thiết lập hộp thư điện tử cũng như các thông tin, dữ liệu khác để sử dụng lâu dài<sup>20</sup>”*. Để thực hiện việc giám sát hoạt động bảo mật thông tin của Cơ quan chuyên trách được thuận lợi, thì pháp luật cũng phải quy định nghĩa vụ và trách nhiệm mã hóa các dữ liệu cá nhân và cài đặt thiết bị bảo mật của các đơn vị cung ứng dịch vụ giao dịch trực tuyến...

Pháp luật cũng cần quy định rõ trách nhiệm và nghiêm cấm các hành vi xâm phạm bí mật riêng tư người khác mà họ có được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chức năng nghề nghiệp của mình đối với các chủ thể nhất định là những người làm các dịch vụ tư vấn, kinh doanh như là Bác sĩ, Các nhà tâm lý chuyên nghiệp; Luật sư,... kiểm toán viên; công ty luật.... công ty thẩm định kinh tế; Tư vấn viên về hôn nhân, tư

---

<sup>20</sup> Bộ tư pháp, báo cáo Kết quả Hội thảo khoa học cấp quốc gia *“Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề pháp lý đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam”*, Nxb Tư pháp Hà Nội 2020, tr470 – 471.

vấn viên về gia đình, tư vấn viên về dạy dỗ hoặc tư vấn viên Thì bị xử phạt với hình phạt tự do đến một năm hoặc với hình phạt tiền.

Cũng bị xử phạt như vậy, người nào không được phép mà tiết lộ bí mật của người khác, trước hết là một bí mật thuộc phạm vi cuộc sống cá nhân... với tư cách là Người có nghĩa vụ đặc biệt trong công vụ; Người đảm nhiệm các nhiệm vụ hoặc thẩm quyền theo pháp luật về đại diện nhân sự.

## **5. Kết luận**

Nhân loại đã bước sang cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 nhờ sự kết hợp giữa các công nghệ lại với nhau, xóa đi ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật và sinh học. Nếu không bắt kịp nhịp độ phát triển của thế giới và khu vực, Việt Nam sẽ phải đối mặt những thách thức và tác động tiêu cực, trong đó có hệ quả đe dọa về an toàn, an ninh thông tin. Trong giai đoạn này, các giao dịch điện tử đã thâm nhập tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Nhiều loại hình kinh doanh mới xuất hiện trên nền tảng điện toán đám mây (cloud computing), công nghệ di động (mobile technology), dữ liệu lớn (big data), mạng xã hội (social media)... Các công nghệ mới ra đời hỗ trợ các hình thức kinh doanh mới của doanh nghiệp, thường vượt ra khỏi phạm vi điều chỉnh của pháp luật hiện hành, đặc biệt cũng đặt ra những thách thức mới trong việc bảo đảm an toàn thông tin người tiêu dùng. Trên thực tế, pháp luật cần phải điều chỉnh liên tục để bắt kịp sự phát triển nhanh chóng của các thành tựu trong khoa học công nghệ ngày nay, để hoạt động kiểm soát hành vi xâm phạm hoặc lạm dụng thông tin cá nhân của người tiêu dùng nhanh chóng và chặt chẽ hơn.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Văn Cương (2020), *Thực trạng pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân ở Việt Nam hiện nay và hướng hoàn thiện*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 15 (415).
2. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Bộ luật hình sự Cộng hòa liên bang Đức*, Nxb Công an nhân dân, Hà nội 2011.
3. Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, “*Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc xây dựng chính sách, pháp luật thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*”; Kỳ yếu HT quốc gia “*Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề pháp lý đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam*”; Nxb Tư pháp Hà Nội 2020.

4. Nguyễn Thị Thái Hưng; Bảo mật thông tin khách hàng khi sử dụng dịch vụ ngân hàng số; <https://thitruongtaichinhliente.vn/bao-mat-thong-tin-khach-hang-khi-su-dung-dich-vu-ngan-hang-so-28428.html>, truy cập ngày 20/4/2022.
5. Nguyễn Trí Tuệ, *Yêu cầu và triển vọng ứng dụng các công nghệ 4.0 trong thúc đẩy hiệu lực và hiệu quả của các hoạt động tố tụng tại Tòa án*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề pháp lý đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam”, Nxb Tư pháp Hà Nội 2020.
6. Bộ tư pháp, báo cáo Kết quả Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề pháp lý đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam”, Nxb Tư pháp Hà Nội 2020;
7. *Bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trên không gian mạng*, [http://www.xaydungdang.org.vn/Home/nhan\\_quyen/2021/15757/Bao-ve-thong-tin-du-lieu-ca-nhan-tren-khong-gian-mang.aspx](http://www.xaydungdang.org.vn/Home/nhan_quyen/2021/15757/Bao-ve-thong-tin-du-lieu-ca-nhan-tren-khong-gian-mang.aspx), truy cập ngày 12.1.2022.
8. *Trao đổi, mua bán thông tin cá nhân sẽ chịu hình phạt nào?* <https://dangcongsan.vn/ban-doc/luat-su-cua-ban/trao-doi-mua-ban-thong-tin-ca-nhan-se-chiu-hinh-phat-nao-580917.html>, truy cập ngày 10.4.2022.
9. Mai Hoàng Thịnh, *Giải pháp phòng tránh rủi ro đối với người mua hàng trong các giao dịch thương mại điện tử tại thị trường Việt Nam*, <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/giai-phap-phong-tranh-rui-ro-doi-voi-nguoi-mua-hang-trong-cac-giao-dich-thuong-mai-dien-tu-tai-thi-truong-viet-nam-80332.htm>, truy cập ngày 20.4.2022;
10. Thủy Diệu, *Hơn 163 triệu tài khoản Zing ID bị rao bán ở nước ngoài*, <https://vneconomy.vn/hon-163-trieu-tai-khoan-zing-id-bi-rao-ban-o-nuoc-ngoai.htm>, truy cập ngày 10.4.2022
11. <https://vnexpress.net/du-lieu-nguoi-dung-facebook-duoc-ban-cong-khai-tai-viet-nam-3727817.html> truy cập ngày 15/2/2022
12. *Vụ nữ diễn viên bị phát tán clip ‘nóng’*: Cần làm rõ thủ tục khám điện thoại, <https://thanhnien.vn/vu-nu-dien-vien-bi-phat-tan-clip-nong-can-lam-ro-thu-tuc-kham-dien-thoai-post1072683.html>, truy cập ngày 15/2/2022

13. <https://vnexpress.net/facebook-bi-kien-vi-thu-thap-du-lieu-cuoc-goi-tin-nhan-3729221.html>, truy cập ngày 15.2.2022.
14. <https://csrc.nist.gov/glossary/term/PII>, truy cập ngày 15/4/2022.
15. *Japan - Data Protection Overview*, <https://www.dataguidance.com/notes/japan-data-protection-overview> truy cập ngày 14.2.2022.

#### **Tham luận 4:**

### **TỘI PHẠM HỌC TRONG LĨNH VỰC QUÂN SỰ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI PHÁP LUẬT HÌNH SỰ**

**Milyukov Sergei Fyodorovich.\***

*Bản dịch của TS. Chu Văn Hùng*

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh cuộc đối đầu vũ trang gay gắt với chế độ phát xít Ukraine và những kẻ bảo trợ phương Tây, cần phải thực hiện một nghiên cứu tội phạm về nguyên nhân của cuộc xung đột, danh tính của những kẻ tổ chức và thủ phạm của cuộc diệt chủng người dân ở Donbass và các khu vực khác của khu vực Nga mới, để đưa ra các khuyến nghị về chiến lược và hoạt động nhằm giảm thiểu hậu quả hình sự của các cuộc xung đột vũ trang. Vì vậy, một ngành tội phạm học mới đang nổi lên và được hình thành để giải quyết những nhiệm vụ trên - tội phạm học trong lĩnh vực quân sự.

**Từ khóa:** Donbass, diệt chủng, chiến đấu, phân tích tội phạm học, tội phạm học trong lĩnh vực quân sự.

*"Chừng nào con người còn tồn tại,  
thì sẽ có chiến tranh".*

A. Einstein

*"Họ đã chia sẻ một cách tồi tệ:  
Rất ít người trở về từ chiến trường ..."*

M.Yu. Lermontov. "Borodino"

Kẻ thù tấn công vào Bryansk, Belgorod, Voronezh, các khu dân cư của vùng Kursk và Rostov. Số người tị nạn và di tản từ các khu vực của Ukraine đang lên đến gần sáu triệu người ... Đó là gì? Báo cáo vàng của Cục Thông tin Liên Xô vào những năm 1941-1942? Không, đây là thông tin mới từ mùa xuân năm 2022!

---

\* GS.TS., Bộ môn Luật Hình sự và điều tra tội phạm, cán bộ khoa học chính, Học viện quản lý Bộ nội vụ Liên Bang Nga; Email: dikoeSF@gmail.com.

Đối với nhiều người (bao gồm, than ôi, một số lượng đáng kể các nhà khoa học luật pháp), chiến dịch quân sự đặc biệt (nói cách khác là chiến tranh), bắt đầu vào ngày 24 tháng 2 năm nay, giống như một tia chớp từ bầu trời xanh. Nhưng thực tế là mọi thứ đang tiến tới một cuộc đối đầu vũ trang gay gắt ở châu Âu và các khu vực khác trên hành tinh đã quá rõ ràng như vào những năm 80 của thế kỷ trước, trong thời kỳ suy tàn sức mạnh của Liên Xô, và thậm chí là sự sụp đổ cuối cùng của nó vào năm 1991.

Đây là những gì chúng tôi đã viết về điều này 17 năm trước: “Kỷ niệm 60 năm Chiến thắng của nhân dân Liên Xô và Hồng quân anh dũng trong cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại 1941-1945. Xã hội và nhà nước Nga gặp nhau trong một hoàn cảnh của một cuộc khủng hoảng hệ thống sâu sắc nhất. Tình hình trên các lĩnh vực địa chiến lược và quân sự-chính trị có vẻ đặc biệt đáng lo ngại: các vùng lãnh thổ rộng lớn và đông dân cư thuộc về Nga trong nhiều thế kỷ đã bị mất, và tiềm lực công nghiệp-quân sự của đất nước đã bị suy yếu nghiêm trọng. Các lực lượng vũ trang của các đối thủ lịch sử và kẻ thù của chúng ta đã trực tiếp áp sát St.Petersburg, Pskov, Belgorod, Voronezh, Rostov, Krasnodar, Astrakhan, Orenburg, Omsk, Barnaul. Các quốc gia như Phần Lan, Estonia, Latvia, Đức, Ukraine, Georgia, Azerbaijan, Trung Quốc và Nhật Bản có yêu sách lãnh thổ rõ ràng hoặc ẩn giấu nhằm chống lại Nga”[1, trang 327].

Nhưng ngay cả bây giờ, dưới những tiếng nổ của mìn, đạn pháo, tên lửa và bom hơi, các vụ nổ súng máy và tự động gần Donetsk, Lugansk, Kharkov, Kherson và Zaporozhye, nhiều luật gia và nhà tội phạm học "thuần túy" tuyên bố rằng họ "bên ngoài chính trị" và không những không thực hiện phân tích khoa học về những gì đang xảy ra nhưng họ cũng căm bản thân và những người khác nói về vấn đề này với học sinh, khiến họ phải chịu sự thương xót của những người viết "theo chủ nghĩa hòa bình", những người khéo léo đầu độc tâm hồn thanh niên bằng sự ôn hòa giả tạo và sự không thể chấp nhận trừu tượng của bạo lực trong một thế giới tràn ngập bạo lực này, như người ta nói, đến tận cùng.

Một vị trí “bàng quang” như vậy đối với chúng tôi dường như là vô cùng thiếu sót. Tội phạm học của Liên bang Nga chưa bao giờ khuất phục trước những vấn đề “tế



nhị” về mặt chính trị, mà nó đã bị đàn áp trong thời kỳ Nga hoàng, Liên Xô và hậu Xô viết khi hình thành và phát triển [2, trang 167-168].

Do đó, việc đi sâu tìm hiểu nguyên nhân và điều kiện bùng phát xung đột ở Ukraine, viễn cảnh leo thang của nó dường như là hoàn toàn cần thiết ngay bây giờ, theo đúng nghĩa đen của từ “hot – nóng bỏng”, đưa ra các khuyến nghị cho chính quyền và xã hội về loại bỏ và ngăn chặn những hậu quả tiêu cực của cuộc chiến tranh này, trước hết là bản chất tội phạm. Vì vậy, một ngành tội phạm học mới đang nổi lên và được hình thành để giải quyết những nhiệm vụ trên - tội phạm học trong lĩnh vực quân sự.

Lý do cho những sự kiện đẫm máu được mô tả là những tuyên bố địa chính trị và kinh tế lâu đời của phương Tây đối với lãnh thổ của chúng ta, của cải tự nhiên và nhân tạo. Không cần thiết phải giảm bớt sự căm ghét thâm căn cố đế của người Công giáo và người Tin lành đối với Chính thống giáo, ngôn ngữ và văn hóa Nga, cam kết xã hội chủ nghĩa của nó, lòng căm thù mà trong nửa đầu thế kỷ 20 đã làm nảy sinh ý thức hệ của chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa Quốc xã ở Ý, Đức, Tây Ban Nha và các nước phương Tây khác.

Ukraine đã nhiều lần trở thành hiện trường của các cuộc đụng độ đẫm máu với những người theo chủ nghĩa dân tộc và những người bảo trợ của họ là Đức, Ba Lan, Anh, và sau đó là Hoa Kỳ. Vì vậy, vào ngày 6 tháng 8 năm 1919, tại một cuộc họp của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô (b), người ta đã nghe thấy một bức điện của Ủy Ban Quân sự Nhân dân L.D. Trotsky về sự cần thiết phải "thanh lọc triệt để hậu phương ở Kyiv, Odessa, Nikolaev và Kherson vì hoàn toàn không thể thành lập và tạo ra một đội quân với băng cướp đang diễn ra ở Ukraine" [3, trang 31-32 ].

Cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng nhân thân của những người khởi xướng việc bóp nghẹt nước Nga bằng phong tỏa kinh tế, những kẻ hâm nóng chiến tranh và những kẻ tổ chức chứng cuồng bạo loạn “Russophobic – chống Nga”, cũng như các đặc điểm tâm lý xã hội của những kẻ thực hiện các kế hoạch dị hướng giữa Bandera và đồng bọn của chúng, cũng như những người khác đôi khi tham gia vào một cuộc chiến huynh đệ tương tàn trái với ý muốn của họ.

Để có các biện pháp ổn định tình hình và giành chiến thắng trước những kẻ thù rõ ràng và tiềm ẩn của Nga, các bước cụ thể cần được đề xuất để tái tạo nền công nghiệp của đất nước, phục hồi nông nghiệp và chăn nuôi, sản xuất thực phẩm chất lượng cao, thuốc men, phương tiện vận tải (bao gồm cả hàng không, đường biển và sông), quốc hữu hóa ngành công nghiệp khai thác, khai thác gỗ, đánh bắt cá.

Cần ngăn chặn và đẩy lùi sự phá hoại sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hóa đại chúng của dân tộc, không ngừng tiến hành tuyên truyền và phản tuyên truyền, lấy ví dụ về việc đối thủ sử dụng khéo léo các phương tiện thông tin đại chúng.

Trong lĩnh vực pháp lý, cần phải trả lại cho Bộ luật Hình sự các quy tắc của luật hình sự quân sự do các nhà cải cách thân phương Tây ném ra từ đó, chủ yếu là những quy phạm được sử dụng hàng ngày trong tình huống chiến tranh.[4, trang 150-156].

Điều này sẽ loại bỏ hoàn toàn hoặc một phần xung đột giữa khoản 1 Điều 1 Bộ luật Hình sự Liên bang Nga, trong đó tuyên bố hành vi được pháp điển hóa này là nguồn duy nhất của luật hình sự và khoản 3 điều 331 của Bộ luật tương tự, quy định sự cần thiết phải tạo ra luật có hiệu lực không chỉ trong thời chiến mà còn trong hoàn cảnh chiến đấu, hiện đang được hình thành hàng ngày trên lãnh thổ Ukraine và Biển Đen và các vùng biên giới của Liên bang Nga.

Trong một phần tư thế kỷ, cơ sở lập pháp về việc tạo ra bộ luật hình sự quân sự nói trên đã không được thực hiện. Và đây không phải là ngẫu nhiên, vì đối với hầu hết các tội phạm này, cụ thể là, đầu hàng hoặc từ bỏ phương tiện chiến tranh cho địch, bỏ trận địa trái phép hoặc từ chối sử dụng vũ khí, tự nguyện đầu hàng do hèn nhát hoặc bạc nhược, cướp bóc, bạo lực đối với nhân dân trong khu vực hoạt động quân sự, theo truyền thống thường quy định hình phạt cho tội này là tử hình (xem điều 261, 263, 264, 266 và 267 của Bộ luật Hình sự Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết Liên bang Nga năm 1960). Hình phạt tương tự cũng được đưa ra đối với hành vi không chấp hành hoặc chống lại chỉ huy trưởng, đào ngũ, bỏ đơn vị trái phép, tự cắt xén, cố ý hủy hoại tài sản quân sự trong thời chiến hoặc trong tình huống chiến đấu (xem điểm “v” của điều 248, điểm “b” điều 239, điểm “c” điều 240, điểm “d” điều 246, điểm “b” và “d” điều 147, điều 248, điểm “b” điều 249, điểm “c” điều 251 của Bộ luật Hình sự Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết Liên bang Nga năm 1960). Hiến pháp Liên bang Nga, được thông qua sớm hơn Bộ luật Hình sự ba năm, mặc dù vẫn giữ nguyên hình

phạt tử hình trong lĩnh vực pháp lý (điều 59), nhưng chỉ giới hạn áp dụng đối với tội chống lại sự sống (giết người) với các tình tiết tăng nặng.

Vì việc thông qua Hiến pháp mới trong điều kiện quân sự-chính trị hiện nay là khó khả thi, nên cần phải tạm thời giảm thiểu xung đột bằng cách đưa vào các chế tài nói trên và các quy phạm khác của luật hình sự quân sự là tù chung thân. Tuy nhiên, khi người phục vụ phạm tội, cùng với các hành vi giết người có tình tiết tăng nặng nêu trên, hình phạt tử hình cũng sẽ được áp dụng cho họ.[5, trang 11-22].

Đồng thời, người ta không nên sợ liên quan đến việc tiến hành các hành động chiến đấu của những người bị kết án về các tội khác nhau, chủ yếu là quân sự [6]. Thông tin có giá trị về chủ đề này có trong cuốn sách hồi ký-tư liệu của cựu chỉ huy một đại đội xạ thủ tiểu liên của tiểu đoàn hình sự thuộc Phương diện quân Belorussia số 1 [6].

Điều 46 của Bộ luật Hình sự Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết Liên bang Nga năm 1960 có thể được coi là nguyên mẫu của thể chế pháp lý tương ứng, khoản 1 trong đó có nội dung: “Trong thời chiến, việc thi hành án phạt tù đối với quân nhân hoặc người phải đi nghĩa vụ quân sự, thuộc diện bắt buộc hoặc điều động, có thể bị Tòa án đình chỉ cho đến khi kết thúc chiến sự, đối với người bị kết án tại ngũ. Tòa án có thể đình chỉ việc thi hành các hình phạt bổ sung”. Than ôi, chế độ Ukraine đã đi trước chúng ta trong việc này.

Vì những lý do rõ ràng, những người trẻ tuổi từ 18-35 nên thuộc lĩnh vực tội phạm học trong lĩnh vực quân sự, vì chính họ là những người chiếm phần lớn trong số các quân nhân của Liên bang Nga trực tiếp tham gia vào các cuộc chiến. Các độ tuổi tương tự chiếm ưu thế trong quân đội Ukraine và các đội hình thân phát xít. Để chống lại những kẻ trong số họ có những hành động tàn bạo khủng khiếp đối với dân thường và tù nhân chiến tranh, Ủy ban điều tra của Liên bang Nga đã tích cực điều tra hình sự, khởi tố hàng trăm vụ án hình sự.

Có vẻ như hành vi như vậy của trẻ vị thành niên là điều không cần bàn cãi. Tuy nhiên, kinh nghiệm của Chiến tranh Vệ quốc Vĩ đại lại chứng minh điều ngược lại.

Vì vậy, vào mùa thu năm 1943, hơn 700 nghìn thanh niên sinh năm 1926 đã được đưa vào hàng ngũ của Hồng quân. Và vào ngày 25 tháng 10 năm 1944, sắc lệnh GKO số 6784ss đã công bố việc kêu gọi những thanh niên sinh năm 1927, tức là Trẻ

hơn 1-2 tuổi so với tuổi nhập ngũ thông thường. Một số lượng lớn trong số họ đã tham gia chiến đấu trên lãnh thổ của Hungary, Đức, Áo, Tiệp Khắc, và sau đó là sự thất bại của Quân đội Đế quốc Kwantung của Nhật Bản. Trước tình hình nguồn nhân lực của đất nước có thể cạn kiệt, không thể loại trừ việc lặp lại kinh nghiệm này.

Trong những năm diễn ra cuộc chiến tranh này, kẻ thù đã thu hút cả những thanh thiếu niên nhỏ tuổi hơn vào các hoạt động chiến tranh và phá hoại. Vì vậy, từ định hướng của Văn phòng đặc biệt của Bộ Dân ủy Nội vụ Liên Xô ngày 5 tháng 6 năm 1942 số 16/22128, có thể thấy rằng “bộ phận đặc biệt của Mặt trận Bryansk, trên cơ sở tài liệu điệp viên và điều tra, thiết lập sự tồn tại ở thành phố Mtsensk của một trường tình báo của tình báo quân đội Đức, nơi đào tạo thanh thiếu niên từ 11-13 tuổi, sau đó cử họ đến phe ta để thu thập thông tin gián điệp. Sĩ quan tình báo Đức "Roslavets" bị bắt - Kuzmichev N.I., sinh năm 1929, tốt nghiệp trường này, vượt qua chiến tuyến và ghi danh vào Trung đoàn Dự bị Quân đội 18 và chỉ sau đó bị mật thám phanh phui [7, trang 527.].

Ngoài ra, trẻ vị thành niên và thanh niên ở các khu vực xảy ra hoặc đã từng xảy ra chiến sự sẽ thực hiện mọi hình thức tấn công nhằm vào cả dân thường và quân nhân, sử dụng vô số vũ khí và thiết bị quân sự bị bỏ lại trên chiến trường hoặc đánh cắp từ kho quân đội và xe lửa.

Những quá trình khủng khiếp này phải được nghiên cứu kỹ lưỡng, và quan trọng nhất là phải được trấn áp kịp thời để bảo đảm vững chắc luật pháp và trật tự cả ở tiền tuyến và hậu phương.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Милуков С.Ф. Отечественное военно-уголовное право: история и современность // История уголовного права и ее значение для современности: Матер.V Межд. научн.-практич. конф., состоявшейся на юрид. ф-те МГУ им. Ломоносова 26-27 мая 2005 г. М.: ЛекЭст, 2006.

2. Милуков С.Ф. Солнце криминологии дланью чиновничьей не прикроешь // Личность преступника и ее криминологическое изучение. Под ред. А.И. Долговой. М. 2018.

3. Политбюро ЦК РКП (б) — ВКП(б): Повестка дня заседаний. Т.1.1919-1929. М.,2000. (цит. по: Чернявский Г.И. Лев Троцкий. 2-е изд. М.: Молодая гвардия, 2012. С. 253).
4. Милюков С.Ф. Вновь о мобилизационном векторе российской уголовной политики // Уголовная политика и правоприменительная практика. СПб., 2015.
5. Милюков С.Ф. Смертная казнь как актуальное наказание // Профессиональное юридическое образование и наука. 2021. №1.
6. Пыльцын А.В. Штрафной удар или как офицерский штрафбат дошел до Берлина. 2-е изд., испр. и доп. СПб., 2005.-340 с. с иллюстр.
7. Органы государственной безопасности СССР в Великой Отечественной войне. Сб. документов. Том.3. Кн. 1 \ Предс. ред. колл. доктор юрид наук, генерал армии Н.П. Патрушев. М., 2003.

## **Tham luận 5:**

### **VIỆC SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT SỐ TRONG KHÁM NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG**

**Kustov Anatoly Mikhailovich\***

*Bản dịch của TS. Chu Văn Hùng*

**Tóm tắt.** Bài viết đề cập đến vấn đề sử dụng trí tuệ nhân tạo trong khám nghiệm hiện trường, cũng như các chương trình và cơ sở dữ liệu truy xuất thông tin kỹ thuật số trong việc tiến hành hoạt động điều tra này. Tầm nhìn của tác giả về nội dung của thông tin kỹ thuật số được đưa ra, các định hướng riêng trong việc sử dụng công nghệ cao việc tiến hành khám nghiệm điều tra.

**Từ khóa:** trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin kỹ thuật số, mô hình kỹ thuật số máy tính, hành động tố tụng, điều tra viên, tội phạm.

Các chiến thuật khám nghiệm hiện trường của một vụ án bao hàm một tập hợp các thủ thuật, việc thực hiện các thủ thuật này nhằm đảm bảo mục tiêu đạt được nhanh chóng và thành công nhất. Các thủ thuật chiến thuật khám nghiệm - là các thủ thuật định hướng chính xác tại hiện trường xảy ra sự cố, xác định đúng ranh giới của khám nghiệm, các phương pháp tiến hành khám nghiệm, đánh giá đúng và khắc phục tình hình, cũng như phát hiện, củng cố và thu giữ dấu vết, vật chứng vật chất khác [1].

Các chiến thuật khám nghiệm hiện trường vụ án bao gồm ba giai đoạn độc lập - chuẩn bị, chính và kết thúc [2]. Giai đoạn chuẩn bị khám nghiệm của điều tra viên (điều tra viên sơ bộ) được hình thành từ các hành động sau: thông tin được tiếp nhận và phân tích từ người nộp đơn (cán bộ tiếp nhận tin báo, trực ban) về bản chất của sự việc, điều kiện và môi trường mà cuộc khám nghiệm sẽ phải được thực hiện; Các biện pháp được cung cấp hoặc thực hiện để bảo vệ hiện trường xảy ra vụ án (thanh tra khu vực, cán bộ đội tuần tra, v.v.), cũng như hỗ trợ y tế cho nạn nhân của tội phạm; thực hiện các biện pháp ngăn chặn và giảm nhẹ hậu quả của tội phạm, cũng như truy tìm tội phạm theo dấu vết nóng; Các thành viên của nhóm điều tra được xác định (lựa chọn):

---

\* Tiến sĩ khoa học Luật, Giáo sư, Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Tự nhiên Nga, Luật sư ưu tú Liên bang Nga, Nghiên cứu viên chính của Viện Nghiên cứu (Học viện Quản lý thuộc Bộ Nội vụ Nga), Matxcova, Nga; Email: amkustov@bk.ru.

người làm chứng (nếu hiện trường vụ án ở xa nơi dân cư), chuyên gia (bác sĩ), cán bộ trinh sát, kỹ thuật viên hoặc giám định viên-điều tra hình sự (giám định viên pháp y), cán bộ huấn luyện và chó nghiệp vụ, v/v; xác định các phương tiện kỹ thuật cần thiết cho việc khám nghiệm (vali điều tra (cặp tài liệu), dụng cụ tìm kiếm và đo lường, phương tiện phát hiện dấu vết vô hình và khó nhìn thấy, phương tiện củng cố và thu giữ dấu vết, phương tiện để củng cố tiến độ khám nghiệm), kiểm tra sự sẵn sàng; các mẫu văn bản tố tụng, công cụ soạn thảo văn bản được chuẩn bị; địa điểm và thời gian của khám nghiệm điều tra sẽ được xác định. Khởi hành đến một nơi (đầu tiên) nhất định của vụ án được thực hiện. Điều tra viên (điều tra viên sơ bộ) có điện thoại di động, máy tính bảng hoặc máy tính xách tay có phần mềm kỹ thuật số phù hợp và kết nối Internet.

Các hành động khi đến nơi khám nghiệm (nếu chưa được thực hiện trước đó) được thực hiện theo trình tự sau: xác định điều gì đã xảy ra; hỗ trợ y tế cho các nạn nhân; tổ chức bảo vệ hiện trường; hậu quả của tội phạm được vô hiệu hóa; có tổ chức việc bắt giữ nghi can (bị can) “theo dấu vết nóng”; nhân chứng-người làm chứng của sự kiện tội phạm đã xảy ra được xác lập và thẩm vấn.

Việc thẩm vấn phải mất một khoảng thời gian tối thiểu. Mục đích chính của thẩm vấn là quyết định, trên cơ sở thông tin nhận được, liệu có dấu hiệu tội phạm trong một sự kiện nhất định hay không và do đó, liệu có cần thiết phải khám nghiệm hay không; nếu vậy, những gì cần được chú ý đặc biệt. Sau khi hình dung đầy đủ và rõ ràng về sự kiện, cuối cùng điều tra viên (điều tra viên sơ bộ) quyết định chọn nhóm những người tham gia khám nghiệm và tiến hành khám nghiệm trực tiếp. Xác định ranh giới của nơi khám nghiệm và tìm hiểu xem liệu có những thay đổi trong tình hình từ thời điểm xảy ra vụ việc cho đến khi điều tra viên đến hay không; chụp trên máy tính bảng (máy tính xách tay, máy quay phim) tất cả những người có mặt tại hiện trường và gần đó, sau đó loại bỏ những người không được phép tham gia; làm rõ, có tính đến phân tích thực trạng, quyền và nghĩa vụ của những người tham gia khám nghiệm.

Sau đó, điều tra viên tiến hành kiểm tra tổng thể khu vực vụ án với việc cố định các đối tượng tại chỗ bằng công nghệ kỹ thuật số, tiếp nhận hiện trường vụ việc ở dạng 3D trên màn hình và sau đó tiến hành khám nghiệm hiện trường chi tiết. Các đối tượng

được nghiên cứu khi khám nghiệm hiện trường vụ việc là: nơi gắn liền với ý tưởng của vụ việc, tức là một mảnh đất hoặc mặt bằng; tình hình tại hiện trường; xác người hoặc các bộ phận của chúng; dấu vết của tội phạm và kẻ phạm tội; các vật dụng hoặc tài liệu khác được tìm thấy bên ngoài hiện trường xảy ra vụ án, nhưng có liên quan đến sự kiện tội phạm. Liên quan đến việc khám nghiệm chi tiết hiện trường: các đối tượng của tình hình được xem xét một cách cẩn thận và chi tiết. Để làm điều này, có thể di chuyển hoặc lật lại đồ vật; tất cả các biện pháp hiện có được thực hiện để phát hiện dấu vết của tội phạm và các vật chứng khác tại chính hiện trường và tại các đồ vật riêng lẻ của nó; những thay đổi trong môi trường và các dấu hiệu tiêu cực về trạng thái của các đối tượng được ghi lại; Chụp ảnh, quay phim, quay phim chi tiết và rõ ràng về hiện trường vụ án và các đồ vật của nó, v.v. được thực hiện.

Một phân tích về thực tiễn điều tra và giám định tư pháp hiện nay đã chỉ ra rằng các công cụ kỹ thuật điều tra hình sự sử dụng công nghệ kỹ thuật số giúp bạn có thể nhanh chóng sử dụng cơ sở dữ liệu điều tra hình sự khổng lồ và các cơ sở dữ liệu khác (hồ sơ thống kê điều tra hình sự), tạo điều kiện cho việc tích hợp chặt chẽ giữa các điều tra viên (điều tra viên sơ bộ), thẩm phán với các các bộ khác của các cơ quan bảo vệ pháp luật, công tố viên và các giám định viên trong khi tiến hành các hoạt động điều tra và tư pháp khác [7], bao gồm cả việc khám nghiệm hiện trường.

Rõ ràng là các công cụ điều tra kỹ thuật số tự động nằm trong quá trình xử lý của máy tính và dẫn xuất của nó - trí tuệ nhân tạo. Trí tuệ nhân tạo trong điều tra hình sự có thể được hiểu là phức hợp phái sinh (hệ thống) bao gồm hệ thống máy tính (mạng, máy tính cá nhân và máy tính kỹ thuật số khác), chương trình máy tính (phần mềm), cơ sở dữ liệu (hồ sơ thống kê điều tra hình sự và thông tin quan trọng về mặt pháp lý được lập trình về tội phạm đã thực hiện và những người tham gia) và mạng nơ-ron nhân tạo thực hiện các chức năng toán học. Các phức hợp này đảm bảo sự hình thành và hoạt động của trí thông minh này [7].

Các phân tích khoa học được tiến hành về thực tiễn điều tra đã chỉ ra rằng trí tuệ nhân tạo có thể đơn giản hóa đáng kể công việc của điều tra viên (điều tra viên sơ bộ) tại hiện trường, về mặt: nghiên cứu các tài liệu pháp lý và tài liệu của một vụ án hình sự; phân tích các bằng chứng trực tiếp và gián tiếp hiện có và xác định mức độ có thể xảy ra của tình huống điều tra mới nổi và bản chất của vụ án hình sự trong tương lai;



chuẩn bị nhanh chóng cơ sở kỹ thuật số thông tin cần thiết để xác minh và phân tích bằng chứng thu được (có sẵn trong vụ án); hình thành các đề xuất cho chương trình (thuật toán) của các hành động sau khi khám nghiệm điều tra, v.v.

Trí tuệ nhân tạo này không chỉ có thể hoạt động (làm việc) theo một thuật toán (chương trình) định sẵn mà còn thực hiện các chức năng sáng tạo của con người như ra quyết định, dự báo, đánh giá rủi ro, làm việc với dữ liệu không đầy đủ trong một vụ án và hồ sơ thống kê điều tra hình sự, dự đoán hậu quả, thống kê và phản ứng với thông tin quan trọng bổ sung, v.v.

Trí tuệ nhân tạo ngày nay được sử dụng bởi cán bộ trinh sát, điều tra viên, điều tra viên sơ bộ và giám định viên tại hiện trường vụ việc khi thu thập, sửa chữa và xử lý một lượng lớn dữ liệu về tội phạm đã thực hiện và những người tham gia, trong việc thu thập và xử lý thông tin trinh sát và dựa trên những kết quả này để thực hiện quyết định về quản lý trinh sát của chính quá trình điều tra, v.v.

Phân tích về thực tiễn điều tra và giám định hiện nay đã chỉ ra rằng việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong các hoạt động điều tra, trinh sát và giám định, cũng như trong khám nghiệm hiện trường và được xác định trong các lĩnh vực sau: đánh giá và phân tích thông tin chính về một sự kiện tội phạm và những người tham gia của nó; mô hình hóa cơ chế của tội phạm đã thực hiện, hậu quả và dấu vết của nó; loại trừ các dấu hiệu có tính hàng loạt ra khỏi các vụ án đang điều tra, kết hợp các tội phạm có tính chất tương đồng; xác định các dấu hiệu nghiêm trọng của hành vi phạm tội đã thực hiện; đánh giá mức độ đầy đủ của chứng cứ trong các tài liệu của vụ án hình sự; lập kế hoạch các hành động điều tra sâu hơn và các biện pháp trinh sát, mô tả hoàn cảnh trinh sát, v.v. [5].

Dựa trên các thông số này, hệ thống kỹ thuật số tạo thành một bức chân dung tìm kiếm của tên tội phạm và tính toán tất cả các phương án có thể có cho các hành động của hắn và trả về câu trả lời chính xác nhất. A.A. Bessonov giải thích rằng bằng sơ đồ này thông qua trí tuệ nhân tạo có thể xác định tuổi của một phạm nhân có thể xảy ra (với độ chính xác là 80%), sự hiện diện của các bệnh lý tâm thần, cũng như tiền án (với độ chính xác là 81,5%); và với độ chính xác 96%, một chương trình máy tính có thể xác định liệu kẻ phạm tội có quen biết với nạn nhân hay không và mô tả các phương thức di chuyển của kẻ gây án [3, 4].

Khi tin tưởng vào một siêu máy tính, cần lưu ý rằng, thực sự, trí tuệ nhân tạo có khả năng xử lý một lượng lớn dữ liệu nhúng mà con người có thể dễ dàng nhầm lẫn, tuy nhiên, một chiếc máy chỉ có thể phân tích dữ liệu đã được đưa vào nó. Trực giác (linh cảm) của con người thì không thể được đưa vào máy tính.

Trong quá trình giám định điều tra hình sự và giám định tư pháp khác, các giám định viên sử dụng các chương trình kỹ thuật số máy tính để kiểm tra các đồ vật thu giữ được từ hiện trường. Trí tuệ nhân tạo cho phép chuyên gia tự động xác định thuộc tính của nó dựa trên vật liệu sinh học nhận được, tức là xác định các đặc điểm giải phẫu bên ngoài của tội phạm có thể xảy ra (ví dụ, màu mắt, tóc, hình dạng khuôn mặt, đầu, v.v.).

Ngày nay, với sự tham gia của các nhà khoa học về y tế, sinh học, hóa học và các chuyên gia khác, các chương trình đã được phát triển và đang được phát triển để xác định và sửa chữa các liên kết sinh học và các vật liệu sinh học khác tại hiện trường để xác định các dấu hiệu và đặc tính của nhân thân của người phạm tội hoặc nạn nhân, trong đó đã ở hiện trường nơi xảy ra tội phạm nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Trong thực tiễn điều tra tội phạm, có những phát triển sử dụng công nghệ kỹ thuật số dựa trên cơ sở thực nghiệm của các đặc điểm hình sự của tội phạm, cho phép hình thành các giả thuyết điều tra hình sự hứa hẹn nhất về nhân thân kẻ phạm tội (K.A. Nelyubin) và các chương trình máy tính để điều tra tội phạm: " Crimeserieslinkage " - một chương trình xác định tội phạm hàng loạt và tội phạm (A.A. Bessonov); "PorserO" - một chương trình tạo hình chân dung của một tên tội phạm hàng loạt (A.A. Bessonov) [3,4], v.v.; hệ thống truy xuất thông tin tự động "Blok", góp phần xác định hướng đi phù hợp trong công tác điều tra tội phạm kinh tế; hệ thống tự động "Maniac", cung cấp thông tin về nhân thân của kẻ phạm tội trong cuộc điều tra các vụ giết người hàng loạt vì lý do tình dục; Hệ thống thông tin "Sprut" tìm kiếm và giúp xác định các liên hệ và các kết nối khác giữa bọn tội phạm và trong một số trường hợp là nạn nhân trong tương lai; công cụ tìm kiếm "An toàn", góp phần xác định hướng tìm kiếm và điều tra hành vi trộm cắp quỹ từ các cơ sở lưu trữ chuyên dụng, cũng như hệ thống thông tin địa lý "Zerkalo", vận hành dữ liệu không gian (thực tế và thống kê) trong quá trình hỗ trợ điều tra tội phạm, v.v.

Thực tiễn điều tra đã chỉ ra rằng trí tuệ nhân tạo có thể được sử dụng hiệu quả nhất trong quá trình khám nghiệm hiện trường. Vì vậy, có mặt tại hiện trường vụ việc, điều tra viên và giám định viên không chỉ nghiên cứu tình hình vật chứng mà trên cơ sở kinh nghiệm của bản thân, cố gắng đoán xem tội phạm hoặc nạn nhân sẽ xảy ra ngay tại chỗ. Với sự trợ giúp của công nghệ kỹ thuật số cao và sử dụng hồ sơ thống kê điều tra hình sự, cơ sở dữ liệu được lập trình từ hiện trường vụ việc và thông tin từ các nguồn Internet (mạng xã hội), điều tra viên (điều tra viên sơ bộ có thể: xác định các tội phạm tương tự đã được khám phá hoặc chưa khám phá trước đó dựa trên mô tả chi tiết về sự kiện hình sự đang được điều tra; sử dụng vật liệu sinh học (DNA) thu được từ hiện trường, để xác định với xác suất cao hơn các đặc điểm giải phẫu bên ngoài của kẻ phạm tội, ví dụ, màu mắt, hình dạng tương đối của khuôn mặt, màu tóc, hình dạng tương đối của đầu và cơ thể, màu da; Theo dữ liệu thu được, dựng chân dung tâm sinh lý của tội phạm bị truy nã, nhận dạng thực tế hầu hết những người gây án, xác định nhân thân nạn nhân và tử thi không rõ nguồn gốc; Xem xét dữ liệu trích xuất từ điện thoại di động, xác định những người đã tham gia hội thoại, tìm kiếm những người có liên quan đến sự kiện phạm tội được thực hiện, thực hiện trinh sát tìm kiếm và xác định khuôn mặt của một người từ hình ảnh hoặc hình ảnh video, tạo bộ nhận dạng (chân dung) của một tên tội phạm có thể xảy ra và thông qua hệ thống nhận dạng khuôn mặt trong tàu điện ngầm, trên đường phố và những nơi công cộng khác để tổ chức tìm kiếm, v.v.

Hơn nữa, công nghệ kỹ thuật số, phần mềm và kết quả của việc quay phim hoặc quay phim từ trên không giúp bạn có thể tự tạo hiện trường ở dạng 3D trên màn hình của máy tính bảng hoặc máy tính xách tay tại hiện trường vụ án hoặc tai nạn giao thông. Giao tiếp với máy tính đầu chính, nơi thông tin được thu thập từ một loạt các vụ án hình sự tương tự, chỉ ra hoặc dự đoán vị trí có thể có dấu vết và các vật chứng khác.

Việc sử dụng trí tuệ nhân tạo hiệu quả nhất có thể trong việc khám nghiệm điều tra, tức là đây là việc sử dụng: các phương tiện kỹ thuật số chụp ảnh hoặc ghi hình và xem xét dấu vết tội phạm, đồ đạc tại hiện trường vụ án và chuyển các thông tin này đến máy tính của điều tra viên (điều tra viên sơ bộ) và các tài liệu của vụ án hình sự điện tử; công nghệ kỹ thuật số trong việc soạn thảo văn bản tố tụng điện tử dựa trên kết quả xem xét vật chứng và ghi lại quá trình tố tụng; trí tuệ nhân tạo để xử lý thông

tin (bao gồm kiểm tra dấu vết) từ hiện trường của một kẻ phạm tội có thể xảy ra, xác định nó bằng hồ sơ thống kê hình sự (bao gồm cả dấu vân tay), mô hình hóa chân dung của một nghi phạm và nhận ra anh ta thông qua máy quay video đường phố, tàu điện ngầm, nhà ở, v.v..

Cần lưu ý rằng vấn đề chính trong việc khám phá và điều tra một sự kiện tội phạm đã xảy ra là những tên tội phạm đã phạm tội hàng loạt không được nhận ra ngay lập tức, đặc biệt là khi chúng hoạt động ở một lãnh thổ lân cận. Và trong tình huống này, trí tuệ nhân tạo hoàn toàn có khả năng giúp giải quyết vấn đề này bằng cách so sánh tất cả các chi tiết của một vụ án hình sự. Tuy nhiên, bằng cách so sánh các dữ liệu khác nhau, rất khó dự đoán, kẻ thủ ác sẽ di chuyển vào ngày nào, lúc nào, ở địa điểm nào để thực hiện hành vi phạm tội tiếp theo.

Do đó, các công nghệ kỹ thuật số hiện đại được các điều tra viên và giám định viên-điều tra hình sự sử dụng khi khám nghiệm hiện trường tội phạm có thể tự động phát hiện các dấu hiệu của tội phạm nghiêm trọng và liên tiếp, có liên quan bằng cách sử dụng vật liệu sinh học thu được từ hiện trường vụ án, để xác định các đặc điểm giải phẫu bên ngoài của tội phạm (ví dụ: mắt màu sắc, tóc, hình dạng khuôn mặt, đầu, v.v.).

Dựa trên những điều đã đề cập ở trên, có thể rút ra các kết luận sau: trí tuệ nhân tạo chỉ hoạt động như một trợ thủ quan trọng cho cán bộ trinh sát, điều tra viên, điều tra viên sơ bộ, giám định viên hoặc thẩm phán; Xác định khả năng sử dụng trí tuệ nhân tạo trong quá trình khám nghiệm hiện trường vụ việc trong các lĩnh vực sau: có khả năng mô hình hóa các cơ chế phạm tội bằng hình ảnh dấu vết sử dụng công nghệ kỹ thuật số; Hiệu quả của việc lấy dấu vân tay, chữ viết tay, khuôn mặt, sinh học tư pháp và các nghiên cứu khác đã được tăng lên thông qua việc sử dụng trí tuệ nhân tạo; hoạt động tìm kiếm và nhận thức của thông tin quan trọng không thể tiếp cận được về mặt tội phạm đã thực hiện và những người tham gia của nó thông qua các khám nghiệm điều tra; hoàn thiện hoạt động nhận biết dấu hiệu và đặc tính của đối tượng truy nã thông qua hệ thống camera giám sát nơi công cộng, v.v.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Авторский коллектив. Криминалистика для бакалавров. - М.: Проспект, 2021. С. 119, 387, 480.

2. Авторский коллектив. Криминалистическая теория и практика расследования умышленных убийств. – М.: Юрлитинформ, 2020. С. 78.
3. Бессонов А.А. Частная теория криминалистической характеристики преступлений. М.: Академия У МВД РФ, Дисс. на соиск. докт. юр. наук, 2017.
4. Бессонов А.А. О некоторых возможностях современной криминалистики в работе с электронными следами. М.: Вестник университета им. О.Е. Кутафина, 2019. С. 46-52.
5. Веренич И.В., Кустов А.М., Прошин В.М. Криминалистическая наука и теория механизма преступления. - М.: Юрлитинформ, 2016. С. 667.
6. Кустов А.М. История криминалистической практики и науки (X в. – середина XX в.). - М.: Юрлитинформ, 2019. С.201 - 236.
7. Кустов А.М. Лапин В.О. Современная криминалистическая практика и наука (конец XX в. – начало XXI в.). Том 1.– М.: Юрлитинформ, 2021. С. 85-111.
8. Кустов А.М. Лапин В.О. Современная криминалистическая практика и наука (конец XX в. – начало XXI в.). Том 2.– М.: Юрлитинформ, 2021.